

# THÔNG LUÂN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
 Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
 Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

## Xã luận

### Lụt và trách nhiệm nặng nề của chính quyền cộng sản

Lụt tại miền Tây Nam phần, lụt tại miền Trung.

Lụt đã làm thiệt mạng gần 400 đồng bào, trong đó phần lớn là trẻ em. Con số nạn nhân vẫn còn đang gia tăng.

Những số liệu đầu tiên cho biết tại miền Trung đã có ít nhất 19 người chết, 6 000 căn nhà và 6 000 hecta lúa bị hủy hoại. Nhưng thiệt hại nặng nhất về sinh mạng và tài sản là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây trên 300 000 căn nhà đã bị nước ngập và cuốn đi, gần hai triệu người đang cần được cứu giúp, trong đó một nửa cần được cứu giúp khẩn cấp về lương thực và thuốc men. Những thiệt hại về vật chất (hàng chục ngàn mẫu lúa, cây canh tác và ao nuôi cá) được ước lượng 70 triệu USD. Con số này có thể là nhỏ theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng là 170 000 lợi tức hàng năm của một người dân miền Tây Nam phần (400 USD/năm).

Thiên tai tại miền Trung gần như năm nào cũng có. Năm nay phải được coi là một năm may mắn. Cách đây hai năm bão lụt đã từng làm thiệt mạng 600 người và gây thiệt hại gần 300 triệu USD cho miền Trung vốn đã rất nghèo khổ. Năm ngoái sự thiệt hại về người và của cũng đã cao hơn năm nay. Chúng ta cần ý thức được một tình trạng bi đát đã trở thành tự nhiên tại miền Trung: năm nào cũng có lụt và tiếp theo lụt là hạn hán. Đó là hậu quả của một chính sách cai trị bất chấp môi trường mà Đảng Cộng sản đã theo đuổi trong nhiều năm: phá rừng bừa bãi, không xử lý phế liệu, đánh cá bằng chất nổ. Nhà nước, khi không tự tay phá hoại, làm ngơ cho những hoạt

động phá hoại môi trường. Hiện nay tuy đã ý thức được sai lầm kinh khủng này, họ vẫn chưa có một chính sách quả quyết nào để khôi phục. Những lời kêu gọi giữ gìn môi trường của một chính quyền đã mất hết tín nhiệm của dân chúng chỉ là những tiếng kêu yếu ớt trong sa mạc. Môi trường tiếp tục xuống cấp. Rừng đã bị phá gần hết, không còn khả năng giữ được nước để tránh lụt trong mùa mưa và giữ ẩm ướt trong mùa nắng. Mùa mưa nước tràn xuống gây ngập lụt trước khi thoát ra biển. Sau đó là khô cằn.

Đáng giận hơn nữa là các vụ lụt kinh niên ở lưu vực sông Cửu Long, bởi vì đây là những tai họa đáng lẽ không thể có. Mọi người biết rõ năm nào nước sông Cửu Long cùng dâng lên từ bốn tát mít tùy địa điểm, và năm nào cũng mưa lũ bắt đầu vào cuối tháng 8. Không có gì là bất ngờ cả, đó là một hằng số của miền này. Vậy sau gần ba mươi năm hòa bình vấn đề vẫn chưa được giải quyết, và mỗi năm hàng trăm người vẫn chết thảm và hàng trăm ngàn năm làm việc bị nước cuốn trôi. Mà giải pháp có khó gì đâu? Mọi người đều biết giải pháp giản dị là đào kênh, đào hò, đắp đất lên cao thành những vùng cư trú và canh tác. Đất ở đây lại mềm không đòi hỏi cơ giới tốn kém. Nếu có một chính sách quốc gia thực sự thì chỉ vài năm vấn đề đã có thể giải quyết và không những thế còn biến vùng Đồng Tháp thành một khu du lịch và nghỉ ngơi có giá trị với một nguồn thủy sản lớn.

Bất cứ một chính quyền có chút liêm sỉ nào cũng đã phải từ chức trước một bất

lực bi đát như vậy. Nhưng chính quyền này không phải là một chính quyền trách nhiệm. Những cố gắng chỉnh trang lãnh thổ như vậy không đem lại lợi tức cho các quan chức nên đã nầm yên trong các hồ sơ. Ưu tư của Đảng và nhà nước cũng không phải là phúc lợi quốc gia mà là giữ chính quyền bằng mọi giá. Cố gắng của chính quyền tập trung vào việc đàn áp những người dân chủ, bắt giam những người lập hội chống tham nhũng, quản chế Thích Quảng Độ, bỏ tù Nguyễn Văn Lý, điều động cán bộ viết báo Đảng và thư rosi bôi nhọ những người khác chính kiến.

Chúng ta là một dân tộc đất hẹp người đông. Mật độ dân cư của chúng ta, 240 người trên một cây số vuông, gần bằng Ấn Độ và gấp hai lần Trung Quốc. Đàm, gần ba phần tư lãnh thổ lại là đồi núi hoặc đầm lầy không cư trú và canh tác được. Trong hoàn cảnh đó, ưu tư lớn nhất của chúng ta là phải bảo vệ và cải thiện môi trường, bài toán giữ nước của chúng ta trước hết là đất và nước.

Chính quyền độc tài hiện nay không do dân mà ra nên nó không có ưu tư đó. Nó không mấy quan tâm đến đất nước. Nó đặt quyền lợi của chính nó trên hết và trước hết. Nó triệt tiêu trí tuệ và sinh lực của dân tộc và nó cũng hủy hoại cả mảnh đất mà ông cha đã để lại. Nó phải chịu trách nhiệm về cái chết của bốn trăm đồng bào trong mùa lũ năm nay và của nhiều ngàn người trong những năm trước. Nó có ích lợi gì? Tại sao nó vẫn còn đó?

**Thong Luận**

Vài cảm nghĩ về biến cố ngày 11-9-2001

## Nguy cơ thật sự đe dọa nhân loại ngày nay là cuồng tín

Tôn Thất Thiện

Không ai bình thản được trong vụ World Trade Center của New York và Pentagon ở Washington bị đột kích ngày 11-9-2001, tổn thất nặng nề về vật chất và nhất là về nhân mạng chưa từng thấy.

Tác giả của cuộc tấn công nói trên là những phần tử khủng bố thuộc Hồi giáo. Do đó, phần đông bình luận gia đã dùng những từ ngữ như "quân khủng bố Hồi giáo", "Hồi giáo quá khích", "thánh chiến với Hồi giáo".

Nhưng từ ngữ trên đây chứa một số ý niệm cần được làm sáng tỏ để có thể đi đến một tầm nhìn sâu hơn và rộng hơn là dữ kiện "New York - Washington, 11-9-2001" và đạo Hồi giáo.

"Quân khủng bố" không thuộc riêng gì Hồi giáo. Như các tôn giáo khác, Hồi giáo, tự nó, không phải là một tôn giáo quá khích. Ngay sau ngày 11-9-2001 có nhiều người từ trong các giới Hồi giáo đã lên tiếng giải thích rằng Hồi giáo, cẩn bản, là một tôn giáo chủ trương hòa bình và bác ái. Tất nhiên là phải thế. Không có tôn giáo nào chủ trương trấn trộn giết người, nhất là hàng ngàn người thường dân một lúc, bất kể già, trẻ, trai, gái. Dù sao, Hồi giáo không phải là tôn giáo duy nhứt chứa những người quá khích. Ở Israel đạo Do Thái cũng đầy rẫy loại người đó.

Khủng bố là phương thức hành động của những kẻ cuồng tín. Nó xảy ra không những giữa những người thuộc tôn giáo khác nhau, mà ngay cả giữa những người cùng thờ một thiên thần. Ở Ireland, từ mấy chục năm nay, những phần tử cuồng tín vẫn thẳng tay giết nhau, nhưng cả hai bên - Công giáo và Tin lành - đều nhân danh Chúa Jesus để làm chuyện sát phạt đó. Ở Iran, Iraq, Hồi giáo thuộc các phái khác nhau (Shiite và Sunnite) cũng thẳng tay sát phạt nhau, và họ đều nhân danh Mohammed ! Ở Ấn Độ, những người thuộc Hồi giáo và Ấn giáo xung đột nhau hăng say, và cả hai bên đều sử dụng khủng

bố, tuy rằng họ cùng là công dân của một nước.

Có khi khủng bố nhằm chính lãnh tụ của họ. Ông Gandhi đã bị một người cuồng tín đồng tôn giáo, là Ánh giáo, ám sát vì ông ta chủ trương hài hòa giữa Ánh giáo và Hồi giáo ; sau này, bà thủ tướng Indira Gandhi (con gái của ông Nehru) bị một người cận vệ của bà ám sát vì bà đã ra lệnh cho quân đội dùng vũ lực trực xuất những phần tử Hồi giáo chiếm đóng một ngôi đền Ánh giáo mà người Hồi giáo quá khích cho rằng đã xây trên một thánh địa của họ. Ông Rabin, thủ tướng Israel, đã bị một người Do Thái ám sát vì ông ký thỏa hiệp hòa bình với chủ tịch Tổ chức Giải phóng Palestine, Yasser Arafat, và tổng thống Ai Cập Anwar el-Sadate này lại bị một người đồng đạo Hồi giáo ám sát vì ký thỏa hiệp với thủ tướng Do Thái, Begin.

Ở Ceylon, Phật giáo và Tamul, cùng hăng say sát phạt nhau, và khủng bố nhau từ mấy chục năm nay tuy là người đồng xứ. Ở Algeria, dân Hồi giáo tự xưng là "chính thống" thẳng tay cưa cỗ những người Hồi giáo khác mà họ cho là không "chính thống" dù rằng những người này cũng là dân Algeria và đọc kinh cầu nguyện Allah. Ở Yugoslavia thì hết dân Serbia thuộc chính giáo bắn giết và đốt phá tài sản của người Kosovo thuộc Hồi giáo, lại đến phiên người Kosovo trả đũa dân Serbia như vậy, tuy rằng người Serbia và người Kosovo đều là công dân Yugoslavia. Và chớ nên quên là Việt Nam trong những năm 1960 chúng ta đã trải qua những cuộc xung đột tôn giáo, với hậu quả mà mọi người đều biết.

Trên đây không kể các cuộc sát phạt nhau ghê gớm ở châu Phi giữa dân một số quốc gia vì tình thù bộ lạc cuồng tín.

Vấn đề cuồng tín đưa đến khủng bố không riêng gì cho tôn giáo. Chính trị - ý thức hệ cũng là một lãnh vực quen thuộc về phương diện này. Cộng sản Việt Nam là những tay nghèn về khủng

bố. Họ nấp sau danh nghĩa "độc lập" để thực hiện những mục tiêu "chuyên chính giai cấp", "cách mạng thế giới" gán cho những người chống họ mạnh những nhân hiệu "phản động", "phản cách mạng", "Việt gian" và triệt để dùng những phương pháp khủng bố để tiêu diệt những người này. Nhưng cộng sản Việt Nam không nắm độc quyền về khủng bố. Giới Việt Nam tỵ nạn cũng đã ném mùi khủng bố - kẻ cá ám sát - của những phần tử chống cộng "triết đế".

Cuồng tín chỉ là náo trang của một thiểu số trong các đoàn thể tôn giáo, chính trị, hoặc thuộc các loại khác, nhưng họ lại bị một số người rất ít, vì triết lý, và nhất là vì tham vọng riêng, lợi dụng họ, biến họ thành những kẻ những kẻ khủng bố.

Nhin rộng và sâu ra, cuồng tín là một căn bệnh rất trầm trọng và khó chữa : khó chữa vì nó là đặc tính của những thành phần cả tin và ít học, sản phẩm của những văn hóa thuận lợi cho sự nảy sanh ra những lớp người đó.

Nói một cách rất tổng quát và thâu gọn, thì có những văn hóa đặt nặng khía cạnh tinh thần, khi miết vật chất, cấu trúc chặt chẽ, giáo lý khắt khe. Văn hóa Hồi giáo, văn hóa của đa số dân Ả Rập, thuộc về loại này. Đồng thời dân chúng Ả Rập lại rất tự ái, và muốn có một đời sống vật chất cao, nhưng văn hóa của họ không có khả năng thỏa mãn điều kiện này. Họ bất mãn với tình trạng yếu kém và nghèo nàn của họ. Giới chính khách tham quyền chia lèch mùi dùi bất mãn của họ vào các quốc gia vừa là khác đạo họ, vừa giàu mạnh hơn họ nhiều : các quốc gia Tây phương, tiền tiến về kinh tế kỹ thuật, tư bản, phong khoáng, hùng mạnh, đặc biệt là Hoa Kỳ. Gần họ hơn, Israel, một quốc gia nhỏ, nhưng lại hùng mạnh họ diệt không nổi, làm nổi bật sự yếu kém của họ. Họ cảm thấy nhục nhã, và họ phản ứng. Israel lại được Hoa Kỳ yểm trợ. Do đó, mùi dùi của khối Ả Rập đặc biệt chia vào Hoa Kỳ và

Israel.

Nguy cơ, có thể nói là lớn nhất hiện nay, là một số nhân vật tôn giáo, hoặc chính trị, hoặc vừa tôn giáo vừa chính trị, có nhiều khả năng thành công trong việc cuồng tín hóa và xúi giục dân chúng nổi lên lật đổ các chính phủ ôn hòa trong vùng - như Pakistan, Saudi Arabia. Một khi cướp được chính quyền họ sẽ có thêm thế lực và phương tiện để kích động sự cuồng nhiệt của dân chúng hơn nữa, và lôi kéo đa số vào một cuộc chiến nhằm hủy diệt địa vị siêu cường quốc của Hoa Kỳ.

Hai tuyên bố sau đây của Osama Bin Laden và Ayman Zawahiri, hai người cầm đầu phong trào hạ uy tín Hoa Kỳ, cho thấy rõ tầm mức của vấn đề.

Trả lời tuần báo *Time* hỏi ông ta về vai trò của ông trong vụ bом bom tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Nairobi, Tanzania, năm 1998, Bin Laden nói : "Nhiệm vụ của chúng tôi là cỗ xúy, và nhờ Allah, chúng tôi đã làm nhiệm vụ đó, và chắc chắn là chúng tôi đã được hưởng ứng. Tôi tin rằng người Hồi giáo sẽ có khả năng chấm dứt truyền thuyết nói rằng Hoa Kỳ là một siêu cường".

Và sau khi Hoa Kỳ trả đũa về vụ trên đây, Ayman Zawahiri, người sáng lập tổ chức Thánh chiến Hồi giáo ở Ai Cập đã ám sát tổng thống Sadate năm 1981 và đã cùng Bin Laden lập ra Mặt trận Chống Do Thái và Thập tự Quân tuyên bố : "Chiến tranh đã bắt đầu ; Hoa Kỳ chờ xem phản ứng".

Làm sao giải độc những phần tử cuồng tín và cõi lập hóa cùng vô hiệu hóa những kẻ khai thác họ, để tránh những xung đột có khả năng bùng ra thành chiến tranh giữa các khối tôn giáo, quốc gia, chủng tộc, hay văn minh, là vấn đề lớn nhất không những của Hoa Kỳ, mà của toàn thể nhân loại ngày nay.

#### Tôn Thất Thiên

##### Giới thiệu báo mới

##### Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay

Liên lạc : str. Bukowiecka 92/15,  
03-893 Warsaw, Poland

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl

ĐT : 67 89 550 xin số 109

Fax : 67 89 943

## Yêu cầu hủy bỏ lệnh cắt điện thoại

Kính gửi :

- Ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam
- Ông Trần Đức Lương, chủ tịch nước
- Ông Nguyễn Văn An, chủ tịch Quốc hội
- Ông Phan Văn Khải, thủ tướng chính phủ

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, kinh thiết đề nghị ông tổng bí thư, ông chủ tịch nước, ông thủ tướng chính phủ, ông chủ tịch Quốc hội xem xét và giải quyết một việc như sau :

Điện thoại nhà chúng tôi bỗng nhiên bị cắt mà không hề được thông báo. Khi chúng tôi đến sở bưu điện Hà Nội hỏi mới được ông phó giám đốc trả lời cắt điện thoại theo lệnh của công an. Điều kỳ lạ là, khi chúng tôi đề nghị cho xem lệnh đó thì ông không đáp ứng. Không những thế, khi ghi biên bản ông cũng không dám nói thẳng ra là ông làm theo lệnh của công an.

Hiện tượng này gây nghi vấn về một uẩn khúc hay điều bất chính nào đấy. Theo lời ông phó giám đốc bưu điện Hà Nội thì công an Hà Nội chỉ ra lệnh miếng, không có văn bản, và giải thích rằng lý do cắt điện thoại vì các chủ gia đình này đã sử dụng điện thoại để xâm hại an ninh quốc gia. Đây là những lời luận tội chủ quan, tùy tiện, độc ác ; là sự vu khống trắng trợn.

Kính mong ông tổng bí thư, ông chủ tịch nước, ông chủ tịch Quốc hội, ông thủ tướng chính phủ quan tâm tìm hiểu cụ thể vụ việc. Rất có thể việc làm nhẫn tâm rất không cần thiết này chỉ xuất phát từ những nhận thức cổ hủ, xô cứng của công an hoặc do sự lạm hành của công an, muốn tỏ rằng họ có quyền bất chấp luật pháp, bất kể đạo lý, sẵn sàng thẳng tay trừng trị tất cả những ai họ muốn trừng trị. Sự thực là, trong thời đại thông tin, việc cắt điện thoại hầu như không có tác dụng gì đến cái gọi là ngăn chặn hành động xâm hại an ninh quốc gia mà chỉ gây bức tức cho chúng tôi và làm cho các thành viên trong gia đình oán thán, cho rằng nhà nước vì giận cá chém thớt đã làm việc thất đức khi vô tội mà bỗng nhiên bị cô lập với

tất cả. Mấy ngày qua đã có gia đình bị ngộ độc thực phẩm, cả nhà nằm liệt nhưng không gọi điện được cho họ hàng !

Kể từ hai ngày sau khi tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh nhậm chức, họ đã mở chiến dịch khủng bố các lão thành cách mạng, các nhà trí thức nhiệt tâm với đất nước. Chiến dịch đó kéo dài đến nay đã gây phẫn nộ và dư luận xấu trong xã hội ta, kích thích quốc tế có những phản ứng quyết liệt đối với nhà nước ta. Việc cắt điện thoại này, trong dư luận quốc tế sẽ được xem là sự tàn bạo quái gở. Ai cũng có thể liên hệ với trường hợp Slobodan Milosevic bị nhốt trong tù mà vẫn được sử dụng mobai để nói chuyện với gia đình, với báo chí, với luật sư, từ đấy cho rằng ta hèn đạp nhân quyền đến mức đối xử với công dân nước mình tồi tệ hơn người tù trong hệ thống tư bản !

Chúng tôi kinh thiết yêu cầu lệnh cắt điện thoại sai trái này sẽ được hủy bỏ ngay. Cùng với hàng loạt hành động khủng bố, đàn áp quá tệ của công an, việc cắt điện thoại một cách bất lương, bất chính đang gây cảm phẫn tột độ cho chúng tôi. Nếu nói uất ức này không được giải tỏa, chúng tôi thậm chí có thể phải tuyên bố tuyệt thực tập thể để phản đối và tố cáo.

Tuy nhiên, mong rằng dự định cay đắng đó sẽ không phải thực thi nhờ sự quan tâm thấu đáo của quý vị.

Hà Nội, ngày 22-9-2001

Kính đơn,

- **Nguyễn Vũ Bình** - Nhà 26, tổ 67B, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng

- **Hoàng Minh Chính** - 26 Lý Thường Kiệt

- **Phạm Quế Dương** - 37 Lý Nam Đế

- **Nguyễn Thành Giang** - Nhà A13P9, TTPK Hòa Mục, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

- **Nguyễn Đức Kính** - 91 Trần Quốc Toản

- **Hoàng Tiến** - P420 A11, Thanh Xuân Bắc

- **Trần Dũng Tiến** - Nhà 12, Ngõ 95, phố Cự Lộc, quận Thanh Xuân

## Hãy cảnh giác với Bắc Triều

Lê Chí Quang

Thứ tư, ngày 5-9-2001, một ngày đầu thu, trời nắng nhẹ, không khí dịu mát như thế ủng hộ học sinh trong ngày khai giảng năm học mới. Từ các cơ quan bảo vệ pháp luật, từng đoàn xe đặc chủng, ô tô, mô tô, nối đuôi nhau tỏa về từng ngóc ngách của thành phố trong một chiến dịch vây bắt những người dân chủ tại Hà Nội, chỉ vì họ ngày thơ dám xin thành lập Hội Nhân dân Việt Nam Ủng hộ Đảng và Nhà nước Chống Tham nhũng (hội này do hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê xin thành lập, ngày 2-9-2001). 6g30 sáng, tốp công an đầu tiên ập vào nhà đại tá Phạm Quế Dương, khi ông còn chưa ngủ dậy. Họ áp giải ông đi lên công an. Và họ còn cho em khoảng mươi công an tại nhà để phục tất cả những người đến chơi nhà ông. Hôm đó 8g15, ông Trần Khuê và bạn ông là bà Nguyễn Thị Thanh Xuân cùng chung số phận. Sau đó họ bị trực xuất về thành phố Hồ Chí Minh. 9g30, Nguyễn Vũ Bình từ nhà tôi đến chơi nhà ông Chính cũng bị triệu tập lên công an. 14g20 chiều cùng ngày đến lượt tôi cùng vinh dự được xe đặc chủng của công an ghé tận cổng đưa lên công an quận Đống Đa. Tất cả những người trên trong giấy triệu tập của công an đều ghi rõ : "Hỏi việc có hoạt động liên quan đến an ninh quốc gia".

Cả thảy những người bị triệu tập và được mời lên công an để làm việc trong ngày hôm đó, và những ngày tiếp theo là khoảng 20 người. Những người được mời là người thân trong gia đình hoặc bạn bè đến thăm những người có tên nêu trên. Họ được mời dưới hình thức công an viết giấy ngay tại chỗ, hoặc đến tận nhà, và nếu không đi thì lập tức họ bị áp giải ngay. Cùng trong ngày hôm đó, điện thoại nhà các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Nguyễn Đức Kính, Trần Dũng Tiến và Nguyễn Vũ Bình bị cắt (điện thoại nhà ông Phạm Quế Dương bị cắt trước hàng tháng, khiếu nại không ai trả lời). Ngày 5-9 được gọi là ngày thứ tư đỏ.

Tại sao cơ quan công an lại phải huy

động một chiến dịch rộng lớn nhất từ trước đến nay để câu lưu những người chủ trương thành lập và tham gia Hội Chống Tham nhũng. Việc làm này, trước tiên xét dưới góc độ pháp lý, thì đây là việc làm trắng trợn vi phạm pháp luật Việt Nam, cụ thể là : xâm phạm quyền tự do lập hội của công dân, theo điều 69 của hiến pháp, điều 123 và 129 của bộ luật hình sự (tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân). Và cũng là việc làm vi phạm Công ước về Nhân Quyền mà Việt Nam đã tham gia ký kết ngày 24-9-1982.

Nếu chống tham nhũng là hợp ý Đảng, lòng dân, đúng chủ trương của Đảng và nhà nước, thì tại sao cơ quan công an lại cho câu lưu họ ? Hay là vì những người này là những người dân chủ tiến bộ, đã có nhiều bài viết công khai góp ý, phê phán nhiều đường lối sai lầm của Đảng và nhà nước, mà bị công an cho là bọn "diễn biến hòa bình" nên đã liệt kê họ trong sổ đen !

Tại sao xin thành lập hội để "giúp Đảng và nhà nước chống tham nhũng" và "không hoạt động chính trị" mà lại bị công an đàn áp dữ dội như vậy ? Xin hãy nghe ý kiến của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang trả lời phóng vấn đài RFI hôm 10-9, ta sẽ thấy rõ :

Thứ nhất : đây là việc làm của những lực lượng bảo thủ trong nội bộ Đảng muốn dàn mặt tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh, và những gương mặt trẻ trung sáng suốt và tiến bộ trong bộ chính trị là chó có tìm cách thoát ra khỏi ánh hưởng của họ.

Thứ hai : việc làm này nhằm phá hoại Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ, phá hoại quan hệ Việt-Mỹ và làm xấu mặt Việt Nam trên trường quốc tế để thế giới tẩy chay Việt Nam hòng làm Việt Nam chui vào ống tay áo của Trung Quốc.

Thứ ba : họ (tức những người chủ trương thành lập Hội Chống Tham nhũng) hỏi ngày thơ khi xin thành lập hội. Vì chống tham nhũng là chống ai ? Là chống lại những kẻ lợi dụng Đảng để tham nhũng và vơ vét. Là chống lại họ,

làm quyền lực của họ có thể bị lung lay nên họ phải ra tay một cách hoảng hốt. Đảng kêu gọi chống tham nhũng là để my dân thôi, một khi, có một tổ chức thực sự muốn chống tham nhũng, thì họ sẽ đàn áp ngay.

Những nhận xét, phân tích trên của tiến sĩ Thanh Giang là hoàn toàn chính xác. Riêng đối với luận thuyết thứ hai theo suy đoán của tôi là có một thế lực đen tối đứng đằng sau chỉ đạo và giật giây, đó là chính quyền Bắc Kinh. Họ đang chỉ huy các thế lực tay sai được cài sâu trong nội bộ Đảng, nhằm không chỉ phá hoại quan hệ Việt-Mỹ mà còn là cản trở sự hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới, làm chúng ta khủng hoảng trầm trọng, phá sản về kinh tế, từ đấy Trung Quốc dễ bè nô dịch rồi thôn tính Việt Nam.

### Những mưu mô của Trung Quốc

Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam chủ yếu gắn liền với công cuộc chống xâm lăng và mưu đồ đồng hóa của Bắc Triều.

Từ hàng nghìn đời nay, không một thế kỷ nào, không một triều đại nào mà Trung Quốc không tìm cách đô hộ Việt Nam. Ngay cả khi mà tình đoàn kết tưởng như keo sơn nhất, Trung Quốc vẫn tìm mọi cách thức để làm suy yếu nhằm mục đích thôn tính Việt Nam. Như chúng ta đều đã biết. Hiệp định Gienevo làm chia cắt hai miền Nam-Bắc, 1954, là do Chu Ân Lai và Dalles thông đồng với nhau cùng xúi Việt Nam và Pháp ký. Sau đó Trung Quốc lại xúi ta mang quân đội vào Nam, gây nên cuộc nội chiến Nam-Bắc. Họ viện trợ từng viên đạn, gói lương khô, từng bộ quần áo cho ta để anh em một nhà đánh lẫn nhau, trong khi đó họ thu hồi Hồng Kông, Ma Cao họ lại không tốn một viên đạn. Nhân lúc anh em một nhà đánh nhau, lợi dụng lúc miền Nam sơ hở họ chiếm quần đảo Hoàng Sa, tháng 1-1973. Năm 1975, khi quân đội miền Bắc đánh gần đến Sài Gòn thì tại Anh Quốc một đại sứ Trung Quốc có đến gặp đại sứ Việt Nam Cộng hòa là Vương Văn Bắc hỏi rằng : "Có cần chúng tôi đưa Chí nguyễn quân sang đánh Hà Nội để giúp Việt Nam Cộng hòa không ?" (hồi ký của Vương Văn Bắc, Từ tòa Bạch Ốc đến dinh Độc Lập). Tại Căm

Pu Chia, sau năm 1975, họ xúi Khơme đốt tàn sát đồng bào mình để một ngày nào đó họ đưa người Trung Quốc sang chiếm Căm Bốt. Năm 1978, một quan chức ngoại giao Trung Quốc đã có lời ngỏ ý muốn mở con đường từ Trung Quốc qua Việt Nam sang Căm Pu Chia chính là ý đồ đó. Việc này không thực hiện được khi ngày 15-1-1979, quân đội Việt Nam tiến vào giải phóng Nôm Pênh. Trong cơn tức tối, ngày 17-2-1979, Trung Quốc mang quân xâm lược nước ta tại sáu tỉnh biên giới phía Bắc. Rất may cho ta lúc đó ta được dư luận thế giới ủng hộ, và nhất là Liên Xô. Ông Brégionép tuyên bố "nhà cầm quyền Trung Quốc hãy dừng tay lại nếu còn chưa muộn". Không thực hiện được ý đồ trên bộ, năm 1983, lợi dụng lúc ta suy yếu Trung Quốc cho hải quân chiếm một phần quần đảo Trường Sa. Cũng từ đó quan hệ Việt Nam và Trung Quốc xấu đi. Đến năm 1991, khi hai nước bình thường hóa quan hệ thì cũng là lúc Trung Quốc chuyển sang ý đồ thôn tính Việt Nam bằng kinh tế.

Lịch sử từ xa xưa hể cứ lúc nào các triều đại phong kiến Việt Nam yếu là lúc phương Bắc nhân cơ hội đó xâm chiếm nước ta. Nhưng những lúc đó bao giờ dân tộc ta cùng xuất hiện những anh hùng dân tộc, phát cao ngọn cờ khởi nghĩa, cùng toàn thể dân tộc đánh đuổi ngoại xâm thu hồi non sông về một cõi. Tên tuổi của họ sáng mài ngọn lửa tranh đấu giải phóng dân tộc. Các triều đại phong kiến của ta chưa bao giờ ta phải mất một tấc đất nào cho Trung Quốc. Ngay cả những kẻ hèn nhát như Mạc Đăng Dung quỳ gối xin hàng, hay Lê Chiêu Thống công rắn cắn gà nhà cùng chưa dám dâng đất cho Trung Quốc. Thế mà giờ đây, khi cộng đồng nhân loại đã văn minh hơn "cá lớn không thể nuốt cá bé" dễ dàng như xưa thì ai đó lại cam tâm cúi đầu xin dâng phần lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc để mong bán đất cầu vinh, mong sự bảo trợ cho quyền lãnh đạo độc tôn của mình. Tháng 12-1999 Việt Nam và Trung Quốc thông qua Hiệp định biên giới trên bộ và tháng 12-2000 thông qua Hiệp định Vịnh Bắc bộ, làm thiệt hại cho nước ta khoảng 720 km<sup>2</sup> trên bộ và 10% diện tích Vịnh Bắc Bộ. Những diện tích ta bị mất tại Vịnh Bắc bộ, đều là những khu vực giàu tài

nguyên hải sản, khí đốt và dầu mỏ. Xưa kia họ Mạc, họ Lê đã bị lịch sử lên án thì giờ đây những kẻ đang bán nước, cầu vinh lại đang được tung hô như những anh hùng dân tộc.

Từ khi Liên bang Xô viết tan rã và giải thể, nước Nga suy yếu vì lâm vào khủng hoảng kinh tế, Trung Quốc tỏ rõ với thế giới muốn thay thế vị trí siêu cường của Nga trước đây để trở thành cực kia của thế giới và sẵn sàng đối đầu trực tiếp với Mỹ.

Về ngoại giao : gây sức ép với các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới để buộc họ phải công nhận Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc. Liên minh và viện trợ cho các nước thế giới thứ 3 để gây ảnh hưởng với các nước này. Đầu tư trực tiếp vào các nước đang phát triển nhất là những nước không có quan hệ thân thiện với Mỹ. Liên minh với các quốc gia Trung Á thuộc Liên Xô cũ, bằng Hiệp ước Mậu dịch Tự do Thương Hải. Đầu tư hơn 200 triệu USD vào Căm Pu Chia ; Nam Á và Tây Á như Lào, Căm Pu Chia, Nê Pan, Miến Điện. Riêng trong một năm trở lại đây, tất cả các nhân vật hàng đầu của Trung Quốc như : Giang Trạch Dân, Trì Hạo Điền, Thạch Quang Sinh, Lý Bằng đều đã đến thăm Căm Pu Chia.

Về quân sự : tăng cường khả năng quốc phòng, bằng việc hiện đại hóa lực lượng tên lửa hạt nhân. Phóng vệ tinh nhân tạo phục vụ mục đích do thám. Tự đóng tàu sân bay, tăng số lượng tàu ngầm hạt nhân, hiện đại hóa hải quân, không quân, và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ quân đội. Cảng bay tại eo biển Đài Loan. Củng cố và xây dựng các căn cứ tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã chiếm của Việt Nam, và thường xuyên cho tập trận tại khu vực này. Trong năm 2001, Trung Quốc liên tục xâm phạm vào khu vực lãnh hải của Phi Li Pin và Nhật Bản. Và gần đây nhất Trung Quốc đã cho hạ thủy tại Biển Đông 20 tàu tuần tiễu, nhằm bảo vệ những khu vực mà Trung Quốc đã chiếm của Việt Nam.

Về kinh tế : đến nay sau 15 năm đấu tranh, tháng 11-2001, Trung Quốc sẽ là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nó sẽ gây tác động to lớn đối với các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

Hiện nay, những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, cũng gần giống với Trung Quốc. Với trình độ công nghệ còn thấp, hàm lượng công nghệ chưa cao, chủ yếu là các mặt hàng tập trung nhiều lao động, như nông sản, giày dép, dệt may đang là những mặt hàng xuất khẩu chủ chốt và mang tính chiến lược của Việt Nam. Thị trường tiêu thụ những mặt hàng này là Nhật Bản, Liên hiệp Âu châu (EU) và một số nước trong khu vực. Tuy nhiên đây là một trong những mảng mạnh của hàng xuất khẩu Trung Quốc. Sau khi gia nhập tổ chức WTO, với những lợi thế được ưu đãi về thuế quan, được bình đẳng trong giải quyết tranh chấp thương mại chắc chắn hàng hóa Trung Quốc với giá rẻ hơn nhiều lần sẽ chiếm ưu thế cạnh tranh, dễ đánh bật sản phẩm cùng loại của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Dự tính kim ngạch trao đổi thương mại của Trung Quốc sẽ tăng mạnh từ 324 tỷ USD năm 1998 lên 600 tỷ USD năm 2005. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng phải mở cửa thị trường với các thành viên của WTO. Hàng rào thuế quan được nới lỏng, hàng nông sản của các nước phát triển với giá thành hạ, chất lượng cao sẽ tràn vào Trung Quốc, tạo ra sức ép cạnh tranh rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam.

Về vốn đầu tư nước ngoài : Trung Quốc sẽ cải tổ cơ cấu và cải tiến các thể chế tài chính cho phù hợp với quy định của WTO. Phải nói lỏng các quy chế đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, môi trường đầu tư sẽ được cải thiện, ngày càng hấp dẫn và có tính cạnh tranh hơn. Như vậy các dòng vốn quốc tế sẽ chuyển mạnh sang Trung Quốc, thay vì Việt Nam và các nước khác. Dự tính vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài sẽ tăng từ 45 tỷ USD năm 1998 lên 100 tỷ USD năm 2005. Các thống kê về đầu tư quốc tế cho thấy, riêng lượng vốn FDI do các nước phát triển đầu tư vào nhau đã nhiều hơn có nghĩa là cơ hội cho Việt Nam ta sẽ ít đi. Đầu tư vào Việt Nam giảm liên tục trong năm nay cũng vì lý do đó. Khủng hoảng kinh tế tại Đài Loan và Xin Ga Po, Mã Lai, Hàn Quốc hiện nay là bởi các nguồn vốn ò ạt chảy vào Trung Quốc và hàng hóa của Trung Quốc có sức cạnh tranh mạnh với hàng hóa của hai nước trên.

## Một vài dự đoán

Theo dự đoán của Ngân hàng Thế giới (WB) đến năm 2010 Trung Quốc sẽ nuốt hết thặng dư nông nghiệp của toàn châu Âu. Bởi vậy mục tiêu có tính chiến lược và trước mắt của Trung Quốc là tiến xuống và làm suy yếu các nước ở phía Nam trong số đó có Việt Nam. Việc xâm lấn hai quần đảo của Việt Nam cũng là không ngoài mục đích đó. Năm 1997, đầu tư vào Đông Nam Á của Trung Quốc chỉ chiếm 20% tổng vốn đầu tư nước ngoài đến nay đầu tư vào Đông Nam Á của Trung Quốc đã chiếm 80% tổng vốn đầu tư nước ngoài. Việt Nam trong con mắt của Trung Quốc là một miếng mồi ngon có vị trí chiến lược về địa lý, chính trị, lại là miếng mồi dễ nuốt nhất vì được sự hậu thuẫn của các thế lực đen tối, bảo thủ và tay sai luôn săn leo cao trong bộ máy nhà nước.

Theo dự tính của tôi, nếu Việt Nam không gia nhập được WTO vào năm 2006 tức là năm Hiệp định AFTA có hiệu lực thì nền kinh tế Việt Nam sẽ phả sản, bởi những lý do sau :

- Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong mấy năm qua liên tục giảm, vì do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế của các nước trong khu vực (Trung Quốc lại không nằm trong nhóm các nước này nên Trung Quốc không bị ảnh hưởng).

- Trung Quốc sẽ gia nhập WTO vào tháng 11 này, nên đã thu hút nhiều nguồn vốn hơn.

- Do sự mất giá của các đồng tiền của các nước trong khu vực, tạo lợi thế cạnh tranh rất lớn đối với hàng xuất khẩu của các nước đó với Việt Nam.

- Nền kinh tế Việt Nam hiện nay là một nền kinh tế bong bóng với những chỉ số giá hàng tiêu dùng liên tục giảm (thiểu phát giá tăng vì cung đã vượt quá cầu), báo hiệu một nền kinh tế đang bị chững lại, cái bong bóng có thể vỡ bất cứ lúc nào. Bởi bất cứ một nền kinh tế nào, có lạm phát thì mới có phát triển (lạm phát ở đây là mức lạm phát thấp, và có kiểm soát được, nó báo hiệu chỉ số cung không đủ cầu).

- Nông sản, cà phê, gạo, hoa quả xuất khẩu mấy năm nay bị rót giá liên tục, thậm chí ta phải chặt bỏ 185 nghìn hecta cà phê.

Thứ đạo qua hàng hóa tại thị trường Việt Nam ta sẽ thấy rõ, hàng hóa Trung Quốc, hoặc của Trung Quốc giả nhàn hiệu của các nước khác chiếm 60-70% tại thị trường Việt Nam từ các đồ gia dụng đến các máy móc công nghiệp. Xe máy Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam. Văn hóa, phim ảnh Trung Quốc được quảng cáo không công trên các phương tiện thông tin đại chúng từ sáng đến tối.

Đến năm 2006, hiệp định AFTA có hiệu lực, hàng hóa của các nước trong khu vực sẽ ùa vào Việt Nam, vì các hàng rào thuế quan đã được rờ bỏ, sẽ đánh bật các hàng hóa của Việt Nam ngay tại thị trường Việt Nam. Hàng hóa của chúng ta thông thường có giá cao hơn 5% - 40% các mặt hàng cùng loại của các nước trong khu vực. Mà không chỉ hàng hóa của các nước trong khu vực, hàng hóa của các nước thứ ba, nhập cảng vào các nước ASEAN đóng gói và xuất sang Việt Nam miễn là có 40% định lượng được sản xuất tại nước đó cũng được miễn thuế hải quan. Vì đó là quy định của AFTA.

Vào lúc đó hàng hóa của Việt Nam sẽ không xuất khẩu được sang các nước trong khu vực, cũng như sang các nước EU. Hoặc Nhật Bản, với lý do đã nêu trên. Công nhân sẽ mất việc làm, nông dân không bán được nông sản, các khu chế suất sẽ giải thể ... sinh viên ra trường sẽ thất nghiệp.

Dó chính là lúc Trung Quốc nhảy vào đầu tư, mua lại các công ty, các khu chế suất, các nông trường đồn điền ... toàn bộ nền kinh tế của ta sẽ phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc. Trong xã hội ngày nay, ai nắm quyền lực về kinh tế người đó sẽ nắm luôn quyền lực về chính trị. Theo dự đoán của Ngân hàng Thế giới đến năm 2005 lượng dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc sẽ đạt 180 tỷ USD, Trung Quốc hoàn toàn có khả năng khống chế được nền kinh tế nước ta. Lúc đó ta sẽ trở thành một bang hay một tỉnh của Trung Quốc.

Và lực lượng này đang tìm cách cho Trung Quốc tiếp cận thị trường Việt Nam. Gần đây nhất, chúng ta được biết họ đã bắt đèn xanh cho nhà thầu HISG trúng thầu sân vận động Mê Trì. Để my dân và báo chí, họ cùng tạo ra một cuộc đấu thầu công khai nhưng tất cả chỉ là

một trò hè kệch còm, không đánh lừa nổi ai. Một nhà thầu không đủ tư cách pháp nhân, cùng như các thủ tục đấu thầu cần thiết, và thiết kế thi chắp vá, thay đổi đến hàng chục lần mà vẫn không đạt yêu cầu nhưng vẫn được trúng thầu mặc dù báo chí và Hội Kiến trúc, Hội Xây dựng đã lên tiếng phản đối. Nhưng chính ông Khải tuyên bố một câu xanh rờn : "Đấu thầu lại thì phúc tạp lắm, cái nào rẻ thì cho làm". Để xoá dịu báo chí và nhân dân, bộ chính trị và ban tư tưởng văn hóa trung ương đã cho họp các tổng biên tập các báo và loan rằng : "nhà thầu HISG là một công ty của ban tài chính trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây là sự hợp tác của hai đảng anh em". Một tên mafia Trung Quốc lại trở thành đồng chí của Đảng thì cũng không có gì lạ cả, hẳn nhiều người còn nhớ những kẻ dao búa như Khánh Trắng và chủ chứa Lê Tân Cương cũng từng được giới thiệu là đồng chí rồi còn gì ... Gần đây nhân chuyến thăm của Lý Bằng hôm 7-9 họ lại bắt đèn xanh cho một công ty của Trung Quốc khai thác quặng nhôm ở Đắc Lắc, và nhân hội nghị của EMM3 tại Hà Nội họ tìm cách đưa Việt Nam vào quỹ đạo của Trung Quốc bằng cách nâng kim ngạch buôn bán của hai nước lên 5 tỷ USD vào năm 2005. Và theo nhiều nguồn tin thì Trung Quốc cũng đang mon men đến dự án thủy điện Sơn La của Việt Nam.

Đôi khi tôi cũng nghĩ không biết có phải người ta đang ngủ mơ hay không ? Khi xưa, trong cuộc chiến quốc-cộng, Trung Quốc đã từng lợi dụng việc giúp Việt Nam xây dựng đường sá và nhiều công trình xây dựng khác họ đã bí mật cho đào hầm bí mật chứa vũ khí để một ngày tìm cách quay lại xâm lược Việt Nam. Giờ đây lại cho Trung Quốc vào những vùng có tính nhạy cảm như Tây Nguyên hay Sơn La, thì không hiểu họ còn nghĩ gì đến an ninh quốc gia hay không ?

Cách tốt nhất để cứu vãn nền kinh tế nước ta hiện nay là đưa Việt Nam sớm hội nhập vào nền kinh tế thế giới và để thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc là : tổng thống Mỹ nhanh chóng thông qua Hiệp định thương mại Việt-Mỹ (xin đưa một ví dụ : chỉ riêng lượng tôm mà Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ hàng năm

đạt 300 triệu USD) và Việt Nam sớm được gia nhập tổ chức thương mại thế giới, vì tại đó các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường buôn bán được ưu đãi với 134 quốc gia, và cơ hội đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ rộng lớn hơn. Và người Việt Nam tại hải ngoại nếu còn yêu dân tộc Việt Nam thì hãy trở về để xây dựng đất nước.

Đương nhiên chính quyền Bắc Kinh biết được những lợi ích đó nên họ luôn tìm cách phá hoại sự hội nhập của Việt Nam vào thế giới văn minh.

Chính vì những lý do đó, khi biết được Việt Nam và Mỳ đàm phán để thông qua Hiệp định Thương mại Việt-Mỳ, Trung Quốc luôn luôn giật giây cho các lực lượng bảo thủ trong Đảng trì hoãn việc ký kết và thông qua Hiệp định, và ở trong nước họ luôn luôn giật dây cho các thế lực tay sai đàn áp những người dân chủ.

### Cuộc vật lộn gay go

Ngay trước chuyến thăm của tổng thống Clinton tới Việt Nam, 11-2000, trước đó, chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân có lời mời cấp tốc ông Trần Đức Lương sang Trung Quốc để thăm dò thái độ của Việt Nam với Mỳ. Tại đây Trung Quốc đề nghị cho Việt Nam vay 53 triệu USD, trong đó chỉ phải trả lãi 1/3. Và Trung Quốc còn hứa sẽ cho Việt Nam vay tiếp 300 triệu USD với lãi suất thấp (một sự tử tế bất ngờ chưa từng xảy ra). Nhưng kèm theo đó, phía Trung Quốc muốn ta ký Hiệp định Vịnh Bắc bộ ngay sau khi tổng thống Mỳ rời khỏi Việt Nam. Trước và sau chuyến thăm của tổng thống Mỳ, ban tư tưởng văn hóa trung ương đã cho họp tổng biên tập các báo chí và loan báo rằng phải đăng ảnh của ông Clinton nhỏ hơn ảnh của ông Giang Trạch Dân đã từng được đăng trên báo trong chuyến thăm Việt Nam trước đây.

Trước thềm đại hội Đảng lần thứ IX, một phái đoàn ngoại giao của Trung Quốc đã bí mật sang Việt Nam nhằm để ủng hộ cho ông Phiêu được ở lại thêm một nhiệm kỳ nữa, vì họ nghĩ rằng họ Lê, là đồng minh của mình, nhưng sự việc không đơn giản như vậy :

Lê Khả Phiêu tuy là cánh tay phải của Lê Đức Anh ở quân khu 9 và Cẩm Pu Chia, nhưng trước khi được Lê Đức

Anh đặt vào chiếc ghế tổng bí thư đó, ông Phiêu đã có thời làm trưởng ban kiểm tra trung ương. Trong thời gian này ông Phiêu được tiếp xúc với nhiều hồ sơ mật, nên ông Phiêu đã có nhiều nhận thức về nhiều bộ mặt trong Đảng. Ông đã nhiều lần gặp tướng Trần Độ và ông Hoàng Minh Chính. Càng về thời gian cuối sau này, ông Phiêu càng bùng tỉnh và nhận thức được nhiều vấn đề. Nhất là sau khi ông bị các lực lượng tay sai giật dây để đàm phán ký các hiệp định bán nước đã nêu trên. Cuối cùng trong hội nghị trù bị ông đã đi nước cờ liều. Được sự ủng hộ của cánh quân đội, cụ thể là Phạm Thanh Ngân và Phạm Văn Trà, ông đã quyết định tổ chức cuộc họp tại trong thành Hà Nội (phố Lý Nam Đế) thay vì tại hội trường Ba Đình như các kỳ họp trước, và sử dụng Lữ đoàn 144 là lữ đoàn tinh nhuệ để bảo vệ Đại hội thay vì lực lượng cảnh vệ quốc gia của bộ công an như trước đây để hòng gây sức ép với phe bảo thủ và tay sai trong Đảng. Theo nhiều nguồn tin được tiết lộ từ thâm cung : trong hội nghị đã có lúc ông Phiêu chỉ mặt Lê Đức Anh và Đỗ Mười mà bảo rằng "các ông bảo tôi ngu, thế lúc các ông đặt tôi vào chiếc ghế này sao các ông không bảo tôi ngu ?".

Cuộc họp diễn ra rất căng thẳng, mà không đi đến ngã ngù. Mà cũng bởi ông Phiêu còn non gan nên không dám dùng quân đội để ra tay, nên phải mất bốn kỳ họp trù bị mới đi đến ngã ngù. Đến những ngày cuối cùng, không hiểu sao Phạm Văn Trà lại đứng về phe bảo thủ. Mất chô dựa vào quân đội, ông Phiêu như hỏa mù nanh vuốt, đành đi đến thỏa hiệp. Như chúng ta đã thấy, các vị cố vấn phải rút lui, ông Phiêu và ông Ngân cùng mất chức.

Ông Nông Đức Mạnh, một người thuộc phái trung dung, ôn hòa được bầu làm tổng bí thư một cách đầy bất ngờ. Sau đại hội trù bị, ông Phiêu đã chỉ mặt Phạm Văn Trà mà bảo rằng : "Đồ phản bội !". Bởi thế Phạm Văn Trà vẫn còn được giữ nguyên chức vụ, mặc dù trước đó đã bị bộ chính trị cảnh cáo vì không làm tròn nhiệm vụ.

Muốn cứu vãn tình thế, trong kỳ đại hội Đảng, đích thân Hồ Cẩm Đào, một nhân vật quan trọng thứ hai trong Đảng Cộng sản Trung Quốc bay sang tận nơi

để dự, nhưng sự việc đã ngã ngù. Cứ nhìn bộ mặt của họ Hồ trong đại hội và khi ra về ta cũng thấy rõ.

Trong cuộc họp báo sau đại hội Đảng, khi được hỏi về quan hệ Việt-Trung, ông Nông Đức Mạnh có nhắc lai 16 chữ vàng "*láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*". Sau đó ông Mạnh có lời mời các nhà lãnh đạo Trung Quốc sang thăm Việt Nam. Lúc đầu phía Trung Quốc từ chối. Họ lấy cớ, khi nào ông Nông Đức Mạnh sang Trung Quốc trước thì họ mới sang Việt Nam sau (khi xưa các vua chúa Việt Nam khi lên ngôi đều phải sang Trung Quốc báo công và xin được nhận làm chư hầu, ngày nay họ cũng muốn ông Nông Đức Mạnh làm như vậy).

Tuy nhiên ông Nông Đức Mạnh không dễ đầu hàng ngay. Ông Mạnh đã đi nước cờ xuất mà bằng chuyến thăm ủy lạo đồng minh thân cận của Việt Nam là Lào, để củng cố tính đoàn kết. Sau đó ông Mạnh ngồi chờ các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Tuy bị mất những con át chủ bài nhưng lực lượng tay sai còn được cài lại trong Đảng vẫn còn khá đông. Sau kỳ đại hội đảng, như muốn làm hài lòng các quan thầy tại Trung Quốc và củng muồn để ra uy với tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh "ta vẫn kiểm soát được tình hình" chỉ hai ngày sau đại hội, họ cho tiến hành ngay việc bắt giam và khám nhà ông Vũ Cao Quận - một con chim đầu đàn trong phong trào dân chủ tại Hải Phòng. Và về phần mình, chính quyền cộng sản Trung Quốc tức tốc gửi những thông điệp đón chào tân tổng bí thư bằng việc cấm tàu đánh cá của ta được hoạt động tại khu vực quanh đảo Hoàng Sa, và cho cấm biển bắn đạn thật, nhằm mục đích ủng hộ lực lượng bảo thủ trong Đảng và để cảnh cáo ông Nông Đức Mạnh chớ có tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của họ.

Tiếp sau đó là hàng loạt các hành động đàm áp những tiếng nói dân chủ tại Việt Nam, như việc câu lưu Tướng Trần Độ lên công an, tịch thu tập bản thảo của ông, cùng hàng loạt các vụ đàm áp tôn giáo như Nguyễn Văn Lý, Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, Lê Quang Liêm ...

Vụ thứ tư đó xảy ra hôm 5-9 cuối

cùng đà bóc trần bản chất của họ. Họ làm việc đó ngay khi hạ viện Mỹ đang họp để thông qua Hiệp định Thương mại. Họ không cần đến Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ nữa vì họ đã có Trung Quốc rồi, và Trung Quốc sẽ giúp cho họ giữ mãi được địa vị thống trị. Họ làm việc đó như thế là để trai tám thám đỏ nhân quyền kiều Trung Quốc để đón quan thầy của họ là Lý Băng. Họ tưởng rằng làm như vậy là thực hiện được mưu đồ đó.

Như đã nói ở trên, ông Nông Đức Mạnh là người ôn hòa sáng suốt và không bè phái nên ông không tiến hành thăm Trung Quốc ngay mà ngồi chờ Trung Quốc sang thăm Việt Nam. Không thể đợi được hơn, nhà cầm quyền Trung Quốc bèn xuống thang, cử chủ tịch quốc hội Lý Băng sang thăm Việt Nam, nhưng thực chất họ xuống thang theo kiểu Mao Trạch Đông "*lùi một bước để tiến ba bước*". Chuyến thăm đó là để củng cố quan hệ kinh tế Việt-Trung, nhưng thực chất là để lén dây cột tinh thần cho cổ máy tay sai đã rệu rã và già nua phải chạy nhanh hơn nữa trong lòng Trung Quốc, và cũng để hả hoi tiếp sức cho các lực lượng đó chống phá những người yêu dân chủ tiến bộ tại Việt Nam, hòng làm mất uy tín của ông Nông Đức Mạnh và các gương mặt trẻ trong bộ chính trị, phá hoại khẩu hiệu dân chủ, đoàn kết, đổi mới, phát triển vừa được đại hội thông qua. Cùng chuyến thăm này ta thấy có Lưu Băng, bộ trưởng Trung Quốc. Lưu Băng đã họp với ban tư tưởng văn hóa Trung ương để rồi họ cùng đồng ca bản thánh ca đã lạc long với thế giới văn minh là ý thức hệ cộng sản và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong nội bộ Đảng hiện nay đang chia làm hai phe. Phe cấp tiến chủ yếu là những lực lượng trẻ, thông minh và sáng suốt muốn Việt Nam có quan hệ tốt đẹp với tất cả các quốc gia kể cả Mỹ, còn phe kia là các lực lượng bảo thủ già nua mà vẫn chưa từ bỏ ý nghĩ "Mỹ là kẻ thù số một và Mỹ vẫn chưa từ bỏ dâng xâm lược Việt Nam". Lực lượng này lại đang giữ một số vị trí quan trọng trong Đảng và trong quân đội cho nên họ đã quyết định ngả sang Trung Quốc.

Liệu một lần nữa dân tộc ta có lôi hẹn với thế giới văn minh không?

Liệu ông Nông Đức Mạnh là người

không bè phái, vây cánh, không được quân đội ủng hộ, không hiểu ông có đứng vững được trước làn sóng phương Bắc này không ?

Liệu giờ đây 16 chữ vàng trong quan hệ Việt-Trung có thể trở thành câu thần chú của chiếc vòng kim cô dân chủ mang màu sắc Thiên An Môn, có thể siết vào đầu hơn 76 triệu đồng bào Việt Nam không ?

Liệu dân tộc ta có phải chịu thêm một tầng áp bức mới mà tầng áp bức này còn tàn khốc hơn tầng áp bức trước không ?

Thế đấy, cuộc vật lộn sẽ còn rất cam go. Chỉ mong sao ban chấp hành trung ương mới với nhiều gương mặt trẻ trung hơn, học thức hơn, tính táo hơn, hay sáng suốt cảnh giác với Bắc Triều, đừng để cái họa nô dịch nghìn năm ngày nào lại oan nghiệt tròng vào cổ nhân dân ta một lần nữa ... Hãy thức thời chủ động hội nhập vào thế giới tiên tiến, thực hiện chủ trương đề xuất của nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thanh Giang : "*Tựa vào sức nâng toàn cầu mà phát huy nội lực*", xây dựng đất nước dân chủ, giàu mạnh đủ sức tự cường đóng đặc tuyên bố :

"*Như hà nghịch lồ lai xâm phạm  
Nhữ đảng hành khan thủ bại hu*"

Tôi viết bài này khi đang bị kìm kẹp trong vòng nghiệt ngã của các lực lượng bảo thủ và tay sai cho Bắc Triều. Biết rằng, bài viết này không làm cho hào quang lấp lánh trên đầu tôi mà trái lại, càng đẩy tôi sâu thêm vào vòng nguy hiểm. Ngay như đối với một công thần của cách mạng mà họ còn ngang nhiên tuyên bố xanh rờn : "*sẵn sàng hy sinh Hoàng Minh Chính để bảo vệ chế độ*". Huống chi tôi chỉ là con tốt đèn dê dàng bị biến thành vật tế thần cho bàn thờ Bắc Triều. Dẫu sao trước hiềm họa khôn lường của tồn vong đất nước, tôi dám nè hà xá thân, bởi tôi tâm niệm câu nói của Hàn Phi Tử : "*Nước mất, mà không biết là bất tri ; biết mà không lo liệu, là bất trung ; lo liệu, mà không liều chết là bất dùng*". Chỉ mong sao tặc lòng nhỏ mọn này, được lương tri dân tộc trong và ngoài nước soi thấu, và hết lòng, hết sức chỉ giáo.

Hà Nội, ngày 1-10-2001

Lê Chí Quang

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF

Ngân phiếu xin đề

VIETNAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN

7 allée Bouleau Carreau

77 600 Bussy Saint Georges,

FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt am.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G

THANH LUONG, NGUYEN

Konto-Nr : 00 77 70 82 94

Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với

Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592

Fremont, CA 94537 - 7592

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt

Dịa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,

xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm

5 Fira Court

Narre Warren VIC 3805

## Nghĩ về hiến pháp nước ta

Nguyễn Thanh Giang

Khi đặt vấn đề kêu gọi nhân dân góp ý kiến sửa đổi hiến pháp 1992, chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An đã xác định rằng "việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến toàn xã hội nên phải được các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Để phát huy quyền làm chủ và trí tuệ của nhân dân, tạo điều kiện để toàn dân tham gia quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước, việc tổ chức để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của hiến pháp là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp". Tuy nhiên, "dự kiến nội dung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của hiến pháp năm 1992" lại chỉ thấy khoanh định trong một số điều. Không biết đối với những điều khác mà thấy rằng việc sửa đổi hay không sẽ có "liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến toàn xã hội" thì nhân dân có được đề cập đến để góp phần "tham gia quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước" không? Bài viết này mạn phép vượt khỏi những nội dung gọi ý khiêu cưỡng để bày tỏ một vài suy nghĩ chung về hiến pháp nước ta.

### Sự hình thành tư tưởng lập hiến và quá trình xây dựng hiến pháp ở nước ta

Ở Việt Nam, nhà nước xuất hiện khá sớm. Vào khoảng thiên niên kỷ hai trước công nguyên, xã hội Việt cổ đã có những chuyển biến nhất định. Trên cơ sở sức sản xuất phát triển, những yếu tố mới xuất hiện làm nảy sinh chế độ tư hữu không thể hiện dưới hình thức tư hữu về ruộng đất mà thể hiện dưới hình thức sở hữu nhà nước về ruộng đất và tư hữu về các tư liệu sinh hoạt. Đến đầu thiên niên kỷ một trước công nguyên do hai nhu cầu bức thiết lúc bấy giờ là xây dựng, quản lý các công trình tự trị thủy-thủy lợi và tổ chức lực lượng chống ngoại xâm đòi hỏi xã hội phải sớm hợp nhất cộng đồng và thống nhất bộ máy quản lý. Kết quả là nhà nước đầu tiên của ta - nhà nước Văn Lang của các vua

Hùng - đã ra đời.

Đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX do ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản Pháp 1789, của cách mạng Trung Hoa 1911 và của Phong trào Duy Tân Nhật Bản do Minh Trị thiên hoàng chủ xướng, tư tưởng lập hiến lần đầu đã xuất hiện trong trí thức Việt Nam. Để chống lại chủ trương bai bỏ chế độ vua quan ở miền Bắc và miền Trung của Nguyễn Văn Vinh, nhằm đặt xã hội Việt Nam dưới quyền cai trị trực tiếp của chính phủ Pháp, Phạm Quỳnh cho rằng nên duy trì Triều chính nước ta nhưng phải cải cách chế độ phong kiến nhiều tê tục và xây dựng nền chế độ quân chủ lập hiến. Phạm Quỳnh và Bùi Quang Chiêu kiến nghị ban bố một bản hiến pháp sao cho vừa bảo đảm được quyền điều hành đất nước của hoàng đế, quyền bảo hộ của chính phủ Pháp đồng thời quyền dân chủ cho nhân dân.

Vào năm 1902, tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây và tư tưởng cải cách đất nước của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Bạch, Phan Chu Trinh đề xướng chủ trương "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" đồng thời đề cao tư tưởng dân chủ và lập hiến. Ông viết: "Nhật Bản là nước đồng chủng, đồng giống với nước ta, bốn mươi năm trước họ lập ra hiến pháp cho nhân dân được bầu cử nghị viện. Việc chính trị trong nước phải theo ý dân chủ vua không được chuyên quyền tất cả". Ông chủ trương phê bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, xây dựng chế độ dân chủ. Ông nói: "So sánh hai cái chế độ quân trị và dân trị ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của một người hay của một triều đình mà trị một nước thì cái nước ấy không khác nào một đàn đê được no ấm vui vẻ hay đói khát khổ sở tùy theo lòng người chăn. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị thì quốc dân lập ra hiến pháp, luật lệ, đặt ra các cơ quan để lo việc chung của cả nước, lòng quốc dân thế nào thì làm thế ấy, dù không có người tài giỏi thì cũng không đến nỗi phải để dân

khốn khổ làm tôi mọi một nhà, một họ nào". Tại Hội Khuyến Học Sài Gòn, trong bài diễn thuyết *Quân trị và Dân trị Chủ nghĩa*, ông phân tòi: "Trong nước có hiến pháp, ai cũng phải tôn trọng hiến pháp, cái quyền của chính phủ cũng bởi hiến pháp quy định cho, lười biếng không được mà đâu có muốn áp chế cùng không chỗ nào thò ra được. Vả lại, khi có điều gì vi phạm đến pháp luật thì người nào cũng như người nào, từ ông tổng thống cho đến một người nhà quê cùng chịu theo pháp luật nhau".

Đầu năm 1919, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã gửi bản *Yêu sách của Nhân dân Việt Nam* cho hội nghị Versailles của các nước đồng minh. Một trong tám điều yêu sách (điều thứ 7) nêu ra là mong được ban hành hiến pháp. Sau này, bản yêu sách được dịch ra tiếng Việt dưới dạng văn vần để dễ phổ biến trong dân chúng lúc bấy giờ. Bản dịch mang tiêu đề *Việt Nam Yêu cầu Ca*. Trong đó có câu:

"Bảy xin hiến pháp ban hành  
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"

Tháng 11-1940, trong hội nghị trung ương Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, một trong những nhiệm vụ bức thiết đặt ra (nhiệm vụ thứ ba) là ban bố hiến pháp. Theo Người lúc bấy giờ, bản hiến pháp cần thiết phải là hiến pháp dân chủ, ban bố những quyền tự do dân chủ cho nhân dân, trong đó có các quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp. Người từng nói: "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên nước ta không có hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ".

Ngày 9-11-1946 bản hiến pháp đầu tiên đã được quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua sau mươi ngày làm việc khẩn trương với 240 phiếu thuận, 2 phiếu chống. Có lẽ đây là bản hiến pháp dân chủ nhất, tính đến nay, của nước ta. Với lời nói đầu ngắn gọn và khúc chiết (hơn cả, so với tất cả các bản hiến pháp sau này), bản hiến pháp 1946 đã xác định ba nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo.

- Đảm bảo các quyền tự do, dân chủ.
- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Trên cơ sở đó, điều 1 của hiến pháp 1946 ghi rõ : "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo". Điều này, về sau cứ bị biến tướng dần dần. Hiến pháp 1959 khả dĩ còn ghi : "Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ". Đến hiến pháp 1980 đã biến hóa lắt léo thành : "Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản" (điều 2). "Ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người chủ tập thể là nhân dân lao động bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo" (điều 3). Đến hiến pháp 1992 thì "nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức" (điều 2). Điều này dự kiến hầu như sẽ được giữ nguyên trong kỳ sửa đổi này. Thế đấy, từ hiến pháp 1946, qua các hiến pháp 1959, 1980 đến hiến pháp 1992, cái "miếng da lừa" quyền lực của nhân dân cứ ngày một teo dần. Từ chỗ "tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" (hiến pháp 1946), đến chỗ có phân biệt giữa "nhân dân nòng cốt", "nhân dân nền tảng" với "nhân dân ngoài vỏ", "nhân dân chau rìa". Lại nữa, dù có mềm hóa từ "nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản" (hiến pháp 1980) thành "nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" (hiến pháp 1992) thì ngay trong đàm nòng cốt

và nền tảng đó, bao giờ nhân dân là trí thức cũng bị xếp hạng bét ! Khi có lộc để thụ hưởng thì người ta ngày càng nghĩ thêm trăm phương ngàn kế để phân loại, chia quyền. Vậy mà khi cần kêu gọi quốc dân đồng bào đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm thì lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã từng :

*Kính cáo đồng bào*

*Hồi các bậc phụ huynh !*

*Hồi các hiền nhân chí sĩ !*

*Hồi các bạn si, nông, công, thương, binh !*

[...]

*Hồi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi !*

*Hồi các bạn công, nông, binh, thanh niên,*

*Phụ nữ, công chức, tiểu thương...*

[...]

*Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc*"

Nghĩa là, toàn dân đều có "quyền lực" giành độc lập cho tổ quốc, trong đó hiền nhân chí sĩ được xếp lên hàng đầu, kế đó là sĩ, rồi mới đến công, nông ...

Tôn trọng nguyên tắc "đảm bảo các quyền tự do dân chủ" ghi rành rọt trong lời nói đầu, Hiến pháp 1946 rất chú trọng đến chế định công dân. Hiến pháp có bảy chương thì toàn bộ chương 2 được dành cho chế định công dân. Tại đây, điều 10 công bố rất rõ ràng, dứt khoát "công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, di lại trong nước và ra nước ngoài". Đến hiến pháp 1959 điều này càng được khẳng định rõ ràng hơn "công dân nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình, nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó" (điều 25). "Công dân nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào" (điều 26). Vậy mà, đến hiến pháp 1980 người ta đã bắt đầu phải ngoặc thêm một điều kiện : "phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội", đồng thời đính kèm một lời răn đe : "Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để" ...

Nguyên văn điều 67 của hiến pháp 1980 là : "Công dân có các quyền tự do

ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân. Nhà nước tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó. Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của nhà nước và của nhân dân".

Qua hiến pháp 1992, những quyền công dân trên được phân bổ trong các điều 68, 69, 70 nhưng bây giờ ở đâu cũng phải đeo thêm một cái vòng kim cô hay một cái xiềng lỏng "theo quy định của pháp luật".

Nguyên văn điều 68 và điều 69 của hiến pháp 1992 là : "Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật" và "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật".

Tất cả các quyền tự do đều bị hạn chế dần. Riêng quyền tự do xuất bản đã được ban bố trong hiến pháp 1946 thì sau đó biến mất hẳn trong tất cả các bản hiến pháp Việt Nam sau này !

Theo Hegel, "lịch sử thế giới không gì hơn là một tiến trình của ý thức tự do". Tự do là nhu cầu tự nhiên, là lý tưởng tuyệt đối của nhân loại. Tự do thúc đẩy quá trình đấu tranh của nhân loại nâng dần cái giới hạn khống chế của nhà nước, của chính quyền đối với cá nhân lên cao hơn và cuối cùng, triệt tiêu nó. Nếu hiểu như vậy thì tiến trình sửa đổi, bổ sung hiến pháp ở nước ta là một tiến trình phản lịch sử. Nó ngày càng thoái bộ ! Khi đọc các trang viết của cựu chiến binh Trần Dùng Tiến gay gắt lên án Lê Duẩn, Lê Đức Thọ là chống lại tư tưởng Hồ Chí Minh, là cực kỳ phản động, tội không đồng tình, cho rằng ông quá phù phàng. Tuy nhiên, trước những sự kiện như thế này, tôi thấy ông Trần Dùng Tiến hình như có lý. Ai cũng biết rằng hiến pháp 1946, 1959 được xây dựng khi chủ tịch Hồ Chí Minh còn sống, trong khi đó hiến pháp 1980 và 1992 thuộc triều đại Lê Duẩn, Lê Đức Thọ ...

Không lệ thuộc vào hiến pháp 1918 của nước Nga xô viết, nói mà mọi tài sản tư hữu của địa chủ và tư sản đều bị quốc hữu hóa, hiến pháp 1946 của Việt Nam vẫn bảo vệ quyền tư hữu của công dân.

Điều 12 của hiến pháp 1946 ghi : "Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm". Đến hiến pháp 1959, quyền tư hữu cũng còn được thừa nhận. Điều 11 của hiến pháp 1959 ghi : "Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong thời kỳ quá độ, các hình thức chủ yếu về tư hữu tư liệu sản xuất hiện nay là : hình thức sở hữu của nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc". Vậy mà, dưới triều đại Lê Duẩn, quyền tư hữu đã bị xóa bỏ trong hiến pháp 1980. Sai lầm tai hại đó được sửa chữa một phần trong hiến pháp 1992 tại điều 16 : "phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế : kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới".

Có thể nói, nếu hiến pháp 1946 mang nhiều yếu tố dân chủ, tiến bộ nhất thì hiến pháp 1980 được xây dựng lại dưới thời Lê Duẩn là bản hiến pháp tồi tệ nhất trong 4 bản hiến pháp đã có của nước ta. Ngoài việc kop nhặt điều 6 của hiến pháp Liên Xô, áp đặt thành điều 4 cho hiến pháp Việt Nam, hiến pháp 1980 còn chứa đựng nhiều điều có tính chất phản động, tạo tình trạng áp chế tư tưởng, ngăn trở phát triển kinh tế nói riêng và xã hội nói chung ở nước ta. Hãy thử điểm qua một số điều :

- Điều 38 : "Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt Nam";

- Điều 18 : "Thiết lập và củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất nhằm thực hiện một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần : thành phần kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể của nhân dân lao động".

- Điều 21 : "Nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác với nước ngoài".

- Điều 22 : "Các cơ sở kinh tế quốc doanh hoạt động theo phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước, thực

hiện chế độ hạch toán kinh tế, chế độ thủ trưởng và chế độ trách nhiệm cá nhân" ;

- Điều 25 : "Ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những cơ sở kinh tế của địa chủ phong kiến và tư sản mại bản đều bị quốc hữu hóa không bồi thường".

### Hướng tới một bản hiến pháp dân chủ, tiến bộ

Nhà nước sinh ra hiến pháp, nhưng đến lượt mình, chính nhà nước lại phải chịu sự chi phối và quản lý của hiến pháp khi tự đặt mình trong phạm trù cai quản của luật pháp. Một bản hiến pháp thực sự dân chủ có sức sống trường cửu của nó. Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời từ thời lập quốc, nay cơ bản vẫn tồn tại. Nó được xây dựng cơ sở trên bốn nguyên tắc : (1) Nguyên tắc xác định và phân quyền (2) Nguyên tắc tư pháp ưu thế (3) Nguyên tắc công dân quyền (4) Nguyên tắc tu chính hiến pháp để thích ứng với tương lai biến đổi. Do hiến pháp quy định, xã hội Hoa Kỳ luôn bảo đảm tính dân chủ, nhờ đó rất bền vững và phát triển nhanh chóng thành hùng mạnh nhất thế giới. Tương thích với mục tiêu xây dựng một nhà nước thực sự "của dân, do dân, vì dân" như Abraham Lincoln đề xướng, hiến pháp không cho phép lạm dụng tập trung quyền lực vào tay một cá nhân nào, một tập đoàn nào, một đảng phái nào mà chủ trương phân chia quyền lực. Vấn đề phân quyền ở đây không chỉ bảo đảm theo chiều ngang ở thượng tầng với định chế tam quyền phân lập : hành pháp, tư pháp, lập pháp ; mà còn theo chiều dọc : liên bang kiểm soát tiểu bang, tiểu bang cai quản độc lập đối với liên bang.

"Nhà nước ta là nhà nước chuyên chính vô sản" (hiến pháp Việt Nam 1980) ! Không ! Đã độc quyền chuyên chế thì không thể nào tiến bộ được. Chính vì thế mà dù dân tộc có tài trí, dung cảm, cần cù bao nhiêu với cả núi xương sông máu oan nghiệt đã đổ ra thì vẫn cứ ngày càng tụt hậu xa hơn so với thế giới. Không ngờ, nỗi bi phần xót xa ngày nào của nhà chí sĩ Phan Chu Trinh như vẫn còn văng vẳng thét lên : "Cái độc chuyên chế cùng cái hủ nho nhà ta đã trở thành chứng bệnh bất trị mà học thuyết tự do, dân quyền Âu Tây là vị thuốc đắng để chữa bệnh đó". Mong sao

nước ta có được một bản Hiến pháp thực sự dân chủ và tiến bộ, một bản hiến pháp cho một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân chứ không phải của một giai cấp nào, đảng phái nào, tập đoàn lãnh đạo nào.

### Điểm qua một vài ý kiến đóng góp gần đây

Gần đây, báo chí, phát thanh, truyền hình đã đăng tải rất nhiều ý kiến của cơ quan, đoàn thể, cá nhân đóng góp vào dự kiến sửa đổi, bổ sung hiến pháp 1992, ở đây chỉ xin điểm qua một vài ý kiến bị báo, dài bò qua :

- Ý kiến của ông Phạm Ngọc Uyển, cán bộ giảng dạy kỳ cựu của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh : "Sửa đổi hiến pháp 1992 thì phải sửa đổi một cách cơ bản. Nhưng chí ít theo thiển ý tôi, đầu tiên nhất thiết phải bỏ điều 4. Điều 4 không có trong các hiến pháp trước, khi Hồ Chí Minh còn sống [...] Hồ Chí Minh đã nói ngay từ năm 1938 rằng "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thỏa thuận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất". Với điều 4, hiến pháp 1992 khác với tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều lắm. Giữ điều 4 thì không thể nói được rằng "Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta" mà là Hồ Chí Minh đã chết trong việc làm của chúng ta hiện nay, Hay nói toạc móng heo ra là ta đã phản bội Hồ Chí Minh trên một điểm rất cơ bản".

- Ý kiến của luật gia trẻ tuổi Lê Chí Quang : "Trong lời nói đầu có đoạn viết : dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo tôi được biết, tất cả những nước đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin hoặc làm theo học thuyết Mác-Lênin đều đói nghèo, lạc hậu, mất dân chủ và đều đã sụp đổ. Chúng ta rồi cũng không thể tránh khỏi vết xe đổ đó. Những kẻ đóng dả học thuyết Mác-Lênin chúng qua chỉ cốt để duy trì sự thống trị vĩnh viễn, tiện bề vơ vét và bóc lột nhân dân. Nếu thực tâm muốn xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân, cùng nhau xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh thì cần xóa bỏ mệnh đề trên, từ bỏ cái ý thức hệ quái đản đó đi".

- Ý kiến của cụ Đỗ Việt Sơn, 78 tuổi đời, 54 tuổi Đảng : "Hiến pháp mới cần

*sửa đổi lại luật bầu cử và ứng cử để cho mọi công dân Việt Nam có tài đức, có kiến thức, có nhiệt tình đều được phép bầu cử và ứng cử vào Quốc hội hoặc những vị trí quan trọng nhất của đất nước [...] không phân biệt đảng viên hay quần chúng, thành phần gốc rễ ra sao [...] Đại biểu quốc hội khóa XI nên bầu ắt là trí thức (đại học và trên đại học), 2/3 là đại biểu không kiêm nhiệm các chức danh quan trọng của bộ máy nhà nước [...] Quốc hội mới cần có cơ quan thường trực tiếp dân, đồng thời có tổ chức chuyên trách giám sát các ngành thực thi pháp luật cũng như có đủ khả năng nghiên cứu đề xuất với quốc hội những vấn đề mới".*

### **Một số ý kiến chúng tôi đã nêu trước đây**

Xin được nhắc lại một số ý kiến đã đề đạt trong bài *Thảo luận về Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp Việt Nam 1980*, gửi ban soạn thảo sửa đổi hiến pháp của quốc hội ngày 8-1-1992 :

- Để thống nhất về mặt kết cấu ngữ nghĩa về cách gọi tên các chương, chương I nên đặt là "Tên nước - Chế độ chính trị". Cùng vậy, tên của chương IV sẽ ngắn gọn hơn, không cần thêm cụm từ xã hội chủ nghĩa. Đối với người dân của bất kỳ nước nào, tổ quốc cũng đều vô cùng thiêng liêng. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy ý chí bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta là bất di bất dịch. Tổ quốc đã qua bao nhiêu triều đại, song dù vận nước thịnh suy, nhân dân ta vẫn một lòng gìn giữ vẹn toàn giang sơn đất nước. Vả lại, cần chăng là phải đề phòng tình huống khôi hài khi có tên cơ hội hoặc kẻ nguy biện nào bảo rằng chỉ có tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới đáng được bảo vệ thôi. Vì sự thật là chúng ta chưa hề có chủ nghĩa xã hội. Cho đến nay ta cũng mới chỉ đang ở chặng đầu của thời kỳ quá độ.

- Không nên lạm dụng cụm từ "xã hội chủ nghĩa". Việc đưa ý niệm "*công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa*" làm cho điều 76 vừa không xác định, vừa mâu thuẫn với một số điều khác. Thế nào là tài sản xã hội chủ nghĩa ? Đối với các di sản văn hóa, di tích lịch sử, các tài sản của các thành phần kinh tế khác thì sao ?

- Vấn đề hệ thống tư pháp thuộc cơ quan quyền lực nào và chế độ thẩm

phán bầu hay bổ nhiệm là rất quan trọng, bởi vậy không nên để lủng như điều 129 : "*Chế độ bổ nhiệm và nhiệm kỳ của thẩm phán, chế độ bầu và nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân ở tòa án nhân dân các cấp do luật định*". Để bảo đảm tính độc lập tương đối cho quyền tư pháp, cần có hội đồng tư pháp tối cao. Hội đồng này cử ra những thẩm phán xét xử và công tố viên. Cùng cần đổi viên kiểm sát nhân dân hiện nay thành viên công tố có chức năng kiểm soát các hoạt động của các cơ quan hành pháp và có quyền khởi tố, cáo trạng và kháng nghị. Dù vẫn muốn duy trì chế độ trung ương tập quyền thì ta vẫn phải cố gắng tổ chức Nhà nước sao cho nguyên tắc quyền lực ngăn trở quyền lực được bảo đảm ...

- Nên bỏ hai chữ "nhất thiết" trong câu "*ngoài thủ tướng, các thành viên khác trong chính phủ không nhất thiết phải là đại biểu quốc hội*". Muốn có sự phân biệt tương đối rõ ràng giữa quyền hành pháp và lập pháp thì đại biểu quốc hội không nên kiêm nhiệm những chức vụ lãnh đạo trong hệ thống hành pháp và tư pháp. Vả chăng, từ khóa tới, đại biểu quốc hội cần hoạt động thực sự, nên phải giành thời giờ thỏa đáng cho những hoạt động của quốc hội, không còn đủ thời gian và tâm trí để làm việc của chính phủ ...

### **Về vấn đề xây dựng nhà nước dân chủ pháp quyền**

Điều 2 của hiến pháp 1992 được dự kiến sửa đổi là : "*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*". Tôi cho rằng chúng ta cần xây dựng một nhà nước dân chủ pháp quyền.

Trong lịch sử nhân loại, từ khi nhà nước xuất hiện, các thế lực cầm quyền đã sử dụng nhiều hình thức cai trị khác nhau nhưng tựu trung có hai hệ phương pháp chính : hệ phương pháp dân chủ và hệ phương pháp phản dân chủ. Tương ứng với hai hệ phương pháp ấy là hai chế độ nhà nước : chế độ dân chủ (chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ quý tộc phong kiến, chế độ dân chủ tư sản, chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân) ; chế độ phản dân chủ (chế độ độc tài chuyên chế chủ nô, chế độ độc tài chuyên chế phong

kiến, chế độ độc tài phát xít tư sản, chế độ chuyên chính vô sản).

Nhà nước dân chủ là nhà nước bảo đảm xây dựng một hệ thống chính trị cho phép công dân tham gia tự do và sáng suốt vào sự quản lý công việc chung toàn xã hội. Theo Mác-Lênin thì "*Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cường bức đối với người ta. Một mặt thì như thế, nhưng mặt khác, chế độ dân chủ có nghĩa là chính thức thừa nhận quyền bình đẳng giữa những công dân, thừa nhận cho mọi người được quyền ngang nhau trong việc xác định cơ cấu nhà nước và quản lý nhà nước*". Thiết chế nhà nước dân chủ phải thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phải được nhân dân ủy nhiệm quyền lực bằng một chế độ bầu cử mà nhân dân có quyền và có khả năng, có điều kiện tự do lựa chọn để bầu.

- Phải bảo đảm đảm cho nhiều khuynh hướng, nhiều chính kiến khác nhau được tự do tranh luận.

- Phải bảo đảm cho các cơ quan quyền lực không thể lạm quyền.

Để bảo đảm các thiết chế dân chủ vận hành và tồn tại bền vững cần xây dựng nhà nước pháp quyền. Theo quan điểm Mác-Lênin, pháp quyền là ý chí giai cấp (tư sản hay vô sản) được đề lên thành luật, mà ý chí đó là do những điều kiện sản xuất và sinh hoạt vật chất của giai cấp tư sản hay vô sản cầm quyền quyết định. Thực ra, phải quan niệm pháp quyền là ý chí chung của nhân dân không mang tính giai cấp và không dựa trên cơ sở kinh tế. Theo Montesquieu, nhà nước pháp quyền phải là một nhà nước dựa trên nguyên tắc tam quyền phân lập, trong đó bảo đảm mọi cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà nước phải tuân theo hiến pháp và luật, bảo đảm sự độc lập tự do của các cơ quan công quyền trong mối quan hệ với nhau trong khi thực thi quyền lực riêng được giao cho ; không có tổ chức quyền lực nào trong 3 quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp được lấn át tổ chức quyền lực nào. Nhà nước pháp quyền phải bảo đảm cho pháp luật thống trị toàn xã hội. Nhà chí sĩ Phan Chu Trinh đã từng diễn giải về cơ chế phân chia quyền lực như sau :

"Cái quan chức về việc cai trị chỉ có quyền hành chính mà thôi, còn quyền xử án thì giao cho các quan án là những người học giỏi luật lệ, có bằng cấp; các quan án chỉ coi việc xử đoán, có quyền độc lập, cứ theo lương tâm công bình, chiếu theo pháp luật mà xử, xử chính phủ cũng như xử một người dân. Các quan án ở về một viện riêng gọi là viện tư pháp. Quyền tư pháp cùng như quyền hành chính của chính phủ và quyền lập pháp của nghị viện đều đứng riêng ra, không hợp lại trong tay một người nào". Ở nước ta hiện vẫn tồn tại 4 hệ thống cơ quan :

1. Các cơ quan quyền lực nhà nước (quốc hội là cơ quan lập pháp và hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương).

2. Các cơ quan hành chính - nhà nước, tức là cơ quan hành pháp (đứng đầu hệ thống này là chính phủ, rồi đến các bộ và ủy ban nhà nước, các ủy ban nhân dân ở địa phương, các sở, phòng, ban ...

3. Các cơ quan xét xử (tòa án tối cao, tòa án quân sự, các tòa án nhân dân địa phương).

4. Các cơ quan kiểm sát (viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát quân sự, viện kiểm sát nhân dân địa phương). Đối với hệ thống các cơ quan kiểm sát, chúng tôi đã có ý kiến đóng góp trước đây và đã nêu lại ở phần trên. Trong tình hình hiện nay chúng tôi thấy có thể nghiên cứu bỏ bớt hệ thống các hội đồng nhân dân từ cấp huyện trở xuống.

Tối qua tôi đã định kết thúc bài viết và gửi cấp tốc đến ban sửa đổi và bổ sung hiến pháp, cùng các vị lãnh đạo Đảng, nhà nước, hy vọng sẽ được tham khảo để từ đấy có chút đóng góp tích cực cho xã hội. Sáng nay, cái khẩu lệnh mở đầu buổi phát thanh Quân đội Nhân dân bỗng dưng xói vào tai tôi nhức nhối như chưa từng thấy : "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân". Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh, câu khẩu lệnh kia thường được xướng lên đúng theo lời dạy của Người : "Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân". Không biết từ bao giờ, khẩu lệnh này đã bị xuyên tạc đi ? Phải chăng nó đồng thời với lúc người ta ấn định nhà nước ta là nhà nước chuyên chính vô sản. Cho nên việc sửa đổi hiến

pháp một cách cơ bản là cực kỳ quan trọng và có ý nghĩa thiêng liêng. Còn rất nhiều điều cần thiết phải được sửa đổi, hay thậm chí phải xây dựng một bản Hiến pháp khác hầu như hoàn toàn mới mà tôi hoặc chưa nghĩ được ra, hoặc chưa dám trình bày. Mong các vị lãnh đạo hãy thấy rõ trách nhiệm lịch sử của mình, bằng tất cả lương tâm và dũng khí trí tuệ, gạt bỏ tư tưởng bè phái, cục bộ, bản vị đặt lợi ích riêng cho được một bản hiến pháp thực sự của dân, do dân, vì dân ; chứ không chỉ thiên về một chính quyền nào, một đảng phái nào, một hệ tư tưởng nào. "Quan nhất thời, dân vạn đại", các vị ngồi trên cái ghế của mình bất quá chỉ năm hay mười năm nữa nhưng các thế hệ sau, trong đó có con cháu các vị sẽ công minh phán xét và hiện đang trông cậy vào các vị.

Nguyễn Thanh Giang

## THÔNG LUẬN

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada  
có thể liên lạc qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box  
7592 Fremont, CA 94537 - 7592

Khi thanh toán tiền mua báo  
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Báo Vệ Nhân Quyền Việt Nam  
Đại diện : Phan Bá Việt

Địa chỉ liên lạc : Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede

Telex: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm : 30 Euro, xin chuyển  
vào trương mục : Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc, xin liên lạc với đại  
diện : Mr. Võ Thanh Liêm  
5 Fira Court Narre Warren VIC 3805

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với  
Nguyễn Thanh Lương,

Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM

Tel: 069-4940048 ; Fax : 069-443913

Giá báo dài hạn : 60 DM/năm

Xin chuyển vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G  
THANH LUONG, NGUYEN  
Konto-Nr: 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl: 50 19 00 00

## Chuyện vui chữ nghĩa

Hồi trước, mỗi khi đọc sách báo gấp chỗ nào hay tôi thường chép lại.Ừa rồi, tìm trong ngăn kéo thấy có mấy mẩu chuyện dưới đây, tôi thêm vào mấy lời bình đưa biếu vài người bạn :

Tháng 5-1980, nguyệt san Europe ở Paris có mỳ ý ra số đặc biệt về danh nhân Nguyễn Trãi. Trong áng văn *Bình Ngô Đại Cáo* có câu : "đi du cứu phàn". Nghĩa là "đem dầu chữa cháy".

Nếu đọc nguyên tác thì không thể lầm được, nhưng chắc giáo sư Vũ Khiêu đọc bản dịch, lầm "dầu" ra "đầu" rồi chuyển ngữ : "apportant leur tête pour éteindre un incendie" (Europe, trang 57).

Lời bình của NHT :

Quốc ngữ có khó học đâu  
Chữ đ không có ngang đầu đọc d...  
Chu thay !

Lại một ví "mô phạm tiên sinh" nữa : có thầy giáo khi giảng bài *Văn nghĩa sì Càn Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, đọc "Nhớ lính xưa" ra "Nhớ lính xưa" và giảng rằng : Cụ Đò Chiểu đứng vững trên quan điểm của nhân dân lao động nên chỉ chú ý tới lính chứ không chú ý tới tướng tá (Trích bài của Triệu Dương đăng báo *Văn nghệ* ngày 29-9-1979).

Lời bình của NHT :

Lập trường vững, đọc chưa thông !  
"Lính" có dấu sắc, "linh" không dấu nào

Học trò giỏi kể cùng nhiều :  
Có em lớp sáu thuộc vào hạng "ưu"

Cô giáo Loan, dạy lịch sử lớp sáu, hỏi một em học sinh :

- "Nhờ đâu mà khỉ biến thành người ?"  
Lập tức, em học sinh đáp gọn lỏn :  
"- Thưa cô, nhờ Đảng và chính phủ".

(Trích trong tập *Người đàn bà Quỷ*, trang 134, nxb Nông nghiệp, 1988).

NHT giới thiệu :

"Người đàn bà quý",  
"Truyện ký chọn lọc".

Ai chưa được đọc

Nên tìm xem ngay.

Sách hay, rất hay !

Trân trọng giới thiệu

Paris, tháng 9-2001  
Nguyễn Hữu Thành

# Chênh lệch thu nhập giữa các vùng và giữa thành thị - nông thôn trong kinh tế Việt Nam

Nguyễn Mạnh Hùng

Nguyễn Mạnh Hùng tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế học ở Đại học Toronto, Canada năm 1975, hiện là giáo sư tại Đại học Laval, Québec, Canada và đã từng giảng dạy và nghiên cứu ngắn hạn ở nhiều nơi khác, như các đại học Paris I, Toulouse II, Australian National University, Harvard, Viện Tính toán Điều khiển ở Hà Nội, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Mức chênh lệch thu nhập - lợi tức giữa các vùng và giữa thành thị-nông thôn được khảo sát trên cơ sở số liệu xác lập cho năm 1993 và trong giai đoạn 1990-1994. Những chênh lệch này là sự phân hóa giàu-nghèo, hiện có khuynh hướng tăng theo thời gian, và trong tương lai có khả năng vượt mức tương ứng với một xã hội ổn định và đồng thuận trên những giá trị hợp quần về công bằng và hổ tương. Mặt khác, phát triển và hiện đại hóa nền kinh tế lại là tất yếu và là nhiệm vụ hàng đầu. Bước đầu phải làm là đưa nền kinh tế vào quỹ đạo kinh tế thị trường. Nhưng ở đây, thị trường có, hay không có, cơ chế nào để điều chỉnh sự phân bổ thu nhập - lợi tức phù hợp với nhu cầu và giá trị xã hội ? Phát triển kinh tế phải chăng cần phân hóa giàu-nghèo như một tiền đề, như một điều kiện cần ? Phát triển kinh tế phải chăng sẽ tạo ra mức phân hóa ngày càng tăng ?

Thuật học kinh tế chỉ rõ là hệ thống giá cung-cầu chỉ phản ánh chừng mức nào góc độ hiệu năng chứ không điều chỉnh sự phân bổ nói trên. Trong những năm gần đây, một số nghiên cứu nghiêm túc lại khẳng định là mức phân hóa giàu-nghèo có tác động tiêu cực lên vận tốc phát triển, và chính sự phát triển kinh tế sẽ giảm thiểu mức phân hóa này theo thời gian. Như vậy, nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội là một chủ trương đúng đắn trên mặt lý thuyết. Chúng ta có quyền mong ước định hướng này thành những chính sách phát triển kinh tế cụ thể hầu trở thành hiện thực trong một quốc gia hiện có mức sống thấp vào hạng nhất trên thế giới.

## Mở đầu

Từ thập niên vừa qua, kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi tích cực nhằm xác lập một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ chuyển tiếp này, những thành quả về mặt hữu hiệu hóa nền sản xuất, quản lý, xuất khẩu... phần nào đã chứng tỏ khả năng đáp ứng linh động của mọi thành phần kinh tế và tính thuyết phục của chính sách "Đổi mới". Đó là mặt nổi. Đăng sau mặt nổi ta còn phải quan tâm đến phân bổ thu nhập - lợi tức, một trong hai phạm trù lớn của thuật học kinh tế, tồn tại song song với phạm trù phân bổ nguồn lực trong sản xuất - tiêu thụ.

Trong bài này, tôi xin đề cập đến vấn đề chênh lệch thu nhập :

- i) nhìn theo các vùng khác nhau trong nước, và
- ii) giữa thành thị và nông thôn trong từng vùng.

Tôi tập trung vào giai đoạn năm 1990-1994, và phân tích kỹ những số liệu năm 1993. Ngoài lý do số liệu thông tin thật

khó đầy đủ, thời kỳ chọn lựa nhằm tránh những thay đổi đột biến thường có trong những năm đầu của một chính sách kinh tế mới. Tuy nhiên, xin nói rõ vấn đề chênh lệch thu nhập không phải là hệ quả của chính sách kinh tế "Đổi mới". Thật ra, đó là một vấn đề kế thừa từ quá khứ, là di sản có tính địa dư và tính lịch sử. Nhưng vấn đề này lại đòi hỏi chúng ta phải quan tâm đúng mức để bảo đảm cho một môi trường ổn định và thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế và xã hội.

Phần II tiếp sau, tôi nêu vấn đề phân bố thu nhập dưới một số khía cạnh vừa lý thuyết vừa thực tế.

Phần III đề cập đến sự chênh lệch thu nhập theo vùng dựa trên cơ sở những số liệu sẵn có. Và kế đến là chênh lệch thu nhập dưới khía cạnh phân bố dân số và lao động giữa thành thị và nông thôn.

Tiếp theo, trong phần IV, tôi xin xét trên mặt định tính một số dự phỏng về mức chênh lệch đã nói trên, phân tích xem chúng thay đổi theo thời gian như thế nào trong bối cảnh tương lai một nền kinh tế toàn cầu đang thành hình và phát triển.

Phần V, phần kết luận, tôi xin tóm tắt những điểm chính của bài này, và nhấn mạnh rằng một chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế phải là một chính sách đồng thời giảm được sự phân hóa giàu-nghèo trong xã hội.

## Vấn đề chênh lệch thu nhập

Kinh tế học trong ba thập niên vừa qua đã hình thành rất nhiều mô hình trong phạm trù phân bổ nguồn lực trong sản xuất và tiêu thụ nhưng lại không quan tâm đầy đủ đến vấn đề phân bổ thu nhập - lợi tức. Dưới ảnh hưởng của trường phái tân cổ điển, phân bổ bị đơn giản hóa qua câu hỏi về định giá cho những tư liệu sản xuất ; cụ thể là giá lao động và giá tư liệu dùng trong sản xuất. Mức thu nhập thay đổi theo những giá này, và vấn đề phân bổ thu nhập tóm gọn thành hệ quả rút ra từ định giá của các tư liệu sản xuất : giá đó là hiệu suất biến của lao động, vật tư, tích sản ... trong một hệ thống sản xuất hữu hiệu. Giá đó được hình thành thông qua cơ chế cung cầu của thị trường.

Hệ thống giá này có tạo ra những mức chênh lệch thu nhập không thỏa đáng trên bình diện xã hội hay không ? Ngay trong một nền kinh tế có cạnh tranh hoàn hảo với mọi hàng hóa và tư liệu sản xuất tự do lưu thông, giá thị trường chỉ phản ánh tính có hiệu năng. Hệ thống giá này không thể hiện và đảm bảo tính xã hội, chẳng hạn như ước lệ về sự công bằng, về sự tương hỗ giữa những thành viên của tập thể, về an ninh quốc gia, v.v. Chính vì thế mà chúng ta thấy trong mọi nền kinh tế, ở những

mức độ khác nhau, có những chính sách nhà nước nhằm điều chỉnh sự phân bố thu nhập - lợi tức.

Từ điểm chính vừa nêu trên, ta thấy phân bố và sự chênh lệch thu nhập là một vấn đề không thể dùng cơ chế thị trường mà giải quyết được. Chúng ta có thể cung cấp nhận định cơ bản này bằng hai yếu tố khác. Yếu tố thứ nhất là cách xem xét vấn đề của luận chứng tân cổ điển dựa trên giả thiết cơ chế cạnh tranh toàn hảo. Theo đó, luận chứng này không thể đứng vững khi trên thực tế, cơ chế thị trường thực ra là cạnh tranh không hoàn hảo (*imperfect competition*), một sự kiện khó chối bỏ được. Thứ đến, làm thế nào để bảo đảm tính lưu động nhằm tạo tiền đề thuận lợi cho cơ chế thị trường không phải là "giải quyết" vấn đề. Ở đây, xin lưu ý là có những yếu tố sản xuất cố định và những điều kiện sản xuất bất biến như đất đai, khí hậu... Một khác, lưu động của tư liệu sản xuất và lao động tạo ra những chi phí giao dịch (*transaction cost*). Những chi phí này có thể rất đáng kể đối với cá nhân lẫn xã hội. Cuối cùng, di chuyển lao động từ vùng này qua vùng kia tùy thuộc vào nhiều yếu tố, không chỉ đơn thuần là đi tìm công ăn việc làm với mức thu nhập cao. Nhà trường, nhà thương... là những thành phẩm xã hội công cộng (*public good*) có tác động lên những quyết định này.

Rất khó định nghĩa đầy đủ được một phân bố thu nhập tối ưu. Ở đây, tối ưu không còn chỉ là một hệ phân bố phù hợp với, hoặc tạo ra, hay hình thành từ một hệ sản xuất hữu hiệu. Khái niệm tối ưu trên bình diện xã hội đòi hỏi một sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính hữu hiệu kinh tế với những giá trị xã hội khác như công bằng, bác ái... Trên vấn đề này, thuật học kinh tế chưa cho phép chúng ta có thể xác quyết gì được. Vì lẽ đó, tôi thiển nghĩ, chúng ta nên quay lại với những sự kiện. Trên cơ sở những số liệu thu thập được, tôi đặc biệt đặt trọng tâm trên hệ phân bố thu nhập theo vùng và, trong một quốc gia nông nghiệp như nước ta, trên mức chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn. Tôi xin nhấn mạnh vấn đề trên bình diện ổn định và an ninh quốc gia. Lê dì nhiên là nếu không có một mức ổn định và an ninh tối thiểu, viễn ảnh một nền kinh tế có phát triển để từng bước hiện đại hóa hay không sẽ lại bị đẩy lùi.

Trong mọi tập hợp các quốc gia, mức chênh lệch thu nhập theo vùng thường một mặt phản ánh điều kiện địa dư của phân bố tài nguyên, mặt khác phản ánh mức độ phát triển của từng vùng và sự hòa nhập kinh tế của các vùng với nhau. Nếu chênh lệch ở mức không đáng kể, sự ổn định có thể coi như là có. Nhưng một khi chênh lệch đạt đến một mức "nào đó", mâu thuẫn quyền lợi kinh tế địa phương là điều không tránh được. Những mâu thuẫn này có thể dẫn đến những xung đột mà mức gay gắt nhất là ly khai. Lịch sử nhân loại đầy những thí dụ này, và nhất là ở châu Phi trong hai mươi năm trở lại đây. Cách giải thích thường ghép thêm sắc tộc vào những vùng xảy ra ly khai, và đem những lý lẽ như văn hóa, quyền tự trị... ra làm nguyên do cho những xung đột không thể hòa giải được này. Thực ra, chính mức chênh lệch thu nhập mới là động cơ, và nếu thêm tác động từ bên ngoài, thường là từ một cường quốc có quyền lợi kinh tế trong vùng, thì khả năng đẩy mức độ xung đột đến bạo loạn ly khai mới có thể có được.

Sự chênh lệch thu nhập thành thị và nông thôn cũng là một sự kiện thường thấy ở những nước nông nghiệp. Từ những thập

năm vừa qua, giá quốc tế những mặt hàng nhóm một (nông, lâm sản, nguyên liệu thô, sơ chế) giảm đi so với giá những mặt hàng công nghiệp. Vì công nghiệp thường có địa bàn hoạt động trong thành thị và vùng lân cận, mức thu nhập của dân thành thị tăng lên so với dân ở nông thôn. Ngoài ra, những tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến khiến mức cầu lao động nông nghiệp giảm, lượng cung lao động vượt cầu, gây thêm tác động tiêu cực trên mức thu nhập của người dân ở nông thôn. Ngày nay, với sự phát triển của khâu dịch vụ cũng chủ yếu là ở thành thị, sự chênh lệch thu nhập này lại càng tăng thêm.

Ngay tại các nước tiên tiến, hiện tượng này cũng xảy ra, và sản xuất nông nghiệp thường được hưởng những hỗ trợ, bù lỗ của nhà nước để có thể tồn tại (xem Vũ Quang Việt, 1996, 77-127). Phần nông nghiệp trong thu nhập quốc dân ở những nước tiên tiến chiếm khoảng 10-15%, với 8-10% lực lượng lao động. Ở ta, 80% dân số cả nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Phần đóng góp vào thu nhập quốc dân của nông nghiệp lại là 38,6 % năm 1990 và 29,4 % năm 1995. Vậy lấy gì để hỗ trợ ? Và hỗ trợ tác động thế nào lên mức chênh lệch thu nhập ? Cũng như mức chênh lệch vùng có thể dẫn đến những sự kiện bất ổn giữa các địa phương, sự xuống cấp của mức sống nông thôn luôn gây ra vấn đề tranh chấp ruộng đất. Kolko (1997) phân tích dựa trên thông tin thống kê của Ngân hàng Thế giới đã cho biết từ năm 1988 đến năm 1990, có khoảng 200.000 đơn khiếu nại. Từ năm 1988 đến năm 1992, có 2.600 vụ tranh đoạt ruộng đất. Trong những vụ này, 11% là rất găng, 49% được coi là găng và chỉ có 40% được đánh giá là ôn hòa.

Tóm lại, nói chung là độ ổn định một tập hợp quốc gia chỉ có thể tăng lên một khi mức chênh lệch thu nhập của những thành viên cấu thành nó giảm đi. Và ngược lại. Vì thế, trên con đường tìm hướng ổn định, tôi thiển nghĩ, ta không thể nào không rà soát những mức chênh lệch thu nhập và có biện pháp đối phó thích ứng.

### **Chênh lệch mức thu nhập**

#### Giữa các vùng

Trên cơ sở thu nhập bình quân đầu người trong nghiên cứu của Vũ Quang Việt (1996, bảng 3, trang 50 và bảng 1, trang 178) kết hợp với số liệu theo niên giám thống kê 1994, chúng ta có thể tính được thu nhập (GDP) trên đầu người cho từng vùng vào năm 1993, gồm 7 vùng :

- Vùng 1 : Trung du Bắc bộ
- Vùng 2 : Đồng bằng sông Hồng (gồm những thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định...)
- Vùng 3 : Khu bồn cát
- Vùng 4 : Duyên hải miền Trung
- Vùng 5 : Tây Nguyên
- Vùng 6 : Đông Nam bộ (gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Gia Định, Biên Hòa, Vùng Tàu...)
- Vùng 7 : Đồng bằng sông Cửu Long

Tính toán nói trên được tóm tắt trong những bảng sau đây :

Bảng 3.1a : Phân bố thu nhập đầu người theo vùng - 1993

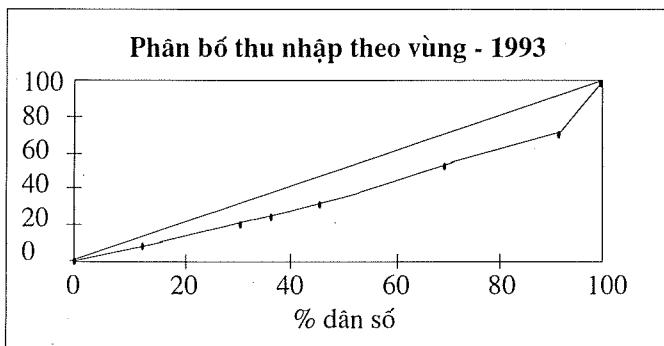
Vùng	Thu nhập đầu người (1000 đồng)	Số dân thành thị (100 000 người)	Số dân nông thôn (100 000 người)	Tỉ số thu nhập đầu người nông thôn so với thành thị
1	1.258	1.576,5	10.532,8	0,16
2	1.811	2.385,6	11.429,2	0,15
3	1.215	936,2	8.580,7	0,17
4	1.444	1.704,9	5.669,8	0,32
5	1.364	671,5	2.232,0	0,43
6	4.524	4.008,1	4.684,8	0,18
7	1.818	2.364,5	13.167,1	0,36
Cả nước	1.949	13.647,3	56.296,4	0,20

Từ bảng trên, chúng ta dễ dàng thiết lập :

Bảng 3.1b : Phân bố thu nhập theo vùng - 1993

Vùng	Thu nhập (%)	Thu nhập tích tụ (%)	Dân số (%)	Dân số tích tụ (%)
3	8,62	8,62	14,5	14,5
1	11,43	20,06	17,2	31,7
5	2,95	23,01	04,3	36,0
4	7,94	30,95	10,4	46,4
2	18,64	49,59	19,5	65,9
7	21,04	70,63	21,9	87,8
6	29,31	100,00	12,3	100,0

Từ bảng 3.1b trên, biểu đồ Lorenz cho thấy một điểm nổi bật là vai trò đặc thù của vùng 6 trong sự cấu thành mức chênh lệch thu nhập của mọi vùng trên cả nước.



Chúng ta thấy rõ :

1. Vùng 6, gồm các tỉnh đồng Nam bộ và đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh : với 12,5% dân số cả nước năm 93, vùng 6 tương ứng với gần 30% số tổng thu nhập ; và nâng số thu nhập bình quân đầu người của cả nước lên mức 1.949 nghìn đồng. Vùng này có mức thu nhập đầu người cao hơn cả, kể là vùng 7 có tỉ lệ xấp xỉ bằng mức thu nhập đầu người trung bình cả nước.

2. Tỉ lệ này giảm dần trong thời gian với vùng 1, 3, 4, và

5. Một cách tương đối, những vùng này nghèo nếu so sánh với những vùng khác từ năm 1990 đến năm 1994. Riêng vùng 2, thu nhập tăng lên đôi chút so với mức trung bình cả nước, nhưng chỉ xấp xỉ bằng vùng 7. Vùng 2 và vùng 7 gần bằng nhau về mức thu nhập bình quân đầu người, đóng góp gần như không đáng kể vào cấu trúc chênh lệch thu nhập của cả nước.

3. Vùng 4 và 5, gồm 14,4% dân số cả nước, có thu nhập với tỉ lệ gần 11% thu nhập cả nước. Hai vùng 3 và 4, là hai vùng nghèo nhất, với thu nhập đầu người thấp nhất nước. Tuy chiếm 30,47% dân số nhưng mức thu nhập cả hai vùng chỉ tương ứng với xấp xỉ 20% tổng số thu nhập cả nước, thấp hơn cả vùng đồng bằng sông Cửu Long với chưa đến 22% dân số.

Số liệu về mức chênh lệch năm 1993 phản ánh phân bố thu nhập theo vùng là di sản từ nhiều năm nay. Tính lịch sử này có lẽ do phân bố tài nguyên thiên nhiên phục vụ nông nghiệp không đồng đều, và do nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính của các vùng cho đến nay. Đồng bằng sông Cửu Long (vùng 7) xưa nay vẫn là miền có đất đai tương đối trù phú. Miền núi và Trung Du Bắc bộ (vùng 1) cũng như khu bồn cát (vùng 3), ngược lại, đất đai khan hiếm và không hội đủ điều kiện thuận lợi cho canh tác nông nghiệp với phương pháp kỹ thuật hiện hành. Hiện tượng đô thị hóa gia tăng, đặc biệt với Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cũng rất đáng lưu tâm. Điểm này sẽ đề cập ở phần sau về mức phân hóa giữa thành thị và nông thôn.

Mức chênh lệch thu nhập chỉ phản ánh sức mua chứ chưa phản ánh mức tiêu dùng, nói rộng nghĩa là mức sống. Ở những vùng chủ yếu là kinh tế nông thôn, hiện tượng tự cung tự cấp khá phổ biến và có tác động nâng mức tiêu dùng cao lên phần nào so với mức thu nhập. Ngoài ra, mức tiêu dùng cũng không phản ánh đầy đủ mức sống, bao gồm cả tiêu dùng những sản phẩm công cộng như y tế, giáo dục mà người dân trước đây được hưởng miễn phí. Dưới góc độ này, chúng ta cùng xem xét mức chênh lệch về chăm sóc y tế và giáo dục giữa các vùng năm 1993 với những bảng 3.2 và 3.3 sau đây xác lập từ niên giám thống kê 1994.

Trước tiên, về y tế :

Bảng 3.2 : Dịch vụ y tế - 1993

(cho 100.000 người)

Vùng	Số lượng					
	Bác sĩ	Y sĩ	Y tá	Nữ hộ sinh	Bệnh Viện	Trạm y tế nông thôn
1	0,33	0,76	0,58	0,13	1,26	1,23
2	0,38	0,60	0,61	0,18	1,33	1,08
3	0,26	0,70	0,51	0,19	1,28	1,65
4	0,29	0,75	0,54	0,16	1,60	0,79
5	0,29	0,70	0,47	0,13	2,10	1,12
6	0,43	0,84	0,75	0,23	1,79	0,35
7	0,23	0,71	0,42	0,17	0,96	0,50
Cả nước	0,31	0,80	0,55	0,16	1,63	1,20

Theo bảng 3.2, số bác sĩ, y tá và nữ hộ sinh trên đầu người cho vùng 2 và 6 mức độ đô thị hóa tương đối cao) lớn hơn mức trung bình cả nước. Số bệnh viện trên đầu người cao nhất là vùng 5, sau đó là vùng 6. Về phần nông thôn, số trạm y tế và số y sĩ trên đầu người cho thấy mặt cung dịch vụ y tế ở vùng 4 và 7 là thấp nhất. Trừ những lưu ý trên, dịch vụ y tế trải ra khá đều, và cuối cùng, vùng 2 và vùng 6 cũng lại có mức cung y tế cao. Như vậy, dịch vụ y tế làm sự chênh lệch mức sống thêm trầm trọng.

Về giáo dục, chúng ta có :

Bảng 3.3 : Dịch vụ giáo dục - 1993  
(cho 100.000 người)

Vùng	Bậc phổ thông			Số học sinh cao đẳng và đại học
	Số lớp học	Số giáo viên	Số học sinh	
1	6,31	7,41	0,193	9,72
2	5,40	6,86	0,209	34,10
3	5,96	6,95	0,206	11,00
4	5,45	6,27	0,194	12,00
5	6,55	6,49	0,202	12,14
6	4,58	8,35	0,175	39,40
7	5,24	5,44	0,184	4,48
Cả nước	5,55	6,38	0,194	17,57

Theo bảng này, trừ số học sinh cao đẳng và đại học tập trung chính yếu tại hai vùng 6 và 7 (nghĩa là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), số học sinh phổ thông trên đầu người trải khá đều trên mọi vùng. Đặc biệt ở vùng 1 và 5, số lớp học phổ thông và số giáo viên trên đầu người cao nhất, có lẽ là do tính cách địa lý núi non của vùng này khiến cư dân rải rác. Dịch vụ giáo dục tuy không làm giảm mức chênh lệch nhưng chắc chắn không có tác động tiêu cực đáng kể.

#### Chênh lệch thu nhập giữa thành thị-nông thôn

Như đã đề cập trên đây, hiện tượng đô thị hóa hai thập niên vừa qua cộng thêm vào mức chênh lệch thu nhập theo vùng tạo ra một vấn đề trầm trọng. Đó là mức chênh lệch thu nhập của người sống ở thành thị và người sống ở nông thôn, gọi gọn lại là chênh lệch thu nhập thành thị-nông thôn. Trên cơ sở số liệu của bảng 3.1, chúng ta có thể tính mức thu nhập bình quân đầu người từng vùng, cho dân thành thị và dân nông thôn, và trình bày trong bảng 3.4 và 3.5. Ở đây, sự phân hóa giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn rất rõ ràng.

#### Giới thiệu sách của Nam Dao :

- *Gió Lửa*, tiểu thuyết dài sử, 1998, 20 USD
- *Tiếng Cồng*, tiểu thuyết, 2000, 10 USD
- *Ba Vở Kịch*, kịch, 2000, 12 USD

Liên lạc : Nguyễn Mạnh Hùng, 2699 avenue Morgan, Québec G1W4R9, Canada - Điện thư : thivan@videotron.ca  
"Đọc Nam Dao, tôi không thể nào không nghĩ đến Claude".

Nguyễn Gia Kiểng

Bảng 3.4

Thu nhập ở thành thị và nông thôn của các vùng - 1993

Vùng	Tổng thu nhập (tỉ \$)	Thu nhập đầu ng. ở nông thôn (nghìn \$)	Tổng thu nhập nông th. (tỉ \$)	Thu nhập đầu ng. ở thành thị (nghìn \$)	Tổng thu nhập thành thị (tỉ \$)
1	15.233.533	747,25	7.870.700	4.670,35	7.363.807
2	25.008.100	915,00	10.452.777	6.100,00	14.552.160
3	11.563.155	820,80	7.043.039	4.828,04	4.519.973
4	10.649.066	968,30	5.490.261	3.025,80	5.158.989
5	3.960.374	1.044,00	2.330.208	2.427,80	1.630.268
6	39.327.132	1.459,20	6.836.060	8.106,40	32.491.261
7	28.236.450	1.430,10	18.830.126	3.972,50	9.392.976

Bảng 3.5

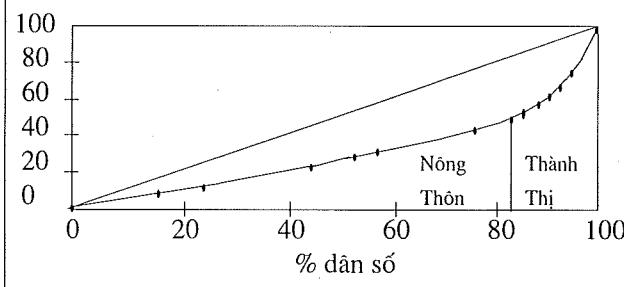
Thu nhập đầu người ở thành thị và nông thôn - 1993

Thu nhập đầu ng. (nghìn đồng)	Tổng thu nhập (nghìn tỉ đồng)	Dân số* (triệu người)	Thu nhập (%)	Thu nhập tích tụ (%)	Dân số (%)	Dân số tích tụ (%)
Nông thôn						
748,25	58.853,2	10.533	5,88	5,88	15,06	15,06
820,8	7.870,7	5,25	11,13	12,27	27,33	
915,0	8.043,4	11,429	7,80	18,93	16,34	43,67
968,3	10.452,8	5,670	4,10	23,03	8,11	51,78
1.044,0	5.490,3	2.232	1,74	24,77	3,19	54,97
1.430,1	2.330,2	13,167	14,05	38,81	18,83	73,80
1.459,2	18.830,1	4,685	5,10	43,92	6,70	80,50
Thành thị						
2.427,8	75.109,4	671	1,21	45,13	0,96	81,96
3.025,8	1.630,3	3,85	49,98	2,44	83,90	
3.972,5	5.159,0	7,02	56,00	3,38	87,28	
4.670,3	9.393,0	1.576	5,50	61,50	2,25	89,53
4.828,0	2.362,8	3,37	64,87	1,34	90,87	
6.100,0	4.520,0	936	10,87	75,74	3,41	94,37
8.106,4	14.552,2	2.386	24,25	100,00	5,73	100,00
Cả nước	32.491,1	4.008				
	133.962,0	69.944				

\* Dân số ở thành thị và nông thôn là số người có hộ khẩu có kiểm tra theo niên giám thống kê 1994.

Dựa trên cơ sở số liệu vừa trình bày, chúng ta có thể thiết lập biểu đồ Lorenz như sau :

**Biểu đồ Lorenz theo thành thị và nông thôn**



Phân tích những số liệu trên, chúng ta nhận thấy :

1. Nông thôn chiếm 80% dân số và thu nhập thì chỉ khoảng 44% tổng số thu nhập cả nước. Ngược lại, thành thị chiếm 20% dân số lại đóng góp 56% tổng số thu nhập.

2. Tính theo bình quân đầu người, dân thành thị ở vùng 2 và 6 chiếm 9,14% dân số cả nước, có thu nhập 47.043,5 nghìn tỉ, nghĩa là 35,12% tổng thu nhập cả nước. Trong khi đó thì dân nông thôn ở vùng 1 nghèo nhất. Với cùng số dân, thu nhập của họ chỉ khoảng xấp xỉ 4.778 nghìn tỉ, nghĩa là độ 10,15% mức thu nhập của dân thành thị nói trên.

3. Bộ số giàu nghèo, trên cơ sở số liệu chính thức về mức bình quân đầu người, có thể ước lượng là xấp xỉ 10 lần. Theo nghiên cứu của giáo sư Trần Văn Thọ (1997, trang 233), chúng ta thấy bộ số này cao hơn những quốc gia như Philipin, Triều Tiên, Đài Loan, Indonexia, Thái Lan hai thập niên vừa qua, và xấp xỉ với bộ số của Malaxia cho năm 1987.

4. Giả thử chấp nhận giới hạn nghèo ở mức dưới 1.460 nghìn đồng cho mỗi đầu người một năm, tức là khoảng 0,40 đô la Mỹ mỗi ngày cho một người, chúng ta thấy toàn bộ dân nông thôn gồm 80% dân số có mức thu nhập đó. Nếu coi như giới hạn đó chỉ ở mức 51% dân số (con số của Ngân hàng Thế Giới, theo Trần Văn Thọ, trang 236) thì trừ dân nông thôn vùng 6 và 7, tất cả số dân nông thôn còn lại trên lãnh thổ đều xếp vào hạng nghèo theo mức thu nhập đầu người.

Phân hóa giàu-nghèo trong xã hội Việt Nam có thể khẳng định chính là phân hóa thành thị và nông thôn. Tác hại của sự phân hóa này có nhiều mặt đáng quan tâm. Thứ nhất, là vấn đề an ninh quốc gia. Vùng nghèo nhất là vùng 1, giáp ranh Trung Quốc, và có nhiều sắc dân thiểu số không phải là dân thành thị. Thứ hai là an ninh xã hội. Một khi phân hóa lớn đến một độ đáng kể, tranh chấp xã hội (giữa nông dân với nhau, và giữa nông dân - dân thành phố) là điều khó tránh. Thứ ba, dân nông thôn tự mình di chuyển về đô thị, tạo ra những bài toán xã hội mới về nhà ở, số người thất nghiệp, và những tệ nạn sinh ra từ nghèo khổ. Mức sinh hoạt kinh tế đô thị sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, với một dân số quá lớn thiếu công ăn việc làm.

Những tác hại vừa kể đặt rõ vấn đề phải làm sao để giảm bớt chênh lệch thu nhập và chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn. Cách giải quyết lại tùy thuộc vào một số nhận định, đặc biệt là nhận định về phương diện phát triển kinh tế với một câu hỏi chính : phải chăng sự chênh lệch bất bình đẳng đến từ phát triển, và xa hơn, phải chăng chính sự chênh lệch đó là tiền đề thuận lợi của phát triển kinh tế ? Trước khi bàn về câu hỏi này, có lẽ ta cần dự phóng mức chênh lệch dựa trên số liệu năm 1993.

(còn tiếp trong số tới)  
Nguyễn Mạnh Hùng

### Đính chính

Trong bài *Đã không có dân chủ và tự do báo chí thì sống cùng như chết* của Hoàng Tiến, đăng trên *Thông Luận* số 152, tháng 10-2001, trang 5, đoạn 4 viết : "Những cụ viết huyết tâm thư tố cáo ông Phạm Quế Dương trước đây", xin đọc lại là : "Những cụ viết huyết tâm thư tố cáo ông Phạm Thế Duyệt trước đây".

Ban biên tập *Thông Luận* xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

## Người Việt và óc sáng tạo

Trần Nhân Đạo

### Có phải người Việt thiếu óc sáng tạo ?

"*Người Việt có tài bắt chước, nhưng thiếu óc sáng tạo*" : Những lời phê bình đại loại như thế đã được nghe nhiều, nói nhiều, viết nhiều - từ lâu rồi, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trong quyển *Tổ quốc Ăn năn* - tác giả Nguyễn Gia Kiểng - cũng đã có nhiều bài bàn về vấn đề này. Anh cũng đã có nêu ra một số lý do về sự thiếu óc sáng tạo nói trên : như vì khuôn khổ giáo điều của nền văn hóa Không giáo, vì quan tính vong thân nô lệ của hàng kẻ sĩ, vì quan niệm băng cấp và hảo danh được đặt trên khả năng và thực lực, vì thiếu tự do, cạnh tranh (nghĩa tốt) và trách nhiệm - như trong thể chế bao thầu, chuyên chế và độc quyền hiện hành.

Sự thật thì thế nào ? Tôi nghĩ hình như hầu hết mọi người Việt hiện thời đều đồng ý với lời phê bình trên đây. Nhưng đương khác, cũng có một số sự kiện đáng làm ta suy nghĩ. Hiện thời, vẫn không hiếm những người Việt trong nhiều lứa tuổi khác nhau đã có những đóng góp xuất sắc và không thiếu tính "sáng tạo" trong nhiều ngành khoa học, văn chương hay nghệ thuật, trong nước cũng như trên bình diện liên lục địa và quốc tế : Tôi nghĩ đến một số nhà nghiên cứu trong các ngành vật lý lý thuyết, vật lý vũ trụ, các ngành sinh học, toán học, kỹ thuật thông tin, các ngành nhân văn và nghệ thuật.

Do đó, tôi nghĩ chúng ta cần thiết phải tìm hiểu thêm về vấn đề này. Tôi đề nghị một vài điểm sau đây : xác định về khái niệm sáng tạo, về khả năng và thực trạng sáng tạo của người Việt, và (trong cả hai trường hợp, hoặc đã có, hoặc còn thiếu) làm cách nào phát huy óc sáng tạo cho các thế hệ người Việt tương lai của chúng ta.

### Xác định về khái niệm sáng tạo :

Nói đến sáng tạo, chúng ta thường nghĩ đến những "phát minh" của khoa học hoặc những "sáng tác" trong văn chương và nghệ thuật. Và như thế thì óc sáng tạo của loài người đã có ngay từ khói thủy, khi con người biết tìm ra lửa, ra giao mạc, rồi với thời gian tìm ra thuốc pháo, súng đạn, địa bàn, máy ảnh, điện thoại ... Hoặc khi con người đầu tiên Adám - theo các kinh thánh Do Thái giáo và Kitô giáo - biết "đặt tên" cho từng con vật, rồi từ đó biết bao nhiêu vần thơ và huyền thoại, bao nhiêu câu ca, điệu múa, hình vẽ và kỷ đài trong rất nhiều truyền thống của nhân loại đã được xuất hiện.

Nhưng sáng tạo là gì, từ đâu đến, để làm gì, với những dữ kiện nào, trong những hoàn cảnh ra sao ? Đó là vấn đề "nghiên cứu" về sự sáng tạo. Công việc nghiên cứu này lại mới chỉ được bắt đầu rất gần đây thôi. Các tác giả đưa ra thời điểm thập niên thứ hai thế kỷ 20, thời gian thế chiến thứ nhất (1914-1918), các nhà khoa học Bắc Mỹ đã làm những cuộc trắc nghiệm trên 1,7 triệu lính Mỹ mới tuyển mộ về trí thông minh (IQ) và óc sáng tạo. Và từ thời điểm này, người ta bắt đầu phân biệt giữa "thông

minh" và "sáng tạo", giữa "phát minh" và "khám phá", giữa "lý tính", "cảm tính" và "tưởng tượng", hoặc ngay trong lý tính lại còn phân biệt giữa "lý tính lý lẽ" và "lý tính thích ứng thỏa hiệp" (Max Weber). Gần đây hơn nữa, với những khám phá về hai nửa bộ não với hai cấu trúc và tác dụng khác nhau giữa "lý lẽ" và "luật lẽ" của nửa bộ não bên trái và "cảm xúc" và "trực giác" của nửa bộ não bên phải, sự phân biệt giữa "thông minh" và "sáng tạo" lại càng mang thêm một chiều kích thể lý cụ thể hơn nữa. Đồng thời, ngành giáo dục và sự phàm cũng được huy động đem ứng dụng sự khám phá về bộ não này để phát triển một cách quân bình hơn cho con người giữa trí thông minh và óc sáng tạo. Điều này lại càng rất quan trọng đối với người Việt chúng ta, bởi phần lớn người Việt do truyền thống đã quá nghiêng nặng về quán tính và luật lệ hơn là linh giác và tưởng tượng. Còn trong giáo dục và học đường, thì nửa bộ não bên trái cũng quá được đề cao với lối học từ chương, bắt chước và thuộc lòng, trong khi nửa bộ não bên phải với trực giác, tưởng tượng và tìm tòi lại bị sao nhãng, miệt thị và cả đến lèn án. Tình trạng này lại càng trở nên nguy ngập, khi ta biết rằng sự phát triển của cấu trúc bộ não sẽ được kết thúc vào độ tuổi 17 hoặc 18, và như thế sự giáo dục thiên lệch tồn hại cho óc sáng tạo sẽ rất khó lòng được cứu vãn.

Để cụ thể hơn, tôi xin trình bày một ít khía cạnh quan trọng của vấn đề thông qua một số thí dụ làm minh họa.

Để phân biệt giữa trí thông minh và óc sáng tạo, có thể có những câu hỏi hay những câu chuyện làm trắc nghiệm được đặt ra. Những câu hỏi như : bạn có thể làm gì với cái đinh ốc, với một hòn gạch, với cái tăm xỉa răng, với cái kẹp giấy, với vòng khăn bàn ... Về hòn gạch, những câu trả lời như : hòn gạch để xây nhà, xây tường, xây bếp, xây lò sưởi, xây cổng, lót đường đi ... được xem là những câu trả lời chính đáng, nhưng không sáng tạo. Được xem là những câu trả lời sáng tạo : hòn gạch để chặn sách, để chắn cửa, để sưởi chân cho ấm (khi đêm lạnh mùa đông), để ném vào tên trộm vào nhà, để làm đĩa gat tàn thuốc (sau khi cạo sâu ra một mảnh).

Bạn hãy kể tiếp câu chuyện sau đây : "Một con chó [bên Tây, chó gần như là một người bạn] ra đường hay hung hăng, kêu sủa và có khi cắn vào chân kẻ qua người lại, do đó bị chủ deo vào cổ một cái chuông lúc lắc cho khách qua đường chú ý để tránh xa đi. Nhưng chú chó lại thích cái trò lắc chuông này, rồi chạy tung tăng khắp mọi nẻo đường thành phố. Một con chó có tuổi thấy vậy, bèn lắc đầu và nói ... Bạn hãy kể tiếp đi".

Những câu trả lời như sau đây bị xem là không sáng tạo : bây giờ thì mày không còn cắn ai được nữa nha! Bây giờ thì ai nấy đều biết mà kịp thời tránh xa đi. Bây giờ thì mày không còn làm phiền ai nữa ... Những câu trả lời như sau đây được xem là sáng tạo : chú chó này sắp điên rồi, với cái chuông lúc lắc đinh tai nhức óc của nó (buồn); Ù khi hung hăng trước đây, mày đâu có nghĩ đến nồng nỗi này (hài hước); Ngang tàng là bước đường dẫn đến hoạn lộ nha (luân lý).

Qua những câu trả lời cho những câu hỏi và những câu chuyện như trên đây, ta thấy "thông minh" là kẻ biết được cái tác dụng của một sự vật và bám chặt vào cái mẫu mực, quy ước, luật lệ, thói quen, tác dụng của sự vật đó. Còn "sáng tạo" là người vượt được ra ngoài những quy ước và mẫu mực đã trở

thành luật lệ và thói quen, để khai triển những hình thức khác, để tìm ra những con đường mới. Chính vì thế mà các bậc đàn anh và các thầy cô nhà trường thường chấm điểm cao những học sinh "thông minh" và "dễ dạy" hơn là những trò "hay hổi", "khác ý" và "nhiều tưởng tượng sáng tạo".

Và như thế, ta thấy được rằng : sáng tạo là táo bạo suy nghĩ vượt ra khỏi những nếp suy tư bình thường, là to gan tưởng tượng vượt lên trên những quy ước trói buộc của thói quen và tập tục, là can đảm hành động vượt ra ngoài những đe dọa, ngăn cấm và mệnh lệnh nhất thời. Óc sáng tạo như thế đòi hỏi ngoài và trên sự suy nghĩ lý luận, những khả năng và dữ kiện như : giàu tưởng tượng giàu sáng kiến, nhiều mơ tưởng nhiều khái tượng, chút óc nghệ sĩ chút hồn thầm mị, một tư duy đặc thù và dị biệt, thông thoáng trước những điều mới lạ, cởi mở đón nhận những điều bất thường và những nghịch cảnh, can đảm không sợ sệt trước những rủi ro những nguy hiểm, và một chút ít xáo trộn trong đời hơn là nè náp, ngăn nắp, quy củ...

Dĩ nhiên để khả năng sáng tạo được phát huy và bùng nổ, chúng ta cần không những một số khả năng và dữ kiện như đã được lược kê trên đây, mà còn cả một sự phối hợp từ nhiều yếu tố như : hoàn cảnh sinh sống, môi trường địa lý, bối cảnh xã hội, những quan điểm nhân sinh, những trăng chò của xã hội, những trách nhiệm trước lịch sử - và trong đó mỗi người, tùy theo lý lịch cuộc sống của đời mình, phản ứng một cách khác nhau. Tí như trước cùng một hoàn cảnh khó nghèo, nhưng có người lại giữ thế thụ động với câu châm ngôn có tính thực tiễn nhưng cũng mang lý do tự bào chữa "cái khó bó cái khôn", ngược lại cùng có người tìm thấy trong cái khó nghèo đó cái động lực đưa đến những giải quyết và những phát minh mới, với tư tưởng dấn lực "cái khó là con đẻ của thành công".

Qua sự trình bày rất giản lược về một ít nét lịch sử và về những thành tố của sáng tạo trên đây, chắc hẳn chúng ta ước mong có được một "định nghĩa" cầm tay cho dễ sử dụng.

Nhưng có nhiều nhà nghiên cứu và giáo dục nói không thể nào định nghĩa khái niệm "sáng tạo" được. Quan niệm như thế cũng không hẳn là sai : nào ai có thể giải thích được câu nói gọi là "định nghĩa" về sự tác thành trời đất - tác động "sáng tạo" nguyên thủy - theo truyền thống văn hóa Á châu : ""Không là tên gọi của cái nguyên thủy của trời đất"" ("Vô danh thiên địa chi thủy"), hoặc nữa : "Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật" ("Đạo sinh nhất, nhất sinh nhì, nhì sinh tam, tam sinh vạn vật") ? Người Do Thái giáo và Kitô giáo tuyên xưng Đức Chúa Trời dùng một lời sấm phán ra để đưa trời đất "từ hư không ra hiện hữu". Lời tuyên xưng trên đây là một "tín điều", nghĩa là một điều tin nghe, nhưng không giải thích hoặc chứng minh được.

Triết gia Ấn Độ Dharmakirti (thế kỷ bảy) chuyên về tri thức luận đã giúp ta một mánh lối, là "định nghĩa" một sự vật bằng phía tiêu cực của nó. Và như thế : "sáng tạo" nghĩa là không phải cái gì chết cứng, không phải cái gì đã thành thói quen.

Vậy, cái mà không chết cứng, cái mà không phải thói quen : tức là cái gì sinh động, ý thức, mới mẻ, khác thường ; và đã là mới mẻ và khác thường, thì nó cũng có giá, có giá trị. Qua cái "mánh lối" tri thức luận của Dharmakirti trên đây, ta đã đi đến được một "định nghĩa" tích cực : "sáng tạo" là thể hiện cái gì mới (khác thường) và giá trị, và cũng do đó, một cái gì

vượt biên giới hiện hành.

Nếu "sáng tạo" là thể hiện cái gì mới và giá trị, thì phải chẳng chỉ có những bậc "thiên tài" mới sáng tạo được, và chỉ có thể thực hiện được trong các lãnh vực khoa học và nghệ thuật?

Đi nhiên không phải ai ai cũng có thể viết ra được những bản hòa tấu, những khúc cầm nhạc hay những bài thi ca như của một Beethoven, Mozart, Bach; không phải ai ai cũng có thể đưa ra được những định lý về thuyết tương đối, thuyết lượng tử, thuyết trường lực của một Einstein, một Heisenberg, một Faraday hay một Berkson; cũng như không phải tất cả mọi người đều dắt được trong túi áo mình một văn bằng giải thưởng Nobel về các khoa học vật lý, sinh lý, hóa học hay y khoa. Nhưng sau đây là những điều căn bản của một khái niệm khách quan, trung thực, chủ toàn và có tính sự phạm về "sáng tạo":

- Mỗi người đều có một số khả năng sáng tạo; điều cần là biết khám phá ra và biết phát triển những khả năng đó. Những khả năng sáng tạo không phải là những sự vật bất động, nhưng là những năng lực sinh động và có thể phát triển cùng với con người.

- Mỗi người đều có thể mở rộng những khả năng sáng tạo trên nhiều lãnh vực: không phải chỉ trên suy tư lý luận - tuy đây là một điều cơ bản - nhưng còn cả trên các lãnh vực trực kiến, trực giác, tâm tình, cảm xúc, nhận định, đạo đức, hành động, tạo hình và biểu diễn cơ thể.

- Sáng tạo không phải chỉ được giới hạn trong các ngành khoa học tự nhiên hay trong văn chương và nghệ thuật, nhưng còn cả trong các ngành khoa học nhân văn và xã hội, trong đạo đức và tâm lý, trong nếp sống và thái độ sống của con người.

Và như thế, cả những người cho dầu có ít năng khiếu về khoa học và nghệ thuật hoặc không muốn diễn tả trong các lãnh vực này, vẫn có thể thể hiện được những công trình sáng tạo lớn lao bằng chính cuộc sống của mình. Cùng nhau thế mà nhân loại đã có được những "vì nhân" như một Sokrates, một đức Phật, một đức Giê Xu, và rất gần đây một mẹ Terexa, một Nelson Mandela...

## Khả năng và thực trạng sáng tạo của

### người Việt

Thể theo quan niệm về sáng tạo được xác định trong phân đoạn trên đây, thì mỗi người Việt đều có một số khả năng sáng tạo. Dĩ nhiên không nhất thiết phải là những khả năng sáng tạo kỳ diệu và cao độ của những bậc thiên tài. Vấn đề là người Việt trong lịch sử của dân tộc mình, đã có ý thức, khám phá, phát triển được những khả năng sáng tạo đó không, hay vì một số lý do nào đó - tỉ như vì nền văn hóa truyền thống cổ truyền có tính bảo thủ, chuyên chế và giáo điều - đã bóp nghẹt những khả năng sáng tạo của người dân mình, đến nỗi mài mài ta chỉ còn nghe được lời phê bình: "Người Việt có tài bắt chước, nhưng không có óc sáng tạo"?

Tôi chưa biết được có một nghiên cứu xã hội học nào trình bày một cách sâu rộng về khả năng và thực trạng sáng tạo của người Việt mình. Trong khi chờ đợi có được một công trình nghiên cứu nghiêm túc như thế, tôi xin đề nghị chúng ta cùng nhau tìm hiểu vấn đề dựa trên những kinh nghiệm cá nhân, dựa trên những sự kiện chúng ta biết được, cũng như dựa trên những nghiên cứu đã được thực hiện trong vùng văn hóa Trung Hoa, và do đó cũng có phần tương ứng với tình trạng của người Việt chúng ta.

Hai nhà bác học nổi tiếng vào bậc nhất về nền văn minh văn hóa á châu - Joseph Needham (1900-1995) và Max Weber (1864-1920) - đã đặt vấn đề: Người Trung Hoa vào thế kỷ 11 và 12 đã đạt được những thành tựu khoa học - như in sách, thuốc nổ và địa bàn nam châm - vượt trên cả Tây phương, đó là chưa nói đến những sản xuất về tơ lụa và đồ sành đồ gốm. Vào thế kỷ 15, cả Trung Hoa lẫn Âu Châu đều cùng đạt được một mức khám phá và phát triển khoa học ngang nhau. Vậy tại sao từ thế kỷ 15 cho đến nay, sự phát triển khoa học của Trung Quốc không tiến lên được; trong khi đó, nền khoa học của Tây phương ngược lại đã không những đuổi kịp, mà còn phát triển hơn hẳn và đã đi đến giữa những hàng đầu trên thế giới?

Câu hỏi nêu trên đây thuộc các vấn đề khoa học và hiện đại (mà chúng tôi hy vọng có dịp sẽ bàn đến), nhưng trong đó có một khía cạnh liên quan đến vấn

đề "sáng tạo" của chúng ta đang bàn trong bài này, bởi "phát minh" là một hình thức diễn tả của sự sáng tạo.

Niedham và Max Weber nghiên cứu vấn đề trên hai bình diện khác nhau: Needham, trên quan điểm khoa học, kinh tế và kỹ thuật; còn Weber đặt trọng tâm tìm hiểu trên bình diện văn hóa, tôn giáo và xã hội. Quan điểm và bình diện khác nhau, nhưng kết quả lại bổ túc lẫn nhau và đều được đánh giá tích cực, tuy dầu có một số giới hạn vì lẽ những nguồn thông tin và những dữ kiện nghiên cứu hai tác giả nhân được hời bấy giờ có phần phân biện và hạn chế.

Theo Needham, sự ngừng trệ phát triển khoa học, kinh tế và kỹ thuật của nền văn hóa Trung Hoa có những lý do như sau: Trung Hoa là một xã hội nông nghiệp cần đến những công trình thủy lợi rất lớn và rất quy mô. Công việc thủy lợi này dẫn đến hai hậu quả quan trọng: tạo ra một giới hương chức phong kiến đồ sộ, để phục vụ một trung tâm tập quyền nhà vua độc quyền và phong kiến. Ngoài ra, xã hội Trung Hoa phong kiến hồi bấy giờ là cả một lục địa nông nghiệp rộng lớn được kết cấu bởi một mạng lưới các thành, các tỉnh, các vùng, các miền, các nước nhỏ chư hầu, và do đó đòi hỏi một giới quan lại trung tín phục vụ trung tâm tập quyền nhà vua, chứ không như bên Âu châu với những nước thương nghiệp nhỏ và tự lập. Chính giới thương nghiệp này với ảnh hưởng của hàng hóa, của trao đổi, của tiền tệ, của ý thức chính trị lớn dần đã là những nguyên nhân và động lực cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật tại các nước Âu châu, trong khi đó vua, quan và hương chức nông nghiệp phong kiến Trung Hoa lấy đâu ra tiền, tư tưởng, sáng kiến và động lực để phát triển khoa học và kỹ thuật?

Đứng trên bình diện văn hóa, tôn giáo và xã hội, Max Weber phân tích cấu trúc và tiến trình phát triển xã hội dựa trên suy tư và lý tính, để rồi nhìn thấy sự khác biệt giữa mẫu "lý tính lý lẽ" của tư duy Tây phương và "lý tính thích ứng thỏa hiệp" của tư duy Đông phương bắt nguồn từ các truyền thống Khổng giáo và Lào giáo. "Lý tính lý lẽ" đã vận dụng suy luận nguyên nhân hậu quả, đã phân tích những thực tại của thiên nhiên, và đã nhắm chế ngự thực tại thiên nhiên

và lịch sử, nhờ thế mà đã tìm ra những tiến trình, biện pháp và động lực để phát minh và sáng tạo, góp phần phát triển khoa học và tiến lên hình thức xã hội tư bản. Đang khi đó, "lý tính thích ứng thỏa hiệp" của Đông phương lại đã nhắm vào việc thích ứng và hòa đồng với thiên nhiên và xã hội, và do đó đã bị ngừng trệ trong tiến trình phát triển suy tư và trong việc hình thành những hình thức xã hội mới.

Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cùng với những phát minh và những hình thức suy luận là những lãnh vực quan trọng - có thể là vào bậc nhất - cho việc sáng tạo, nhưng chúng cũng chỉ là một trong nhiều lãnh vực khác như ta đã đề cập đến trong phân đoạn đầu : văn chương và nghệ thuật, tâm lý và đạo đức, hành động và nếp sống của con người. Phối hợp những kết luận nghiên cứu của Needham và Weber trên đây cùng với những kinh nghiệm bản thân và những sự việc xảy ra trong lịch sử dân tộc ta liên quan đến vấn đề sáng tạo, chúng ta có thể đi đến một số điểm kết thúc như sau :

- Người Việt ta chưa thấy có được những khám phá khoa học hay nghệ thuật lớn lao tầm cỡ những Einstein, Heisenberg, Bohm, Bohr hay Beethoven, Mozart, Bach ... Nhưng vẫn đã có được những giải thưởng lục địa hay quốc tế trong các ngành như vật lý lý thuyết, vật lý vũ trụ, sinh học, toán học ; và như thế có nghĩa là người Việt cũng không phải thiếu hẳn óc sáng tạo. Đáng khác, ngay trong việc "bắt chước" những phát minh hay khám phá của kẻ khác, thì mọi việc "bắt chước" đều cùng đòi hỏi một phần nào phải biết chế biến và bồi túc, và đó cũng là một sự "sáng tạo" - tuy rất bé nhỏ. Đó là ta chưa nói đến những thể hiện "sáng tạo" trong những hình thức đạo đức và sinh sống như ta đã trình bày trong phân đoạn thứ nhất của bài này.

- Một điểm kết luận khác rất quan hệ mà chúng ta cần đề cập đến là : xã hội Việt Nam truyền thống của chúng ta - và cả đến trong hiện tại - đã và đang là một xã hội giống như hình thức xã hội Trung Hoa mà Needham và Max Weber đã phân tích và nghiên cứu : một xã hội trung tâm tập quyền nơi một ông vua hay một chính đảng vừa đóng kín,

bảo thủ và giáo điều, lại vừa ích kỷ, độc quyền và tàn bạo ; bên dưới là một giới hương chức, công chức, quan lại cũng đóng kín, bảo thủ và giáo điều không thua kém, cùng ích kỷ, ngạo ngược và tàn bạo, lại mang thêm tính nô vong ngày xưa đối với vua chúa, ngày nay đối với những tổng bí thư hay chủ tịch nước. Trong một xã hội như thế, làm sao sáng kiến, sáng tạo, phát minh có thể thực hiện được ?

### Làm thế nào phát huy óc sáng tạo cho các thế hệ Việt Nam tương lai ?

Vấn đề này quá lớn. Đây là cả một dự án giáo dục từ nhà trẻ cho đến trung học và đại học, gồm cả những chương trình "giáo dục liên tục" cho người lớn. Trong khuôn khổ rất giới hạn của bài viết này, chúng tôi xin phép chỉ đưa ra một vài suy nghĩ như là gợi ý và định hướng cho câu hỏi vừa được nêu ra.

(1) Trước hết để tiếp nối điểm kết thúc cuối cùng trong phân đoạn thứ hai trên đây, khi các nhà bác học Niedham và Weber nêu ra lý do về sự ngừng trệ việc phát triển xã hội Trung Hoa, bởi lý do một xã hội đóng kín, bảo thủ, giáo điều, độc tôn và chuyên chế, thì chúng ta cũng nhìn thấy một tình trạng tương tự như thế đã và đang được thực hiện tại Việt Nam. Và như vậy, nếu muốn phát huy óc sáng tạo cho các thế hệ người Việt bây giờ và trong tương lai, nhất thiết xã hội Việt Nam từ cấu trúc đến tinh thần phải được thay đổi trên đường hướng một xã hội khai sáng và dân chủ : khai sáng và dân chủ bằng tăng cường sự trao đổi thông tin và giao lưu văn hóa, bằng tự do trong suy tư, phát biểu và phê bình, bằng thực hiện công bình và pháp luật, biết tương tranh trong tương kính và bao dung, trong hòa hợp và nhân ái. Cùng đón nhận điều kết thúc của Needham : xem giới thương nghiệp cùng với sự tự do lưu thông, trao đổi hàng hóa, đua tranh phát minh và sáng chế, là những thành tố đòn bẩy cho phát triển và sáng tạo.

(2) Những vốn cù : Khi nói sáng tạo là thể hiện những điều "mới" và "giá trị", tức đòi hỏi khai sáng tạo đã phải nắm bắt và làm chủ được những điều đã có trước, để từ đây có thể vượt xa hơn và cao hơn. Mệnh đề này đương nhiên đòi hỏi người Việt muốn thể hiện sự sáng tạo phải làm

chủ được những kiến thức phổ thông cơ bản của nhân loại đương đại, và tiếp đó là những kiến thức cơ bản chuyên ngành trong đó mình muốn thực hiện những phát minh và sáng tạo.

Trong thực tế - vì những hoàn cảnh lịch sử và tâm lý nhất định - người Việt ta đã thiếu hẳn những kiến thức phổ thông và chuyên ngành cơ bản này. Trong thực trạng xã hội Việt Nam hiện thời, người ta lại thấy những nhu cầu "bù đắp" và hưởng thụ, kèm với những nhu cầu băng cấp và hảo danh, đã tỏ ra khẩn trương hơn các nhu cầu tri thức và hiểu biết, nghiên cứu và tìm tòi, phát minh và sáng tạo. Ở đây cần thiết phải có một sự thay đổi cơ bản : cần thiết phải làm lại một sự lựa chọn dứt khoát đặt ưu tiên tri thức trên hưởng thụ, thực chất trên băng cấp và hảo danh, để từ đó có thể phát huy óc sáng tạo cho các thế hệ người Việt trong tương lai.

(3) Những điều mới : tiếp đến, làm thế nào để có được những điều mới ? Hoặc nói cách khác : phải xử dụng lý trí thế nào để nảy sinh ra được điều mới ?

Ngày nay với tri thức luận, chúng ta biết được rằng, lý trí được diễn tả qua ba hình thức : "Lý trí I" là khả năng học và ứng dụng được "những điều đã có sẵn", và từ đó ta có được những thói quen, những tập quán ; "Lý trí II" là khả năng thấy được "những điều khác" điều đã có, để rồi biết phê phán và chọn lựa điều gì thích hợp hoặc tốt hơn ; "Lý trí III" là khả năng không những học được điều đã có sẵn, không những biết phê phán và chọn lựa giữa những điều khác nhau, mà còn có năng lực tìm ra được một điều mới, một giải đáp mới, và như thế biến đổi được một thực tại, một hoàn cảnh, một điều đã có trước : và đây là "thuần túy sáng tạo".

Vậy vấn đề nay là : làm thế nào để từ "Lý trí I" bước qua được "Lý trí II", và từ "Lý trí II" bước qua được "Lý trí III" ?

- Để từ "Lý trí I" bước qua được "Lý trí II" : điều kiện trước nhất là phải có những hình thức (hay ít nữa là những khả năng) khác nhau trên cùng một sự vật, để từ đây ta mới có thể phê phán và chọn lựa. Nếu thực đơn chỉ có một món ăn, nếu hàng hóa chỉ có một kiểu mẫu, nếu thông tin chỉ có một nguồn ... thì làm thế nào ta có thể so sánh, phê phán và chọn lựa được ? Và như thế hiệu quả

và kết luận cho xã hội Việt Nam hiện thời là : phải mở rộng thông tin và trao đổi, phải mở rộng bình luận và phê phán, không thể bưng bít, cô lập, độc quyền từ thông tin, trao đổi, bình luận, phê phán cho đến chọn lựa.

- Từ "Lý trí II" bước qua "Lý trí III" : đây là một tiến trình sáng tạo khi con người bị (được) đặt trước một vấn đề mới, chưa biết, chưa có, nhưng nay lại đã tìm ra được một giải quyết mới, một thay đổi. Có rất nhiều thí dụ trong cuộc sống cá nhân cũng như đoàn thể : một chứng bệnh không bác sĩ nào biết nguyên do, một loại sâu phá hoại mùa màng chưa bao giờ thấy, một bài viết trên máy tính bỗng nhiên biến mất, một món quà lớn của một người vô danh gửi đến từ một nơi không quen biết... Trong những trường hợp này, không còn vấn đề học lại của "Lý trí I", hay chọn lựa của "Lý trí II", nhưng phải tìm ra một giải đáp "mới", từ trước chưa có. Giải đáp "mới" và "sáng tạo" này cần đến trí thông minh của "Lý trí III". Vậy "Lý trí III" là gì và hoạt động như thế nào?

"Lý trí III" là "trí khôn" gồm hai thành tố cơ bản được diễn tả qua IQ (*Intelligence Quotient*) và EQ (*Emotion Quotient*) : IQ nhắm về suy tư, EQ nhắm về tâm cảm ; suy tư và tâm cảm là hai yếu tố cơ bản giúp con người nhận thức được thực tại một cách khách quan và chính xác, trong cả hai trạng thái tự tại và năng động của thực tại. Trong điều kiện tinh thần và thể lý của con người, IQ với suy tư hoạt động thông qua nửa bộ não bên trái, còn EQ với tâm cảm hoạt động thông qua nửa bộ não bên phải. Trong phân đoạn thứ nhất của bài viết này, chúng ta đã có nói đến sự phân biệt giữa "thông minh" và "sáng tạo" : phân biệt, nhưng không phải phân cách, bởi hai khả năng này cần bỗn túc nhau - giống như hai nửa bộ não làm thành một bộ não duy nhất - để nhận thức và sáng tạo, nghĩa là để tìm ra một giải đáp "mới" và "tương ứng" trước một vấn đề, trước một thực tại.

Bây giờ câu hỏi được đặt ra là : IQ hay suy tư hoạt động như thế nào, cùng như EQ hay tâm cảm hoạt động ra sao ? Hoặc một cách thiết thực và thích ứng cho vấn đề của chúng ta hơn : ta cần suy tư và tâm cảm như thế nào để góp phần phát huy óc sáng tạo ? Trong khuôn khổ

của bài viết này, tôi chỉ xin ghi lại một vài suy nghĩ và gợi ý sau đây.

### Mô hình suy tư

Suy tư là một sinh hoạt tinh thần gồm những tác động nhận thức từ giác quan, cảm xúc cho đến tinh thần. Suy tư có một cấu trúc và một tiến trình sinh hoạt hợp lý (lô gích) riêng biệt của nó. Suy tư cũng mang những hình thái riêng biệt tùy theo văn cảnh và bối cảnh của các nền văn hóa hoặc của các tầng lớp trong xã hội : Do đó mà ta có những cách suy tư - hay tư duy - tây phương hay đông phương, bảo thủ hay cấp tiến, truyền thống hay hiện đại, cũng như những cách suy tư kiểu nông dân, thương giới, công chức, kinh doanh hay khoa học khai sáng. Khi những hình thức suy tư như thế được phát triển đến độ hoàn chỉnh và được người ta dùng làm mẫu mực để thực hành, thì chúng trở nên những "mô hình suy tư" cho một lớp người, một dân tộc, một thế hệ. "Mô hình suy tư" có một giá trị lưỡng diện : có thể là tích cực khi phát huy được óc sáng tạo, nhưng cũng có thể là tiêu cực khi nó giam giữ ta lại trong gông cùm của một mô hình suy tư đã lỗi thời.

Câu hỏi quan trọng và thực tế cho vấn đề của chúng ta : trong xã hội Việt Nam hiện nay, chúng ta có những "mô hình suy tư" nào, và "mô hình suy tư" nào giúp ta phát huy óc sáng tạo ? Để giản lược vấn đề, và đứng trên khía cạnh nội dung, tôi thấy chúng ta hiện có ít nhất là ba "mô hình suy tư" tiêu cực : "mô hình tồn cổ và quyền uy", "mô hình ngụy biện", "mô hình chụp mù".

- "Mô hình tồn cổ và quyền uy" : trước một hành động, một lựa chọn, một giải quyết, người ta vẫn thường đặt câu hỏi : cổ nhân nói gì, sách có câu, Tứ Việt, Kinh Sách nói, truyền thống nói, giáo chủ nói, đảng nói, nhà nước nói... Kinh Sách và truyền thống có những giá trị của chúng và cần được tôn trọng, nhưng không phải vì chúng là Kinh Sách hay truyền thống, mà là vì chúng nói đúng sự thật và chỉ khi nào chúng nói đúng sự thật. Con người khai sáng là kẻ chấp nhận một thực tại, bởi lý do sự thật chứ không phải bởi lý do quyền uy.

- "Mô hình ngụy biện" : Từ nửa thế kỷ nay, người Việt ta vẫn liên lỉ bị chà đạp dày xéo bởi mô hình suy tư ngụy

biện này. Người ta nói : "Yêu chủ nghĩa xã hội là yêu nước, không yêu chủ nghĩa xã hội là không yêu nước" ; "phê bình tổng bí thư là phê bình đảng, phê bình đảng là phê bình nhà nước, phê bình nhà nước là phê bình dân tộc, phê bình dân tộc là phản dân phản nước" ; "biểu tình (kể cả bất bạo động) là phá rối an ninh, phá rối an ninh là phá rối nhà nước, phá rối nhà nước là mưu đồ lật đổ chính quyền"...

- "Mô hình 'chụp mù'" : vu khống, chụp mù, bôi nhọ là một hiện tượng thường xuyên xảy ra trong đất nước ta, từ giới lãnh đạo cho đến quần chúng. (tôi hy vọng sẽ còn có dịp bàn về vấn đề này dưới quan điểm "tâm lý chiêu sâu" của Sigmund Freud và Carl Gustav Jung). Ở đây tôi chỉ muốn ghi lại sự kiện "mô hình suy tư 'chụp mù'" này : Chính mình vu khống và 'chụp mù' kẻ khác, rồi lại kêu lên : "không lửa, làm sao có khói ?" Hoặc : "Đây, y ta nói thế này, viết thế kia", nhưng thực ra kẻ tố cáo như thế đã cắt đầu xén đuôi những gì kẻ khác viết hay nói ; hiện tượng này cũng là một hình thức chụp mù.

Vậy có "mô hình suy tư" tích cực nào giúp phát huy khả năng suy tư và sáng tạo ?

- "Mô hình suy tư khoa học" : Đây là một "mô hình suy tư" tích cực có thể giúp ta phát huy khả năng suy luận và óc sáng tạo. Mô hình suy tư này được diễn tả như thế nào và hoạt động ra sao ?

Là khoa học, mô hình suy tư này phải diễn tả thực tại một cách khách quan và xác thực. Có một mạng câu hỏi giúp ta tiếp cận với những khía cạnh thiết yếu của thực tại, và nhờ thế đưa ta đến gần sự thật. Mạng lưới câu hỏi này mang tên "W-hỏi" (phụ âm "W" là mẫu tự đầu tiên trong những chữ đặt câu hỏi trong tiếng Đức) và gồm bảy câu hỏi sau đây :

Cái gì (was), ở đâu (wo), khi nào (wann), ai làm (wer), như thế nào (wie), tại sao (warum), để làm gì (wofür) ? Mỗi câu hỏi như thế đều hàm chứa rất nhiều năng lực sự thật và sáng tạo. Những câu hỏi này có tính hình thức, nghĩa là người ta cùng có thể dùng ngụy biện hay "chụp mù" để trả lời ; do đó, ta cần thêm : đích thực cái gì, đích thực ở đâu, đích thực khi nào, đích thực ai làm, v.v.

Trong thực trạng xã hội Việt Nam ta, mô hình suy tư này tỏ ra rất quan trọng, bởi người nói cũng như người nghe thường rất cầu thả trong việc nhận định các thực tại, cũng như trong việc kiểm chứng các dữ kiện và các câu nói. Do đó mà rất thường xảy ra những hiện tượng vô cùng tai hại b López méo sự thật bằng bịa đặt, tin đồn, mách lẻo, xuyên tạc... Bởi vậy, ta cần cẩn trọng đặt cho chính xác câu hỏi : Tin bạn vừa cho biết có "đích thực" là thế, xảy ra ở đó, khi đó, như thế đó, do người đó, vì lý do đó, để thực hiện mục đích đó ?

- Tâm cảm và ý thức : "Mô hình suy tư khoa học" trên đây giúp ta nắm bắt được thực tại một cách khách quan và xác thực, để từ đây tìm ra giải đáp - và là một giải đáp mới - bởi thực tại nói đây là một thực tại mới, một vấn đề mới, một thực tại gồm những ẩn số mới.

Trong tiến trình tìm một giải đáp mới, chúng ta thường phải đưa ra những "giả thuyết", những "giải đáp thử nghiệm", để cuối cùng thấy được giải đáp thích ứng và xác đáng. Câu hỏi : Những "giả thuyết" hay những "giải đáp thử nghiệm" này từ đâu ra ? Việc đưa ra được những "giả thuyết" và những "giải đáp thử nghiệm" trên đây đòi hỏi - ngoài và trên sự suy luận - những hoạt động tâm thức thuộc lãnh vực tâm cảm (ta đã nói đến EQ) như : trực giác và linh cảm, tưởng tượng và liên tưởng, mơ tưởng và sáng kiến, cảm hứng và khái tượng, chút ốc nghệ sĩ cùng với chút hồn thám mờ ...

Những hoạt động tâm thức và tâm cảm này bắt nguồn từ thế giới tiềm thức và vô thức của con người. Chúng là những khả năng sáng tạo bất ngờ xuất hiện, hoặc đã tiềm tàng nằm sẵn trong tâm thức, hoặc do tập tành mà có được.

Làm thế nào phát triển những khả năng tâm cảm sáng tạo này ? Chính việc thực hành sẽ làm cho nêu nhuần nhuyễn. Ngoài ra, - không phải không có lý do mà con người được định nghĩa là một con vật có ý thức - tâm trạng ý thức, tinh thức, chú tâm chú ý thường xuyên trong cuộc sống và trong hoạt động sẽ cho ta "khám phá" được những chiều kích mới của thực tại. Ý thức và tinh tinh là "chìa khóa sáng tạo" và là "năng lực sáng tạo". Các nhà khoa học đã thực hiện được những "phát minh", các văn nhân nghệ

sĩ đã tìm được những cảm hứng "sáng tạo" : không những từ trong tư duy suy luận, mà nhất là từ trong thẩm sâu của tâm cảm và ý thức.

#### Trần Nhân Đạo

### Thành công Thế kỷ XXI Dự án Chính trị 2001 của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên

- \* Một tổng hợp đầu đủ về những vấn đề chính yếu của đất nước
- \* Những giải đáp được suy nghĩ và thảo luận thâu đáo
- \* Một công trình của hàng trăm thân hữu và chí hữu
- \* Một dự án lâu dài cho Việt Nam

*"Làm người Việt Nam trong thế kỷ XX đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ XXI sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hành điện".*

Sách dày 143 trang, bìa màu, trình bày trang nhã.

Giá bán tại Pháp : 50 FRF  
Mỹ : 7 USD  
Đức : 15DM  
Anh : 5 GBP  
Úc : 13AUD

Đặt mua : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France. Chi phiếu xin đề Vietnam Fraternité (xin đừng đề Thông Luận).

**Tìm đọc "Thông Luận"  
và nhiều tiết mục khác trên  
mạng lưới web :  
<http://www.thongluan.org>**

#### Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan.

Địa chỉ : 03-893 Warsaw  
str. Bukowiecka 92/15  
E-mail : chimviet@poczta.wp.pl  
ĐT : 67 89 550 xin số 109  
Fax : 67 89 943

## Giới thiệu sách

### 1. Sách mới xuất bản :

#### Binh biến 11-11-1960

*Khoi diem mot hanh trinh...*

Hồi ký chính trị  
của Vương Văn Đông  
tựa Trần Thanh Hiệp  
Văn Nghệ (Hoa Kỳ) xuất bản vào  
tháng 11 năm 2000.

Trích lời tựa:

"Đọc *Binh Biến 11-11-60*, hiểu rõ thêm cường độ của thảm kịch đất nước, hiểu thấu nổi uất của những thế hệ đã bị hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào dòng suy nghĩ đã tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đổi chiều quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung. Thái độ nào -miễn được gắn liền với hành động- cũng có chỗ khả vọng, ngoại trừ sự thờ ơ, tòng phạm khách quan của bạo quyền."

Sách dày 372 trang, giá 150 FF + 20 FF (cước phí gửi). Xin hỏi tòa soạn Thông Luận.

### 2. Sách nên có :

#### "Những Mảnh Đời Rách Nát"

do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiển biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước.

Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975. Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France.

## Giữa nước trời bao la

Tưởng Năng Tiến

Lúc 10 giờ sáng ngày 5-9-2001, một công dân Việt Nam, ông Nguyễn Thủ, nhận được giấy mời đến văn phòng công an quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) "để bàn về an ninh quốc gia". Tại đây, ông được cho biết như sau : "có một số người đang tập hợp để chống tham nhũng [...] Chống tham nhũng là việc của Đảng và nhà nước [...] Chúng tôi đề nghị cụ không nên quan hệ và tham gia" (Nguyễn Thủ, Kể chuyện lên công an quận, [http://www.thongluan.org/VN2/viet\\_frame\\_0601.htm](http://www.thongluan.org/VN2/viet_frame_0601.htm)).

Đó là một lời "đè nghị" vô cùng lịch sự, nếu không muốn nói là lè phép, dù mới nghe qua có vẻ như hơi gièu cợt. Nói là lè phép vì cùng ngày này có vài chục người khác nữa, cũng bị mời đến đồn công an với lý do tương tự, và không mấy ai được nghe những lời lẽ nhà nhặt và ôn hoà cờ đó.

Xin đơn cử một trường hợp khác, với một thứ ngôn ngữ và cung cách làm việc (hoàn toàn) khác : "Cuộc thảm vấn chỉ xoay quanh vấn đề Hội Chống Tham nhũng, nhưng tôi bị giữ tại cơ quan công an ba giờ. Tôi hết sức bất bình vì thái độ của các công an viên, đặc biệt là anh Tâm. Anh này có thái độ vô cùng xác xược và vô văn hóa đến mức không tưởng tượng nổi. Lúc thả tôi, anh Tâm nói :

- Tao tha cho mà yì mà óm yếu, chứ không tao đà bắt mà yì. Nhưng tao cấm mà yì ra khỏi nhà.

- Có văn bản pháp luật nào cấm tôi ra khỏi nhà không ?

- Tao không cần văn bản nào cả.

- Vậy là văn bản miệng à ?

- Đúng. Miệng tao là pháp luật.

- Vậy thì tôi vẫn cứ ra khỏi nhà nếu tôi muốn.

- Tao sẽ bắt mà yì ngay nếu mà yì ra khỏi nhà, mà yì đừng thách tao.

Tôi vô cùng phẫn nộ và ngạc nhiên trước thái độ của con người này" (Lê Chí Quang, Kịch liệt phản đối việc bắt giữ khám xét những người chủ trương thành lập và tham gia Hội Chống Tham nhũng, <http://www.thongluan.org/>

VN2/viet\_frame\_0601.htm).

Tưởng cũng nên nói thêm (cho rõ) rằng "chống tham nhũng là việc của Đảng và nhà nước", "đè nghị" ông Nguyễn Thủ "không nên quan hệ và tham gia" là một lời nhắn nhủ - khách quan mà nói - hết sức chí tình, của công an Hà Nội. Tôi hy vọng rằng ông ta nhận thức được như thế, và sẽ "đi ra chỗ khác chơi ngay để cho Đảng và nhà nước làm việc", nếu không cuộc đời của ông sẽ lôi thôi lầm (lôi thôi lâu và - không chừng - dám lôi thôi lớn) chứ chả phải đùa đâu.

Trước đó không lâu, vào ngày 22 tháng 6, nhật báo Nhân dân (phát hành từ Việt Nam) bất ngờ nhận được thư của ba độc giả cùng một lúc - cả ba đều là "Phật tử", và đều yêu cầu hòa thượng Quảng Độ phải "giải trình", nghĩa là giải thích, số tiền trên một triệu Mỹ kim mà ngài đã nhận được từ hải ngoại, vào mùa lụt năm rồi ! Cũng như ông Nguyễn Thủ, hòa thượng Quảng Độ (năm ngoái) cũng đã được khuyến cáo nhiều lần rằng việc chống lụt hay cứu lụt là việc riêng của Đảng và nhà nước - chó có "đụng" vào.

Tiếc thay vị tu sĩ này nhất định không nghe theo lời căn dặn của giới chức hữu quyền, cứ nằng nặc đòi chèo ghe đi "linh tinh" khắp nơi để phân phát tặng phẩm cho người hoạn nạn. Ba cái thư "độc giả" vừa nêu, với nội dung mà có lẽ ngay cả Phật Di Lạc đọc xong cũng phải ôm mặt khóc, là cái giá hòa thượng Quảng Độ phải trả cho công việc cứu trợ - "ngoài qui định" - ông đã làm hồi năm trước. Đó cũng là lời cảnh cáo cho những kẻ đang có "âm mưu" xen vào việc cứu lụt, vào năm nay.

Độc quyền chưa chắc đã là điều luôn luôn đáng phàn nàn. Xem ra chỗ khác cho những người có tài đức và có khả năng chuyên môn làm việc, thường khi, là chuyện rất nên. Câu hỏi đặt ra là Đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam đã chống tham nhũng và "chống" lụt hay cứu lụt ra sao ?

Cùng theo ông Nguyễn Thủ, qua bài

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu  
Lụt lội năm nay bác ở đâu ?  
Nguyễn Khuyến

viết đã dẫn thì "từ hơn hai mươi năm nay, lấy mốc từ NQ/228 (mà cán bộ và nhân dân gọi đùa là "nghị quyết hai hai túm"), cho tới nay đã có hàng chục nghị quyết khác về chống tham nhũng : hết NQ/14 sang NQ/15, rồi tới QD/240, lại ra NQ/45. Hết của Đảng tới chính phủ ... Có khác gì chống tham nhũng bằng mồm, bằng văn bản ? Nạn tham nhũng vẫn cứ như voi bạch tuộc lộng hành khắp chốn khắp nơi".

Cách "chống" lụt thì có phần phúc tạp hơn chút đỉnh.

"Giống như những trận lụt và bão nhiều lần trước, khi trận lụt năm nay mới bắt đầu thì văn phòng thủ tướng đã có biện pháp chống lụt bằng ... một công điện - nguyên văn như sau : "Văn phòng chính phủ gửi công điện về đối phó với lũ hồi 19 giờ ngày 6-9-2000 gửi Ban Chỉ đạo Phòng chống Bão lụt Trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; Tổng Cục Khí tượng Thủy Văn, Dài Truyền hình Việt Nam, Dài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn Xã Việt Nam, báo Nhân dân về việc lũ trên sông Tiền và sông Hậu lén nhanh [...] Do đó ủy ban nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung lực lượng chỉ đạo các cấp, các tổ chức di dời dân ở vùng ngập sâu, các khu vực sạt lở nguy hiểm đến nơi an toàn [...] chủ động ứng phó kịp thời" (theo báo Tuổi trẻ số ra ngày 7 tháng 6 năm 2000).

"Đọc lại công điện của văn phòng thủ tướng gửi các tỉnh bị lụt ở miền Trung năm 1999, người ta sẽ thấy y một bản văn như vậy, không khác một dấu phẩy. Cứ như là ông Phan Văn Khải đã cho in sẵn công điện cho tiện, chờ khi nào có bão lụt là đ𝐞 ngày và gửi đi". (Sông Lô, Lụt nỗi năm nào riêng năm Rồng, Việt Luận, 20-2000, trang 20).

Miệng lưỡi của ký giả Sông Lô, nghe ra, dường như, có vẻ (hoi) mai mỉa. Mà có gì để mỉa mai cơ chứ ? "In sẵn công điện cho tiện", nếu nói theo ngôn ngữ hướng đạo, gọi là "sắp sẵn"; hoặc, theo binh pháp thì kêu bằng "cư an tư

nguy" - thế thôi. Chứ năm nào mà không lụt, năm nào mà vẫn phòng thủ tướng không phải gửi công điện đi đê... cứu?

Năm nay (thấy chưa?) nước cũng tràn đồng y như năm ngoái, và dâng cao mỗi lúc một nhanh giống hệt năm năm kia, rồi mọi thứ đều (sẽ) chìm đắm trong biển nước tựa như năm kia hay năm kia. Nhưng nông dân của vùng lũ lụt cũng lại lạnh tái tê, đói thảm thiết... giữa nước trời bao la ảm đạm. Trong hoàn cảnh này mà nghe hay đọc được công điện chống lụt (từ văn phòng thủ tướng) thì thiệt là an ủi và ấm lòng biết mấy - dù "nội dung... y như năm ngoái, không sai một dấu phẩy" thì cũng có sao đâu? Chớ biết làm sao khác nữa?

Kế tiếp mới tới chuyện tổng kết thiệt hại (thê thảm) về tài sản, nhân mạng, và mùa màng. Sau đó Nhà Nước sẽ kêu gọi cứu trợ. Viện trợ cứu lụt là chuyện của những nhà nước khác, thuộc những quốc gia thù nghịch khác. Và chuyện ăn cắp, ăn xén, ăn bớt, ăn chặn... hay tham nhũng phẩm vật cứu trợ là chuyện của (một bộ phận - xin làm ơn in đậm ba chữ "một bộ phận" cho nó đàng hoàng) đảng viên tham ô và hủ hóa. Thế nào chính phủ cũng sẽ ra nghị quyết hay nghị định mới để chống lại chuyện này (mà không chừng thì Đảng và nhà nước cùng đã in sẵn một mớ từ lâu rồi, chỉ cần thêm số và điền ngày tháng - y như công điện chống lụt - là xong).

Còn thiên tai (nói chung, chứ chả riêng chi bão lụt) là chuyện của... Trời. Trời kêu ai nấy dạ. Những kẻ vẩn phẫn, trong hoàn cảnh khó khăn chung, thì đành đợi nước rút rồi vùi sơ lấp vội cho xong. Người còn lại tiếp tục sống lai rai để chờ... mưa lụt tới. Đại khái là như vậy. Ai cũng biết vậy. Vậy mà, ký giả Sông Lô lại không chịu như vậy. Thiệt là phiền hết sức. Trong phần kết luận của bài viết thương dân, ông còn bày đặt (cầm rầm) nói này nói nọ như sau:

"Máu chảy ruột mềm, trong những thiên tai nhiều lần trước, hàng chục tỉ đồng đã được đóng góp để cứu giúp những nạn nhân cấp thời. Hàng trăm ngàn đô la cũng được những tổ chức quốc tế giúp đỡ. Sự giúp đỡ ấy là chiếc xe cấp cứu. Cần nhưng không phải là biện pháp duy nhất để "phòng chống bão lụt". Một cá nhân, một gia đình, sống bất kỳ đâu, và dù giàu hay nghèo,

đều muốn có những chiếc xe cứu thương kịp thời, những khi cần. Nhưng một quốc gia, và nhất là nhà cầm quyền, nếu cứ trông chờ vào xe cứu thương thì không thể giải thích được. Tinh thần ăn xin ấy là sự biến dạng của một thói quen nô lệ. Không may, dường như, thói tinh thần ấy chỉ làm chột dạ những tấm lòng biết tự trọng mà thôi".

Cứ theo y như lời ông Sông Lô thì chỉ cần dẹp những thứ xa xỉ như "tự trọng" và "tự ái" qua một bên là kể như... khỏe. Coi như là êm chuyện và xong chuyện. Đời đâu có dễ sống dữ vậy, cha nội? Chuyện ăn xin không phải lúc nào cũng "giản đơn" như thế. Bộ trưởng hễ cứ gõ là cửa sập mở và cứ xin là thiêng hạ sập cho sao? Xe cứu thương ở đâu ra mà lúc nào cũng sẵn dữ vậy?

Theo bản tin của AP, được gửi đi vào hôm 3-9-2001 thì chỉ riêng tỉnh Đồng Tháp đã có 120 000 người cần thực phẩm cứu trợ. Bản tin này cũng tường thuật lời của một viên chức địa phương, ông Lê Phước Sang rằng chỉ có 2 600 người trong số này được cấp phát mỗi nhân khẩu một số lượng thực phẩm trị giá 1,58 Mỹ kim. Và ông kêu nài rằng "chúng tôi cần hơn như thế nhiều để nuôi những người đói" (we need much more than that to feed the hungry people).

Kêu gọi, tả oán, xin xỏ... là điều thường được nghe từ Việt Nam, ngay cả những lúc mà nơi đây số lượng gạo xuất cảng cao nhất nhì thế giới và hoàn toàn không có tai trời, ách đất gì cung vây. Bởi thế, bản tin của AP nếu có được (ai đó) lưu tâm thì chắc cũng không lâu. Đã thế, tám ngày sau - ngày 11-9-2001 - Hoa Kỳ bị khủng bố tấn công. Cả thế giới rúng động. Hình ảnh những đứa bé thơ Việt Nam đang chấp chới giữa dòng nước cuồn hay đang cú rù ngóng chờ thực phẩm ở Cà Mau, ở Đồng Tháp, Rạch Giá, Cần Thơ... bị xóa nhòa hẳn trong tâm trí của tất cả mọi người - kể luôn... người Việt.

"Biến cố ngày 11 tháng Chín, một cách nào đó, đã làm lu mờ đi một phần cuộc đấu tranh vì tự do tôn giáo và dân chủ cho Việt Nam gần đây là chuyện chẳng đặng đừng. Nó còn làm người (chúng) ta quên bằng đi luôn cả chuyện lũ lụt mới đây nhất hiện xảy ra, một lần nữa, tại miền Nam. Tin AFP trong ngày

22 tháng Chín cho biết người chết đã lên đến con số 146. Bản tin ghi lại theo một viên chức chính quyền là đã có gần 215 000 căn nhà bị ngập nước, hơn 237 000 trẻ em không đến trường được và thiệt hại lên đến 30 triệu Mỹ kim. Mực nước sông được ghi nhận còn tiếp tục dâng cao. Người ta vẫn chưa quên các cuộc lũ quét lớn rầm rộ cứu trợ nạn lụt cũng ở miền Nam năm trước. Và người ta không khỏi ngạc trước sự yên lặng lạ thường của năm nay. Có thể "xa mặt cách lòng" là chuyện có thật chứ không phải đùa" (Lâm Văn Sang, Sau cơn địa chấn khủng bố, Việt Mercury 28-9-2001, trang 41 và 62). Số người "ngơ ngác" này (có lẽ) không nhiều đâu, và chắc chắn là không có những nhân vật thuộc hai ban đại diện cộng đồng của miền Bắc California. Cùng theo tường thuật của Lâm Văn Sang, qua bài báo tiên dẫn, cả hai ban đại diện cộng đồng đều đã gửi chi phiếu đến hội Hồng Thập tự để giúp nạn nhân của khủng bố. Số tiền của Ban Đại diện Cộng đồng do bà Lan Hải gửi tặng là 127 000 Mỹ Kim, và của Ban Đại diện Cộng đồng do ông Phạm Quốc Hùng là 110 000 Mỹ Kim.

Không ai "dám" mơ ước đến chuyện bà Hải và ông Hùng ngồi lại với nhau để đi đến thỏa thuận là một trong hai ban đại diện sẽ gửi tiền để giúp nạn nhân bão lụt ở quê nhà, thay vì cả hai đều dùng tiền vào việc cứu trợ nạn nhân khủng bố ở Hoa Kỳ. Việc trích một phần nhỏ số tiền, của từng ban đại diện, cho những nạn nhân bão lụt cũng không có nốt.

Tuần báo Việt Mercury số kế tiếp, số ra ngày 5-10-2001, có đăng lại một mẫu tin ngắn - trích từ báo Thanh Niên, xuất bản tại Sài Gòn - về cái chết của cụ Bùi Thị Bi, 73 tuổi. Cụ Bi chết đuối vì cố cứu một bé trai hàng xóm.

Nhân loại (đã) mỏi mệt và (đang) bận rộn. Nhưng người Việt ở Hoa Kỳ (và những nơi xa xôi khác) cũng vậy. May trăm ngàn căn nhà trôi theo dòng nước, và vài trăm đứa bé thơ bị cuốn theo không khiến ai phải bận lòng.

"Xa mặt cách lòng" là lè thường tinh. Tôi cũng tin rằng (hai) ban đại diện của (một) cộng đồng người Việt Bắc Cali có đủ lý do (chính đáng) để "bán anh em xa mua láng giềng gần"; dù vậy, khi ngồi viết những dòng chữ này sao

vẫn cứ thấy có một điều gì đó nặng lòng.

Nhà đương cuộc Hà Nội giành "độc quyền" chống tham nhũng và "chống" hay cứu lụt chỉ vì họ sợ. Họ sợ người dân thấy rõ sự bất lực của một chế độ ruỗng mù thối nát. Họ sợ mọi phương cách liên kết tương trợ của dân chúng. Họ sợ mọi hình thức "xã hội công dân" (*civil society*) hình thành và phát triển ở Việt Nam.

Đó là lý do tại sao họ đã phải dùng đến những phương tiện hạ cấp nhất, và vô vọng nhất (cờ như cái thứ gọi là báo *Nhân dân*) để cố giảm bớt uy thế của một vị cao tăng như hòa thượng Thích Quảng Độ. Họ cùng sẵn sàng đàn áp những người đang thành lập Hội Chống Tham nhũng ở Việt Nam vì bit miếng những nhân vật này dễ hơn là trả lời cho họ những câu hỏi sau đây : Tại sao tiền thuế của người dân bị ăn cắp vì nạn tham nhũng mà họ lại không có quyền tham dự vào việc chống lại ? Tại sao kẻ cắp lại dành quyền đi bắt ... trộm ? Tại sao kêu gọi toàn dân "chống Mỹ, chống ngụy" nhưng khi "chống tham nhũng" thì Đảng lại muốn ... "làm chui" ? Tại sao thiên tai lụt lội là tai họa chung cho cả nước mà chỉ có Đảng mới được quyền nhận và phân phối phẩm vật cứu trợ ?

Những yếu điểm này của Hà Nội phải được khai thác triệt để, trường kỳ và liên li. Chúng ta không có quyền xao lảng chuyện cứu giúp đồng bào mình trong cơn bỉ cực. Chúng ta cũng không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để cho mọi người thấy rõ sự bất hảo, bất lực, bất nhân và bất trí của chế độ toàn trị hiện hành.

Công đoàn Solidarnosc sở dĩ lớn mạnh và đấu tranh thắng lợi là nhờ sự trợ giúp của Giáo hội Công giáo Ba Lan, và một trong những lý do khiến cho các phong trào đấu tranh Tiệp Khắc ở trong nước - đặc biệt l2 nhóm Hiến chương 77 - hoàn thành được cuộc "cách mạng nhung" là sự yểm trợ tích cực của các tổ chức Tiệp Khắc lưu vong. Như vậy, giúp đỡ cho xã hội công dân vừa chớm nở tại Việt Nam để nó chóng lớn mạnh là bỗn phận đương nhiên của các tổ chức dân chủ trong và ngoài nước cũng như của tất cả những người Việt yêu nước. Không những là bỗn phận mà còn là nhu cầu tất yếu : xã hội công dân cần có sự

## Cái ác đến tự đàng xa

Nguyễn Văn Hòa

Pháp trường là một bãi đất khá rộng nằm sát chân lèn Đô Lương (1), ranh giới Đô Lương và xã Bạch Ngọc. Cách ngã ba Rạng Đông khoảng 200 thước.

Đây là ngã ba định mệnh cho các tù nhân : trong vòng bán kính 20 km, theo hướng Đô Lương qua Thanh Chương là trại tù Yên Sơn, ngược về phía Bạch Ngọc là trại tù Kim Nhan, và về hướng pháp trường, đường lên Phủ Qùy là trại tù Bến Hói.

Đó là ba trại tù lớn nhất của tỉnh Nghệ An.

Bến Hói, nơi rừng thiêng nước độc, tù chết như rạ. Khổ quá, tù hay tìm cách vượt ngục. Vì vậy, sau 1949, trại tù bị bỏ, đa số tù được đưa về Yên Sơn và một số nhỏ về Kim Nhan. Cả hai trại tù này đều nằm bên núi đá vôi nên thường được gọi là lèn Yên Sơn, Kim Nhan.

Đứng ở pháp trường, có thể thấy lèn Kim Nhan, cao xanh, nhọn hoắt, mà bọn nhỏ chúng tôi nhìn từ xa, thường có cảm giác bí ẩn, ròn rợn của ngọn núi Văn Dú trong Vàng và máu của Thế Lữ.

Thực tế, Kim Nhan là trại tù ít khắc nghiệt nhất.

Tử tội, ba người : Bửu Viêm, Minh Châu (về sau có người đồng chí cho biết tên ông là Thanh Châu) và Kim Anh.

Bửu Viêm là luật gia, Minh Châu và Kim Anh là hai võ sĩ nổi tiếng Đông Dương. Tất cả đều là Quốc dân Đảng, bị giam ở Bến Hói. Nhận một tối mù sương, cả ba thừa cơ hội, cướp súng cảnh vệ, trốn trại. Nhiều tù khác cũng thừa dịp trốn theo.

giúp đỡ từ bên ngoài để có đủ khả năng để đương đầu với nhà nước và ngược lại, các tổ chức và những người yêu tự do dân chủ cũng phải cần đến xã hội công dân mới đấu tranh thắng lợi (Nguyễn Phúc, *Tin vui : một xã hội công dân đã bắt đầu hình thành tại Việt Nam*, <http://www.daiviet.org/fanviqr.htm>).

Ở quê nhà, có hàng ngàn nhân sỹ và tu sĩ (của mọi tôn giáo) sẵn sàng xả thân

Vượt ngục, bị bắt lại và bị tuyên án tử hình tại đinh Đô Lương.

Một ngày trước, loa làng kêu gọi đồng bào, nam phụ lão ấu, đi xem cho đông đảo.

Đối với bọn nhỏ, vụ này cũng có vẻ đặc biệt như mấy trò chơi bài chòi hay leo cột mờ trong dịp Tết.

Theo thông báo, xử tử vào xế chiều để tránh máy bay Pháp. Thế mà chưa đầy ba giờ, Chút Em với bọn con Điu đã nồng nặc xin tôi dẫn đi. Chỉ cần qua hói Hai Quai đầu làng, đi thêm 6, 7 trăm thước là vào lèn. Nơi đây không lạ gì với bọn nhỏ, đã nhiều lần rủ nhau vào xem người ta nung vôi, và nhất là xem bày doi đèn thui, to tò bố đong đưa trong lèn.

Quá sớm. Chỉ có đâu chục người đứng ngồi tránh nắng dưới tàn cây. Trước lèn, ba cọc gỗ đứng chờ vơ cách nhau khoảng năm thước. Phía trái, một manh chiếu nhỏ. Phía sau, sát chân lèn, lấp ló ít đất mới qua máy bụi gai.

Không có gì đặc biệt. Chúng tôi lân la đến bên mấy anh cảnh vệ nghe chuyện.

- *Mày ông đang ở quán nước làng bên cạnh. Ông nào cũng vui vì tướng được đổi trại về Kim nhan, có ông mua theo cả xâu bánh ú.*

Một người làm ra vẻ hiểu biết :

- *Chút nữa bắn xong, người ta chỉ lắp tạm. Tối đến, họ sẽ đào lén, đổi quan tài lẫn nhau để giữ bí mật.*

Bỗng có tiếng thảng thốt : *Coi kia ...*

Từ ngả ba, lù lù đi vào ba xe ba gác, chở ba chiếc hòm. Cả đám im lặng. Cái

để khởi đầu hay nuôi dưỡng xã hội công dân trong mọi lãnh vực. Cứu lụt là một trong những phương thức giúp cho ý thức công dân có cơ hội lan rộng và trưởng thành. Họ cần tiền để làm việc đó. Và đó là việc trong tầm tay. Tại sao chúng ta không làm (hoặc không làm nữa) ? Chúng ta "thôi" là người tị nạn từ lúc nào vậy cà ?

*Tưởng Năng Tiến*

chết bắt đầu lòn vòn đâu đây. Chút Em, thằng liền thoảng nhất đám, bây giờ mới thấy sợ.

Con Diu đòi về. Tôi cùng nỗi da gà. Năm giờ, trời hơi dịu nắng. Dân làng Tập Phúc, Nhân Bồi và phía trên là Đô Lương, Cát Ngạn đến đã khá đông. Ba tử tội được dẫn vào, áo quần bà ba nâu. Người cao nhất là võ sĩ Minh Châu, người thấp nhất là Bửu Viêm. Tất cả đều cao lớn hơn dân làng.

Họ ngồi vào chiếu, bữa cơm cuối cùng được dọn ra, có cả rượu nếp.

Chúng tôi đứng khá gần. Tôi vẫn áy náy trong lòng : tâm trạng họ thế nào, khi chợt thấy cái chết đến đột ngột thay cho niềm vui đồi trại !

Hình như không có gì khác lạ cả. Họ vẫn nói chuyện với nhau, ăn uống bình thường và có cả nụ cười. Nụ cười của Bửu Viêm, mặt ửng hồng với cốc rượu nếp.

Họ đến cọc tử tội cũng với bước đi rất bình tĩnh. Bửu Viêm ở cột giữa, nhìn thẳng vào công tố viên đang đọc bản bác đơn ân xá của chủ tịch Hồ Chí Minh. Đôi mắt sáng, sáng lầm.

Phía sau là ba tốp cảnh vệ dàn hàng ngang, mỗi tốp năm người với súng mousqueton.

Bản đọc rất ngắn và sau đó các tử tội được bít mắt.

Pháp trường không một tiếng động.

Tiếng hô của Bửu Viêm sang sảng :

- Việt Nam độc lập muôn năm !

...

- Quốc dân Đảng muôn năm !

...

- Hồ Chí Minh muôn năm [?]

...

Tiếng lặp lại của hai võ sĩ, mỗi câu hai lần vang dội cả pháp trường.

Loạt súng đầu tiên. Tiếng hô im bặt, người các tử tội hơi run lên nhưng vẫn giữ thẳng người.

Chút Em, mặt xanh lè. Một tay bụm cu, một tay bíu xiết tay tôi.

Chỉ nghe tiếng lén quy lái.

Loạt súng thứ hai, có viên đạn cày trên đất trúng bàn chân Minh Châu, đầu gối của ông co lén. Và phía Bửu Viêm, đạn trúng lưng quần, quần hơi bị trề xuống.

Các tử tội hoảng hốt ngã xuống, đầu gục về tim.

Có tiếng xôn xao, một số người dời

chỗ đến gần tử tội.

Chúng tôi ra về, không dám ngó lại.

Sau lưng có tiếng súng lục. Những phát đạn âm huệ nghe như tiếng đập vào mó cau.

Diu, con mắt đỏ hoe và Chút Em không hé răng một lần.

Sợ.

Vâng. Đây không phải là trò chơi của trẻ nhỏ. Diu và Chút Em chưa quá tám tuổi.

\*\*\*

Ba năm sau, vào cuối 52, tôi gặp bà Bửu Viêm tại nhà cậu mợ tôi.

Kể lại chuyện này.

Cậu tôi thắc mắc : *Con có làm không?*  
*Có ai lại hoan hô người đã ra lệnh giết mình !*

Vâng, có lẽ tôi làm, vì những người lớn sau này cho biết tiếng hô cuối cùng là "Nguyễn Thái Học muôn năm... muôn năm... muôn năm." Nhưng sao hồi đó, trong cái kinh khiếp đó, đầu tôi vẫn bập bùng tiếng hô "Hồ Chí Minh muôn năm" ?

Bây giờ đã hơn 50 năm qua, tôi còn nhớ rõ đôi mắt sáng đó, nụ cười đó, tiếng súng mousqueton xé tai và cả khuôn mặt người quả phụ đẹp quý phái đó.

\*\*\*

Hà Nội, tháng 7-2001.

Tôi gặp lại Chút Em và Diu, một lão ông tóc bạc rẽ tre, răng cửa thiếu hai cái và một lão bà xí xixon, giọng Hà Nội còn hơn cả Hà Nội.

- Bọn em mừng lắm.

- Tôi cũng vậy, nhưng các cậu nói giọng Nghệ đì, tôi không quen giọng Hà Nội.

Và tôi như kẻ đi xa trở về nhà ...

- Các cậu có nhớ hôm xử tử ở len Đô lương không ?

- Ghê quá, quên sao được anh.

- Có nghe họ hô : Hồ Chí Minh muôn năm không ?

- Có anh [Chút Em nhanh nhảu trả lời].

- Em thì chả nghe chả thấy gì cả, sơ qua, mắt cứ nhắm tí, dài ra cả quần.

Tôi gọi lại thắc mắc của ông Cậu.

Chút Em đăm chiêu.

- Kỳ thật, ở tuổi đó, em đâu có phân biệt được gì. Cùng không có gì lạ đâu anh. Anh có nhớ ông Bá làng ta không ?

- Nhớ chứ. Không những nhớ ông Bá mà nhớ cả anh Học.

Ông Bá giàu nhất làng, nhà có sân gạch, nấm sáu mẫu ruộng, vườn rộng, có đủ thứ : nhãn, xoài, cam, quýt. Mùa nhãn, bọn tôi hay hái trộm. Có lần bị bắt gặp, ông Bá lấy sào thọc. Chút Em nhỏ nhất, không leo được cao, ở cành thấp nhất, bị thọc trúng, rót xuống như quả mít, tắt thở đến mấy giây đồng hồ.

Ra khỏi vườn, một tay bụm cu, một tay xoa cổ.

- Diu, sờ coi.

Điều nắn nắn cái cổ : sưng rồi.

Chút Em hốt hoảng :

- Chết tau rồi, tật len cổ rồi.

Rồi khóc bù lu bù loa, làm con Diu sợ xanh mặt.

Mới thở lại được, cổ tất nhiên phình lên.

Dái con nít, khi có khi không. Số thì tốt đi đâu mất, huống hò bị té như trời giáng.

- Sao ?

- Hồi cải cách ruộng đất, Đội nông ông lên thành địa chủ. Cho đủ chỉ tiêu. Khi bắn, ông cùng hô Hồ Chí Minh muôn năm... Và em cũng chứng kiến nhiều người hô như vậy. Phản ứng tự nhiên anh a, ngày nào cũng hoan hô, riết rồi thành thói quen, y như cái đùi của võ sĩ Minh Châu co lên ở loạt đạn thứ hai ! Cùng có thể vì thương con cháu, kêu tên "Thần Linh", để mong rằng con cháu khỏi bị hụt lụy ba đời. Và cũng có thể, những ngày kháng chiến, dân chúng vẫn xem Bác là linh hồn của dân tộc. Như một thứ hào quang.

Và nó cười.

- Bây giờ ít ai để ý hào quang đó, một phần lo làm ăn, một phần vì đã thấy nhiều nỗi oan khiên sau cái hào quang đó. Chỉ có mấy chú xích lô, mấy chú công an và mấy cụ (bộ chính trị) còn lo lắng và quan tâm đến Bác thôi.

Mấy chú xích lô : "xích lô, bố".

Không dám gọi khách bằng Bác vì đã có trường hợp, một chú lão lếu đón khách ở gần lăng Bác, khách từ chối, nó chửi thề sau lưng : "D.m. Bác". Phạm thượng. Bị công an lôi về bót.

Tối đến, trong quán cà phê, Chút Em nói nhỏ vào tai tôi.

- Đây cũng là cái oan khiên đây anh. Nhà của cụ Vù Đình Huỳnh. Cụ bị tù

đày ngút ngàn trong vụ án Xét lại. Cụ là người thân cận của Bác. Nhóm Duẩn Thọ bắt cụ. Nhiều người nghĩ rằng : nếu Bác biết ... hay nếu Bác còn sống thì mọi sự sẽ không đến nỗi !

Không phải vậy. Bác biết và Bác im lặng. Chính cái oan khiên nó nằm ở đó.

Anh có đọc cuốn Lưu Thiếu Kỳ và Ân oán Trung Nam Hải (2) ? Đọc đi, anh sẽ hiểu vì sao !

Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ đồng hương, cùng tỉnh Hồ Nam, cùng học trường Sư phạm số 1 Trường Sa, ra trường cùng năm, và cùng tham dự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921.

Những năm 20, vị trí của Lưu trong đảng cộng sản cao hơn Mao. Mao lo về nông vận, Lưu chỉ huy phong trào công nhân, học sinh toàn quốc.

Sau cuộc vạn lý trường chinh, Mao trở thành nhân vật số 1 và Lưu luôn là nhân vật số 2 của Đảng Cộng sản.

Cuối năm 1943, Lưu đề xuất thuật ngữ Tư tưởng Mao Trạch Đông. Từ đây, Mao bước lên địa vị lãnh tụ tối cao không chỉ trong Đảng, trong quân đội mà cả trên lĩnh vực lý luận. Vào năm 1945, đại hội 7 của Đảng Cộng sản Trung Quốc ghi vào điều lệ Đảng : lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm tư tưởng chỉ đạo trong toàn Đảng.

Năm 1949, thành lập nền Cộng hòa Nhân dân ở Trung Quốc, Mao thực sự đã là một vị hoàng đế mới, nắm giữ tất cả mọi quyền hành.

Từ 1955, Mao phát động phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa. Khởi đầu cho bước đại nhảy vọt : nào là cải cách ruộng đất, nào là trăm hoa đua nở... để tiêu diệt kinh tế cá thể và thanh trừng hữu khuynh hay những kẻ bất đồng chính kiến [...]

Một sớm một chiều, tất cả đất đai đều bị truất hưu, xí nghiệp, cửa hàng đều thành công doanh, chủ nhân biến thành công nhân. Tất cả đều tập thể hóa. Để thì có xưởng đẻ, con sinh ra thì có trại nuôi, ăn thì có nhà ăn chung, sản xuất thì có chỉ tiêu : hai vạn cân mỗi mầu ruộng, khoai tây một triệu cân, heo một ngàn cân mỗi đầu và 700 triệu tấn gang thép cho

700 triệu dân [...]

Và tiêu diệt hữu khuynh cũng có chỉ tiêu : khởi đầu tìm được 4500 phản động. Không đủ, tăng thêm 10 000, lần này Đặng Tiểu Bình vô rợ. Vẫn không đủ, tăng thêm 60 000, và lần này nhân dân loại thêm được anh chàng Chu Dung Cơ [...] Một năm đại nhảy vọt, ba năm đói kém. Hơn hai mươi triệu dân chết vì đói và vì bị thanh trừng. Nhiều làng chết không còn một mống !

Lưu thấy rõ hiểm họa này ngay từ đầu, nhưng không dám phản bác, chỉ cố kìm lại khí thế hăng say ban đầu của phong trào, và khôn khéo dựa theo chủ trương tập thể chỉ huy của Mao để rút tư tưởng Mao Trạch Đông ra khỏi điều lệ của Đảng. Đó là tội thứ nhất của Lưu !

Uy thế của Mao bị giảm sút. Mao bị phê bình, tạm rút lui vào hậu trường, nhường chức Chủ tịch nước cho Lưu (1959) và để Lưu lo việc cứu vãn kinh tế.

Kinh tế dần dần được vãn hồi. Dân chúng biết ơn, nhiều người khóc và hô lớn : Lưu chủ tịch muôn năm, bất kể sự có mặt của Mao. Đó là tội thứ hai của Lưu !

Mao nhiều vợ, con cái người mất, người điên. Giang Thanh là vợ sau cùng. Gia đình không mấy hạnh phúc, Giang Thanh bản tính chua ngoa, Mao cầm cửa ít khi cho gấp. Mao chỉ thích gái trẻ.

Lưu năm vợ, Vương Quang Mỵ là vợ sau cùng, từng du học ở Mỹ, vừa là vợ hiền, đã xây dựng được một gia đình hạnh phúc và gương mẫu trong Trung Nam Hải, vừa là cộng tác viên đặc lực của Lưu, thường có mặt bên Lưu trong các buổi tiếp tân hay công du nước ngoài. Lưu rất thương quý người vợ này.

Còn Giang Thanh, người bị lăng cung nơi Tinh viễn, vô cùng ngứa mắt khi nhìn thấy vợ chồng Lưu bên nhau, ganh ghét vì những cuộc tiếp đón long trọng hai vợ chồng ở nước ngoài [...] Thè sẽ có dịp trả thù.

Đó là tội thứ ba của của gia đình Lưu. Mao ngậm đắng, chờ dịp trả thù. Và bây giờ có thêm Giang Thanh.

1968, với sự đồng ý của Mao, nhóm Giang Thanh khởi động phong trào Cách mạng Văn hóa.

Tại đấu trường Đại học Thanh Hoa, bọn Hồng Vệ binh đấu tố, lột quần áo Vương Quang Mỵ, buộc bà mặc áo trường bào xé đùi, đì giày cao gót, mang tất nylon cao tới bẹn, đứng thế đi máy bay phản lực. Chúng buộc tội bà giàn điệp, đặc vụ nằm vùng của CIA, theo tư bản chủ nghĩa. Chúng cớ là bà có du học ở Mỹ, và có vài đồ trang sức nhỏ mua ở ngoại quốc nhân dịp công du. Bà không nhận tội. Chúng dùng Sách Đỏ Lời Mao Chủ tịch vả vào mồm đến toé máu, Bà phải kêu thét lên :

- Mao chủ tịch, Mao Trạch Đông, Mao Nhuận Chi.., chúng nó vô đầu (hành hung), chúng nó đánh người..

Và ở một đấu trường khác, Lưu Thiếu Kỳ bị ấn đầu cúi xuống, cứ đứng như vậy hàng giờ, nghe lồng ngực mà không được đối đáp một lời. Chúng ngụy tạo lịch sử, một sự cố 40 năm về trước, để kết tội phản tặc, nội gian và công tặc.

Cũng bị đánh vỡ miệng bởi cuốn Sách Đỏ Lời Mao Chủ tịch.

Trong nhà giam, Lưu bị cắt gân chân, phải bò lênh như chó, liếm vài bát cháo đỏ, hay gặm miếng bánh bao khô. Lưu bị đày đọa như vậy cho đến ngày chết (1969).

Mao vẫn nhai trà, làm thơ và giữ im lặng. Bọn cận thần đã làm đúng ý nguyện của Mao.

Mười năm sau, ra tù (1978), Vương Quang Mỵ đi tìm xác chồng. Một hủ tro để quên đâu đó, mang tên Lưu Vệ Hoàng - dân lang thang vô nghề nghiệp !

Hai năm sau (1980), trung ương Đảng Cộng sản thông qua nghị quyết phục hồi danh dự cho Lưu. Kể tội Lâm Bưu và nhóm Giang Thanh. Không một lời nói về Mao. Người ta cố quên đi câu nói của Giang Thanh trước tòa : "Tôi chỉ là con chó của Mao, Mao chỉ đâm tôi cắn đó". Và người ta cũng cố quên đi, hơn 300 đại công thần đã cùng Mao dựng nước Trung Hoa mới, cùng bị đày tố nhục nhã như Lưu ! Tôi ư ? Họ không phản bội Mao, mà chỉ vì một

vài lời phê bình hay một ý kiến bất đồng !

Lễ truy điệu Lưu được long trọng tổ chức tại đại lễ đường Nhân Dân Bắc Kinh, được Hoa Quốc Phong và Đăng Tiểu Bình nhắc lại công lao to lớn của Lưu, xác nhận đây là một vụ án oan lớn nhất trong lịch sử. Và dưới bức chân dung vĩ đại của Mao trong đại sảnh đường !

Mao là cha già dân tộc. Mao càng vĩ đại hơn. Mao chủ tịch muôn năm !

Trong giấc ngủ chập chờn trên chiếc Air France trở lại Paris, tôi vẫn bàng hoàng với tiếng kêu thảng thốt của Vương Quang Mỵ : "Mao chủ tịch, Mao Trạch Đông, Mao Nhuận Chi ... chúng nó vô đầu, chúng nó đánh người"...

Lần với tiếng đạn nổ bên lèn Đô lương !

Nhớ đến anh Học, người mà bọn trẻ vừa quý mến, vừa sợ.

Chỉ vài hôm sau vụ xả bắn. Chút Em thằng nhát nhất trong đám, bắt đầu được con éch khá bụi, nó dùng gai buỗi găm chân tay vào thân chuối rồi rủ bọn nhỏ phóng tên.

Anh Học đi qua.

- Bọn bây chơi trò gì vậy ?

- Tui xả tử Việt gian.

Chút Em vênh váo trả lời.

Nhin con éch sống dở chết dở, một đùi éch bị sỏ gai, run run co lên co xuống. Anh lôi đầu Chút Em lại, cốc một cái nén thân.

- Bọn bây học cái ác ở đâu vậy ?

Cái đầu trọc lóc không dám khóc.

Đợi anh Học đi khỏi, nó xoa đầu.

- Lủng sọ tau rồi. Diu sờ coi..

Diu dây này.

- Không. Cho đáng kiếp.

Lần này Diu khôn rồi. Không đợi gì dụng đến thằng thích ăn vạ.

Cái ác không có trong làng.

Vâng, cái ác đến tự đàng xa.

Và khuôn mặt đầm chiêu của Chút Em...

Bây giờ nghỉ lại, em thấy họ [nhóm Bửu Viêm] không thể hô như vậy. Họ bất khuất quá mà. Bình tĩnh trước cái chết vì biết không chết cách này cùng chết cách khác. Khái Hưng đâu có vượt ngục, mà vẫn bị

cột đá thả sông !

[...] Nhũng thứ như "Rèn cán chính quân", "Cải cách ruộng đất", "Thuế nông nghiệp", "Đánh tư sản mại bản", "Trăm hoa đua nở", "Bọn xét lại", "Tư tưởng Hồ Chí Minh", "Ban tôn giáo chính phủ", "Tận diệt đối lập" đều không phải của mình. Họ dịch từ chữ Tàu rồi đưa oan khiên về nước về làng.

Cái khủng khiếp mà em thấy là người Việt mình, hình như có giòng máu nô lệ anh ạ.

Ừ, thằng thó đế này, về già cũng có chút gan cộc tía của cụ Nguyễn Văn Trấn (3).

Có lần anh chị em Nam bộ đại biểu tôi (Nguyễn Văn Trấn) đến gặp ông già Tôn (Tôn Đức Thắng, chủ tịch Nước) mà hỏi : Tại sao ông để cho cải cách ruộng đất giết người như vậy ?

Bác Tôn đang ngồi, nghe tôi hỏi, liền đứng dậy bước ra khỏi ghế, vừa đi vừa nói :

- Đụ mẹ, tao cũng sợ nó, biểu tao còn dám nói cái gì ?

Nó, là mấy ngài cố vấn Chéc. Nó bảo Phóng Tay thì mình cứ Phóng Tay giết thả cửa !

Chop bu thì vậy, còn dân chúng thì sao ? Cóm độn quanh năm, nhiều khi chỉ húp cháo, vẫn phải luôn luôn cúi đầu : Cảm ơn Đảng, Cảm ơn Bác Cái ngu đần làm con người hèn nhác, cái hèn nhác làm con người trở nên tàn ác.

Không khỏi giật mình, nhớ trong Đại Việt Sử ký :

Sáu trăm năm trước, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, đặt tên nước là ĐẠI NGU

Bây giờ là thời đại hậu Hồ.

Một giấc ngủ triền miên.

### Nguyễn Văn Hòa

(1) Có tên là lèn Trang Thịnh. Lèn : núi đá vôi cao thẳng đứng.

(2) Lưu Thiếu Kỳ và Ân oán Trung Nam Hải, Thái Nguyên Bách Liên dịch, nhà xuất bản Trẻ, 1999.

(3) Viết cho Mẹ và Quốc hội, Nguyễn Văn Trấn, nhà xuất bản Văn nghệ 1995.

### Tô quốc Ăn năn

của Nguyễn Gia Kiểng

Một cuốn sách nhằm trả lời hai câu hỏi :

Tại sao Việt Nam lại như hiện nay ?

Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên ?

Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một hành trình theo dòng lịch sử và một khảo sát về nền văn hóa và các giá trị nhào nặn con người Việt Nam. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước. Sách dày 595 trang không kể lời đầu và phê bình của một nhân vật.

Tại Pháp : 200 FRF. Chi phiếu xin đè "Nguyễn Gia Kiểng", 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes

Tại Đức : 60 DM. Chi phiếu xin đè "Nguyen Thanh Luong", Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volksbank EG, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahl 50 19 00 00

Tại Hòa Lan : 70 NFL. Chi phiếu xin đè "Trần Thị Mến", Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đè TQĂN.

Tại Úc : 50 AUD. Chi phiếu xin đè "Thú S. Duong" và gửi về Việt Luận Magazine, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.

Tại Hoa Kỳ : 30 USD. Chi phiếu xin đè "Dinh Quang Anh Thai", 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.

Tại Anh : 20£. Chi phiếu xin đè "Đoàn Xuân Kiên", 74 Swaffield Road, London SW 18 3 AE

Tại Canada : 45 CND. Chi phiếu xin đè "That Thien Ton", 223 Britannia Road, Ottawa, ONT K2B 5X1.

Thông Luận hoan nghênh  
mọi ý kiến đóng góp  
và ủng hộ tài chánh  
của quý độc giả

# THỜI SỰ ... TIN

## APEC lấy thái độ về khung bối và toàn cầu hóa

Hội nghị Hợp tác Kinh tế Á châu - Thái Bình dương (APEC) được tổ chức ở Thượng Hải trong các ngày 20 và 21-10-2001 đã kết thúc với hai quyết định quan trọng.

Về mặt ngoại giao, trong bản tuyên bố cuối cùng, các lãnh tụ có mặt ở Thượng Hải - Đài Loan đã tẩy chay buổi họp vì Trung Quốc đã từ chối đại biểu do Đài Bắc tuyển chọn - đã quyết liệt kết án khung bối : "Khung bối là một thách thức trực tiếp đối với quan niệm kinh tế tự do, cởi mở và phồn thịnh của APEC và những giá trị căn bản mà các thành viên APEC theo đuổi". Thêm nữa, họ còn công nhận rằng Hoa Kỳ phải đóng vai trò chủ chốt trong việc phòng ngừa và diệt trừ các phong trào khung bối. Để thực hiện mục tiêu này, các nhà hữu trách APEC kêu gọi hợp tác quốc tế để truy tố những thủ phạm của các vụ khung bối. Họ chủ trương ký kết và thông qua nhanh chóng tất cả các quy ước chống lại khung bối, trong đó Quy ước Quốc tế Ngăn chặn Tài trợ Khung bối. Một số lãnh vực hợp tác khác còn được liệt kê trong đó an ninh trong các lãnh vực hàng không, đường biển, viễn thông, y tế và năng lượng. Để tranh thủ hậu thuẫn của các nước Hồi giáo, Mã Lai Á và Nam Dương, bản tuyên bố ngày 21-10 đã không nói đến chiến dịch của Hoa Kỳ ở A Phú Hán. Hoa Thịnh Đốn đã không muốn gây thêm vấn đề cho những chế độ này vào lúc mà họ phải vừa đương đầu với những phong trào Hồi giáo cực đoan, vừa đối phó những hậu quả kinh tế của biến cố 11 tháng Chín. Với 210 triệu dân trong đó 90% là người Hồi giáo, Nam Dương là nước Hồi giáo "lớn" nhất trên thế giới. Cũng như Mã Lai Á (60% người Hồi giáo trên số 21 triệu dân), Nam Dương thường được xem như tiêu biểu cho đường lối Hồi giáo ôn hòa. Thế nhưng từ mấy năm nay, những hiện tượng quá khích ngày càng gia tăng, từ những cuộc biểu tình hung hăng đến những vụ tàn sát giáo dân Công giáo trên các đảo Hương Liệu. Trường hợp Phi Luật Tân khác hai nước này nhưng cũng không kém trầm trọng. Tuy là một nước mà phần lớn dân chúng theo đạo Thiên Chúa, Phi Luật Tân phải đối phó với những phong trào Hồi giáo đòi độc lập cho một số lãnh thổ miền Nam Phi Luật Tân. Phương thức "tranh đấu" của chúng thường là bắt cốc du khách để đòi tiền chuộc.

Về mặt kinh tế, các lãnh tụ APEC đã biện hộ cho những hành động nhằm củng cố thị trường và giúp đỡ sự phục hồi của nền kinh tế thế giới. Bản tuyên bố nhận mạnh nhu cầu cải cách nội bộ để đáp ứng các tiêu chuẩn căn bản của thị trường. Các lãnh tụ có mặt ở Thượng Hải đã cam kết ủng hộ mạnh mẽ thương mại tự do và hứa sẽ hợp tác để chống lại chính sách bảo hộ thị trường dưới mọi hình thức. Trên bình diện quốc tế, họ chủ trương củng cố hệ thống tài chính quốc tế. Một trong những biện pháp là bảo đảm rằng các nước trên đường phát triển được đại diện một cách xứng đáng hơn trong các cơ quan của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Song song, họ kêu gọi WTO khởi hành một đợt thương lượng mới và đồng ý rằng lịch trình sẽ gồm có giải tỏa thị trường và củng cố luật lệ của WTO. Về hiện tượng toàn cầu

# TỨC ... THỜI SỰ

hóa, họ đồng ý rằng những cơ hội xuất phát từ tiến trình này không được chia sẻ một cách đồng đều giữa các nước và trong mỗi nước. Họ cho rằng "chìa khóa" của vấn đề này là cải cách định chế và đào tạo nhân sự.

## Hoa Kỳ dãm chun ở A Phú Hán

Sau hơn ba tuần oanh tạc, Hoa Kỳ tỏ ra bối rối về chiến dịch phải theo trong những ngày sắp tới. Thành quả chắc chắn duy nhứt chỉ là Hoa Kỳ đã hoàn toàn vô hiệu hóa hệ thống phòng không Taliban và làm chủ không gian A Phú Hán. Ngược lại, chưa có chỉ dấu nào cho thấy rằng chế độ Taliban bắt đầu rã hàng như một số chiến lược gia đã dự tính. Liên minh Bắc phương của cố chỉ huy Massood vẫn chưa tiến công một cách đáng kể. Họ đòi Mỹ tấn công mạnh hơn các phòng tuyến Taliban, điều mà Hoa Kỳ đã chỉ bắt đầu làm vào ngày 31-10. Trước đó, dùng như Hoa Thịnh Đốn đã không muốn giúp đỡ lực lượng này một cách quyết định vì nó không đại diện cho tất cả các thành phần sắc tộc A Phú Hán. Liên minh Bắc phương quy tụ các sắc tộc Tajik (sắc tộc thứ hai về mặt dân số), Uzbek và Hazara trong khi phần lớn Taliban là người Pashtun, sắc tộc đông nhứt. Dưới áp lực của Pakistan, một đồng minh nước đôi nhưng không có không được, Hoa Kỳ muốn bảo vệ chỗ đứng chính trị tương lai của sắc tộc Pashtun nói chung và những thành phần Taliban "ôn hòa" nói riêng. Giải pháp được một số cường quốc ủng hộ là quy tụ các sắc tộc xung quanh vua Zaher nhưng muốn làm điều đó, đổi lập A Phú Hán còn phải tranh thủ được một số bộ lạc Pashtun. Nhưng trên bình diện này cũng vậy, bọn Taliban đã tỏ ra khôn khéo hơn là người ta tưởng : ngày 26-10, chúng đã bắt được và hành quyết Abdul Haq, một trong những lãnh tụ đối lập có uy tín nhứt. Ông Haq thuộc dân Pashtun và là một khuôn mặt huyền thoại của cuộc kháng chiến chống Liên Xô. Hơn nữa, khác với Massood, ông đã không tham gia cuộc nội chiến đẫm máu kế tiếp sự triệt thoái của Liên Xô. Theo nhiều nguồn tin đáng tin, ông Haq đã được vua Zaher gửi về A Phú Hán để sách động và mua chuộc một tù trưởng và chỉ huy trưởng Pashtun chống lại chế độ Taliban.

## Khung bối sinh trùng ở Hoa Kỳ

Chiến dịch khung bối bằng vi khuẩn bệnh than lan tràn không ngừng ở Hoa Kỳ. Sau một số cơ quan truyền thông, tới phiên các định chế liên bang lần lượt bị tấn công, thượng nghị viện, hạ nghị viện, tòa Bạch Ốc, Cơ quan Tình báo Trung ương và Tòa án Tối cao. Công thức phổ biến là những bao thơ chứa đựng vi khuẩn than dưới trạng thái bào tử. Khác với những vụ tấn công World Trade Center và Ngũ giác Đài, kỳ này, chính quyền Hoa Kỳ tỏ vẻ do dự về định hướng ưu tiên phải theo để tìm kiếm thủ phạm, tổ chức Al-Qaeda của Bin Laden, I Rắc hay những phong trào trong nước chống đối nhà nước trung ương một cách cuồng tín ? Tới bây giờ kết luận duy nhứt của những người điều tra là các thủ phạm phải có một trình độ kỹ thuật nào đó, do độ tinh ròng cao của bột phấn vi khuẩn chứa trong các phong bì.

# THỜI SỰ ... TIN

## Những hậu quả của biến cố 11-9 trên kinh tế Việt Nam

Bởi vì kinh tế của họ tuy thuộc nhiều vào xuất cảng qua Hoa Kỳ, sau nước Mỹ, các nước Á châu là những nước bị nhiều thiệt hại nhứt vì những vụ tấn công 11-9-2001. Việt Nam không thoát khỏi tình trạng đó.

Theo ông Trần Văn Thành, trưởng phòng nghiên cứu và phát triển của hàng du lịch quốc doanh Vietravel, số lượng du khách vào Việt Nam đã giảm 50% so với trước 11-9. Một hãng du lịch của công an, Saigontourist cho biết trong vòng năm ngày, đã có 252 khách lữ hành hủy bỏ chuyến đi Việt Nam. Theo Tổng Cục Du lịch Việt Nam, trong tháng 10-2001, đã có 100 khách hủy bỏ phòng đã đặt ở khách sạn Kim Đô, 80 tại hai khách sạn Bình Minh và Quê Hương. 120 khách Mỹ và 8 vòng du lịch từ các nước khác về Việt Nam cũng bị hủy bỏ.

Một lãnh vực khác bị nhiều khó khăn là ngành xuất khẩu thủy sản. Lý do vì các khách hàng ngừng giao dịch. Một số khách khác yêu cầu hoàn giao hàng hoặc tạm ngừng thực hiện những hợp đồng đã ký.

Biến cố 11-9 cũng ảnh hưởng nặng nề đến kỹ nghệ dệt may. Khủng hoảng ở Mỹ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến Việt Nam qua nhiều thị trường. Các doanh nghiệp có hợp đồng xuất cảng hàng hóa dệt may vào thị trường Hoa Kỳ như May Nhà Bè, May Việt Tiến, Dệt Thành Công, Dệt Thắng Lợi, v.v. chịu nhiều thiệt hại. Ngoài ra, còn có nhiều nước như Nhựt, Đài Loan, các nước Âu châu cũng đã giảm số lượng nhập cảng hay không tiếp tục đặt hàng dệt may Việt Nam.

## Sài Gòn đòi thêm tự do hành chánh và kinh tế

Đó là yêu sách mà các nhà hữu trách Sài Gòn đã gửi đến trung ương tháng Sáu vừa qua và vừa được thủ tướng Phan Văn Khải và tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Nông Đức Mạnh cho biết là chấp nhận trên nguyên tắc. Lập luận của những nhà hữu trách Sài Gòn là thành phố cần được tự do hành chánh và thuế má để phát triển thêm, như thế mới có thể đem lại thêm tiền để trung ương phát triển đất nước. Một cách cụ thể, Sài Gòn mua gia tăng số tiền được giữ lại từ 24 đến 30% trong năm năm liên tiếp. Sài Gòn muốn dùng 60% số tiền được giữ lại thêm để phát triển hạ tầng cơ sở, 40% còn lại để xây cất trường học và nhà thương, bảo vệ môi trường, giúp đỡ di dân nhập thị mỗi năm, mở mang thương mại và tín dụng và canh tân thiết bị để cho các xí nghiệp có thêm khả năng cạnh tranh. Họ cố gắng thuyết phục trung ương là nhờ sê có thêm tiền vô, nhà nước sẽ không bị thiệt thòi. Hiện nay, 74% vốn đầu tư do Sài Gòn và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp thu. Một nhà cố vấn doanh thương ngoại quốc ở Hà Nội công nhận rằng các nhà đầu tư thích hoạt động ở trong Nam hơn vì "toàn bộ guồng máy được động viên để giúp cho thật nhanh người đầu tư". Tuy nhiên, cho đến giờ, muốn thực hiện bất cứ dự án nào sử dụng hơn một mảnh đất, cũng phải xin phép bộ kế hoạch và đầu tư và bất cứ dự án đầu tư nào trị giá hơn 10 triệu Mỹ kim cũng cần có sự chấp thuận của chánh phủ.

# TỨC ... THỜI SỰ

Các nhà hữu trách Sài Gòn còn muốn tham gia cải cách các công ty quốc doanh. Trong khi thủ đô miền Nam thiếu đất, các công ty nhà nước phí phạm rất nhiều đất.

Tuy thế, còn đường còn xa từ đây đến khi mà Sài Gòn có được một mức tự trị đáng kể. Đảng Cộng sản Việt Nam còn có thói quen thích kiểm soát hơn là thả lỏng mặc dầu điều đó có thể đem lại quyền lợi cho họ. Nhứt là còn có hai thành phố đang chăm chú theo dõi hồ sơ Sài Gòn vì cũng mơ ước có thêm tự trị kinh tế, là Đà Nẵng và ... Hải Phòng. Một nhà quan sát dự đoán là sê không có một viên chức nào còn có hơn năm năm hoạt động dám ký sắc lệnh tự trị kinh tế và hành chánh cho Sài Gòn. Riêng thủ tướng Phan Văn Khải sê về ưu tháng Tư năm tới, do đó có thể sê ủng hộ hồ sơ Sài Gòn một cách tích cực.

## Một pho tượng Chàm cổ 1400 năm tình cờ khám phá ở Phan Rí

Ngày 24-8-2001, đào đất làm nhà, nhát cuốc của ông Ngô Hiếu Học đụng vào một vật cứng. Cùng với hai người bạn khác, ông Học đào sâu thêm và sau vài phút lôi lên được một tượng đá lớn 60 cm, nặng 13 kg. Bức tượng thể hiện một nữ thần có bốn tay. Nó bị gãy mất hai chun và bàn tay phải phía dưới. Được tin, Viện Bảo tàng Bình Thuận đã gởi người đến rước bức tượng về viện. Sau khi nghiên cứu, các nhà chuyên môn đi đến kết luận là pho tượng thể hiện thần Avalokitesvara mà người Việt Nam và người Hoa thờ cúng dưới danh xưng Quan Thế Âm Bồ tát ; nó đã được một nghệ sĩ thuộc vương quốc Chăm Pa điêu khắc cách đây khoảng 1400 năm. Điều ngộ nghĩnh là pho tượng này đã được khám phá lần thứ nhứt vào năm 1945 và được dân làng Phan Rí tôn thờ dưới tên "Nữ Phúc Thần". Không biết giá trị khoa học của pho tượng nhưng gắn cho nó nhiều phép lạ, dân làng đã dùng màu xanh, màu trắng sơn lên pho tượng khi làm lễ thầy pháp. Người cuối cùng giữ bức tượng là ông "Bảy Thọ", sau khi ông này mất, gia đình của ông đã chôn tượng xuống đất.

## Thêm mỏ dầu trên thềm lục địa Việt Nam

Ngày 21-9-2001, tập đoàn dầu khí quốc gia Mã Lai Á Petronas thông báo đã tìm ra một mỏ dầu nằm trên lô 01-02 của thềm lục địa Việt Nam, cách Vũng Tàu 168 cây số. Sản lượng dầu có thể đạt đến 2300 thùng một ngày. Petronas sê hợp tác với Công ty Thăm dò và Khai thác, một chi nhánh của tập đoàn Petro Vietnam, để khai thác. Trước đó, Petronas đã phát hiện một mỏ khí đặt tên "Bích Ngọc" cùng nằm trong lô này. Song song, nó hiện đang khai thác mỏ dầu Hồng Ngọc, cách mỏ dầu mới được khám phá 13 cây số về phía Tây. Các đây một tháng, liên doanh Hàn-Mỹ, Korea National Corporate - Conoco, cũng đã cho biết đã khoan trúng một mỏ dầu nằm ở phía Đông Vũng Tàu khoảng 144 cây số. Theo dự tính, mỏ dầu này có thể khai thác có lời khoảng chừng 420 triệu thùng. Các tin này đến đúng lúc vào lúc mà Đại Hùng, mỏ dầu lớn nhứt của Việt Nam, bắt đầu cạn với một sản lượng xuống còn 2000 thùng một ngày. Mỏ dầu Đại Hùng sê ngừng khai thác vào năm 2003.

## **Tuyên bố của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên về vụ xử án linh mục Nguyễn Văn Lý**

Ngày 19-10-2001 vừa qua, sau một phiên tòa thô bỉ không nhân chứng và không luật sư biện hộ, chính quyền cộng sản Việt Nam đã tuyên án linh mục Nguyễn Văn Lý 15 năm tù giam vì hai tội danh không tuân hành lệnh quản chế và phá hoại đoàn kết dân tộc.

Linh mục Nguyễn Văn Lý là một người không bạo động và cũng không âm mưu lật đổ chính quyền. Ông chỉ bày tỏ sự phản nỗ trước hành động xâm phạm tài sản của giáo sứ Nguyệt Biều do ông cai quản. Ông đã chỉ nói lên tiếng nói của một công dân để bảo vệ một quyền lợi chính đáng của giáo sứ ông và bảo vệ tự do tôn giáo. Hành động này hoàn toàn phù hợp với bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền đã được chính quyền Việt Nam ký nhận và cũng phù hợp với hiến pháp của chính chế độ Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc ông từ chối thi hành lệnh quản chế đối với ông cùng là hoàn toàn chính đáng. Lệnh quản chế này dựa trên nghị định 31/CP, một nghị định xâm phạm trắng trợn phẩm giá con người vì nó cho phép trừng phạt không xét xử một công dân theo quyết định tùy tiện của người cầm quyền và cũng vi phạm trắng trợn ngay cả hiến pháp của chế độ.

Tội danh "phá hoại đoàn kết dân tộc" là một tội danh mơ hồ mở đường cho mọi biện pháp đàn áp và tội ác, một tội danh không thể có trong một quốc gia văn minh.

Phiên tòa vừa qua vì thế không phải là một vụ xử án, nó chỉ là một hành động khủng bố bằng tòa án phải được nhận diện và lên án. Nó chỉ chứng tỏ bản chất bất lương của cái đang được những người cầm quyền tại Việt Nam gọi là công lý. Nó thách đố công lý và ngay cả ý niệm công lý. Nó bộc lộ mặt thật của chế độ, đồng thời là một ô nhục cho các thẩm phán Việt Nam và một xúc phạm đối với mọi luật gia. Nó cũng chà đạp lên chính bản hiến pháp của chế độ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tập hợp Dân chủ Đa nguyên bày tỏ tình cảm quý mến với linh mục Nguyễn Văn Lý và chia sẻ sự phản nỗ của gia đình ông, của đồng bào công giáo và của mọi người yêu chuộng tự do và công lý.

Tập hợp Dân chủ Đa nguyên, bằng mọi khả năng của mình, cương quyết vận động dư luận Việt Nam và thế giới, các chính phủ dân chủ và các tổ chức quốc tế tạo áp lực phối hợp đòi nhà cầm quyền Việt Nam phải chấm dứt ngay chính sách đàn áp thô bạo của họ, trước mắt là phải trả tự do tức khắc và không điều kiện cho linh mục Nguyễn Văn Lý.

Vụ xử án Nguyễn Văn Lý, sau những vụ bắt bớ đầu tháng 9 vừa qua tại Hà Nội và những quyết định quản chế đối với những trí thức và tu sĩ tại miền Nam gần đây chứng tỏ rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn giải pháp đàn áp thay vì đối thoại để đương đầu với khát vọng tự do và dân chủ đang lên cao trong một xã hội Việt Nam đã chín muồi cho thay đổi.

Những người dân chủ Việt Nam sẽ phải chờ đợi nhiều thử thách trong những ngày sắp tới, nhưng chúng ta sẽ đón nhận mọi thử thách với tất cả quyết tâm và tin tưởng. Tiến trình dân chủ hóa của đất nước ta đã khởi động và không thể đảo ngược được.

Ngày 26-10-2001  
**Tập hợp Dân chủ Đa nguyên**

## **Mục lục**

1. *Lụt và trách nhiệm nặng nề của chính quyền cộng sản*  
**Thông Luận**
2. *Nguy cơ thật sự đe dọa nhân loại ngày nay là cuồng tín*  
**Tôn Thất Thiện**
3. *Yêu cầu hủy bỏ lệnh cắt điện thoại*
4. *Hay cảnh giác với Bắc Triều*  
**Lê Chí Quang**
9. *Nghị về hiến pháp nước ta*  
**Nguyễn Thanh Giang**
13. *Chuyện vui chữ nghĩa*  
**Nguyễn Hữu Thành**
14. *Chênh lệch thu nhập trong kinh tế Việt Nam*  
**Nguyễn Mạnh Hùng**
18. *Người Việt và óc sáng tạo*  
**Trần Nhân Đạo**
24. *Giữa nước trời bao la*  
**Tưởng Năng Tiến**
26. *Cái ác đến tự đằng xa*  
**Nguyễn Văn Hòa**
30. *Thời sự*
32. *Tuyên bố về vụ xử án linh mục Nguyễn Văn Lý*  
**Tập hợp Dân chủ Đa nguyên**

### **Thư độc giả**

### **Càng ngày càng thêm ưu điểm**

Hoan nghênh *Thông Luận* càng ngày càng thêm ưu điểm :

1. *Thông Luận* vốn đã có một đội ngũ đông đảo gồm nhiều bộ môn, có khả năng và tận tụy làm "việc chùa", quý bạn lại biết mở rộng cửa, "chiêu hiền đại sỹ", nên nhiều cây bút tài hoa ở trong và ngoài nước quy tụ về *Thông Luận*, nhờ vậy mà bài viết rất phong phú và hay.

2. *Thông Luận* bán giá rẻ, trình bày hợp lý, in đẹp. Trước kia hay có lỗi chính tả mà kẻ viết mấy hàng này đã đôi lần lưu ý người đánh máy. Thời gian gần đây thì chính tả rất chuẩn.

3. Bài xã luận của *Thông Luận* bao giờ cũng đi đúng với tôn chỉ đã đề ra, chứ không có cái "não trạng Hòn Trương Ba, da hàng thịt".

**NHT** (Paris)